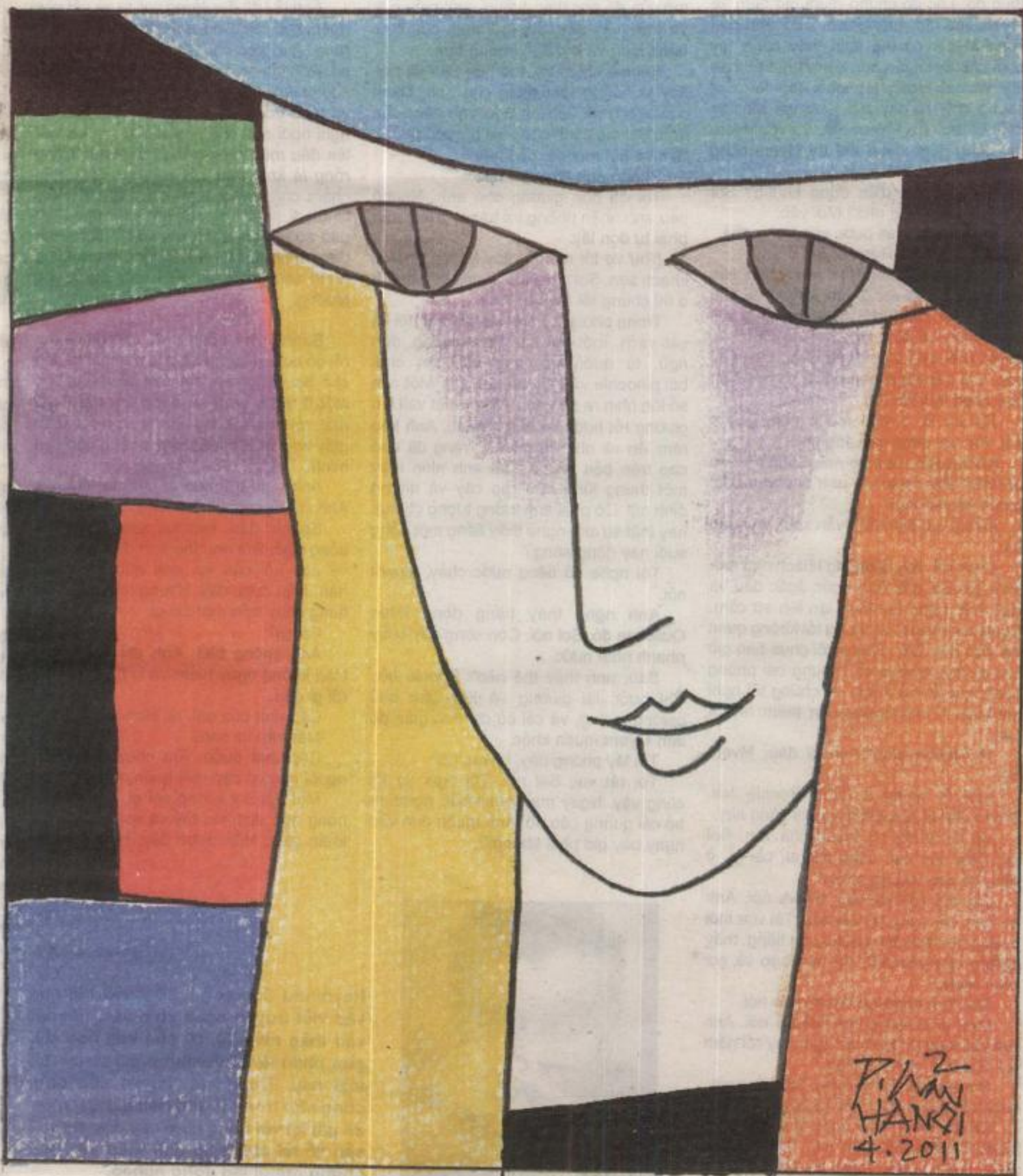




# 10 TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI

- Vào giữa thập niên 80 tiểu thuyết, truyện ngắn của Gabriel Garcia Marquez được dịch ra tiếng Việt, bạn đọc Việt Nam lập tức đón nhận nồng nhiệt, sách của ông được in khá dồn dập, bán chạy. Tới năm 2000, và từ đó đến nay, ở ta khái niệm chủ nghĩa hậu hiện đại, rồi văn học hậu hiện đại bắt đầu xuất hiện trên một hai tạp chí, một vài đầu sách. Như thế, phải hai thập niên sau khi đọc, ngạc nhiên và thích thú nhà văn châu Mỹ la tinh này bạn đọc Việt Nam mới biết ông là một nhà văn hậu hiện đại, cũng như họ vẫn không hề biết nếu chưa quan tâm đến điều này. Tác phẩm có trước rồi sau đó mới là sự định danh, điều... muôn thuở bình thường trong cuộc sống. Nhưng không phải vì thế mà sự định danh thời cần thiết, quan trọng và ... hấp dẫn.

Thông qua 10 truyện ngắn được viết bởi các nhà văn lớn của các nền văn học Anh, Australia, Ireland, Izrael, Mỹ, Nga, Nhật bản, Pháp - mà nhiều người trong họ, Samuel Beckett, Raymond Carver, J. M. G. Le Clézio, Vidiadhar Surajiprasad Naipaul đồng thời cũng là các tên tuổi lớn của văn học thế giới - Văn nghệ xin trân trọng giới thiệu một khuynh hướng văn học trong khuôn khổ cuộc thi truyện ngắn 2011 - 2012 để bạn viết, bạn đọc đối sánh và tham khảo.



RAYMOND CARVER (Mỹ)

# MỖI LỬA

KHI ấy là khoảng giữa tháng tám và Myers đang sống vật vờ. Điều duy nhất khiến khoảng thời gian này khác với những lúc khác là anh tỉnh táo. Anh vừa trải qua hai mươi tám ngày ở một trại cai rượu. Nhưng chính trong quãng thời gian đó, vợ anh đã quyết đi theo một gã say khác, một người bạn của họ. Gã này gần đây được thừa hưởng một ít tiền và đang tính đến chuyện mua phần hùn của một quán rượu và tiệm ăn ở miền đông tiểu bang.

Myers gọi cho vợ, nhưng cô gác máy khi nghe giọng anh. Cô thậm chí chẳng buồn nói chuyện với anh, nói gì đến cho anh lại gần nhà. Cô đã thuê luật sư và có được giấy của tòa cấm anh tiếp xúc. Thế nên anh lấy một vài thứ đồ đạc, bắt xe khách, rồi theo quảng cáo trên báo đến đến một căn phòng trong ngôi nhà gần biển của một người tên là Sol.

Khi mở cửa Sol mặc quần jean và áo thun đỏ. Lúc đó chừng mười giờ đêm và Myers vừa mới xuống taxi. Dưới ánh đèn cổng Myers có thể nhìn thấy cánh tay phải của Sol ngắn hơn cánh tay trái, bàn tay và các ngón tay phải teo lại. Sol không chia cả tay trái lành lặn lẫn tay phải bị teo cho Myers bắt, và với Myers thế cũng được. Như thế thì Myers cũng thấy nhộn nhạo lắm rồi.

Anh mới gọi điện đúng không? Sol nói. Anh đến xem nhà? Mời vào.

Myers xách vali bước vào trong nhà.

Đây là vợ tôi, Bonnie, Sol nói.

Bonnie đang xem tivi, nhưng chị liếc mắt xem người đang vào nhà là ai. Chị chuyển tivi sang chế độ cầm bằng cái điều khiển, rồi tắt luôn. Sau đó chị nhắc người rồi bước lại bên cửa sổ. Chị béo, chị béo đều khắp người và hỗn hển khó nhọc mỗi khi thở.

Tôi xin lỗi vì đến muộn quá, Myers nói. Rất vui được gặp anh chị.

Không sao, Bonnie nói. Chồng tôi có nói trên điện thoại với anh chúng tôi đòi bao nhiêu không?

Myers gật đầu. Anh vẫn xách vali trên tay.

Được rồi, đây là phòng khách như anh thấy đó, Sol nói. Anh gác vali xuống và đưa mấy ngón tay lành lặn lên sờ cầm. Cũng nói với anh là chúng tôi không quen với việc này lắm. Chúng tôi chưa bao giờ cho ai thuê phòng cả. Nhưng cái phòng đằng sau đó bỏ trống, và chúng tôi nghĩ khi thật. Ai mà chẳng cần thêm một ít tiền.

Tôi không phàn nàn gì đâu, Myers nói.

Anh là người ở đâu? Bonnie hỏi. Trông anh không giống người vùng này.

Vợ tôi muốn trở thành nhà văn, Sol nói. Nên lúc nào cũng hỏi ai, cái gì, ở đâu, tại sao và bao nhiêu?

Tôi vừa mới tới đây, Myers nói. Anh chuyển vali sang tay bên kia. Tôi vừa mới xuống xe cách đây chừng một tiếng, thấy quảng cáo của anh chị trên báo và gọi điện ngay.

Anh làm nghề gì? Bonnie dò hỏi.

Việc gì tôi cũng làm, Myers nói. Anh đặt vali xuống, duỗi các ngón tay rồi nằm lại. Rồi anh nhắc vali lên.

Bonnie không hỏi thêm. Sol cũng vậy, mặc dù Myers thấy anh ta có vẻ tò mò.

Myers để ý thấy một tấm ảnh của Elvis Presley đặt trên tivi. Chữ ký của Elvis chạy ngang ngực áo vét trắng cổ

đỉnh kim loại. Anh bước lại gần.

Vua nhạc rock 'n' roll đấy, Bonnie nói.

Myers gật đầu nhưng không nói gì. Bên cạnh ảnh Elvis là ảnh cưới của Sol và Bonnie. Trong ảnh Sol bận com-lê và thắt cà vạt. Cánh tay trái lành lặn của Sol vòng hết cỡ qua bụng Bonnie. Tay phải của Sol và tay phải của Bonnie nắm lấy nhau ngay khóa thắt lưng của Sol. Nếu Sol có nói gì thì Bonnie chắc cũng không bỏ tay Sol ra. Bonnie có vẻ chẳng bận tâm. Trong ảnh Bonnie đội mũ và cười toe.

Tôi yêu cô ấy, Sol nói, như thể Myers đã nói điều gì ngược lại.

Thế còn cái phòng mà anh định chỉ cho tôi đâu? Myers hỏi.

Chúng tôi quên khuấy mất, Sol nói.

Họ ra khỏi phòng khách đi vào nhà bếp, Sol đi trước, Myers xách vali đi theo, rồi tới Bonnie. Họ đi qua nhà bếp và rẽ trái ngay trước cửa sau. Có mấy cái tủ ly mở cửa để dọc theo tường, một máy giặt và một máy sấy. Sol mở cánh cửa cuối hành lang và bật đèn buồng tắm.

Bonnie nhích tới, thở hỗn hển và nói, đây là buồng tắm riêng của anh. Cánh cửa trong nhà bếp kia là lối vào riêng của anh. Sol mở cánh cửa phía bên kia buồng tắm và bật một cái đèn nữa.

Phòng anh đây, Sol nói.

Tôi đã dọn giường cho anh. Nhưng nếu anh nhận phòng thì từ nay trở đi anh phải tự dọn lấy.

Như vợ tôi nói đó, đây không phải là khách sạn, Sol nói. Nhưng nếu anh muốn ở thì chúng tôi rất sẵn lòng.

Trong phòng có một cái giường đôi kê sát vách, một cái bàn đầu giường, đèn ngủ, tủ quần áo, một cái bàn chơi bài pinochle và một cái ghế sắt. Một cửa sổ lớn nhìn ra sân sau. Myers đặt vali lên giường rồi bước lại bên cửa sổ. Anh kéo rèm lên và nhìn ra ngoài. Trăng đã nhỏ cao trên bầu trời. Xa xa anh nhìn thấy một thung lũng rậm rạp cây và những đỉnh núi. Có phải anh tưởng tượng chàng, hay thật sự anh nghe thấy tiếng một dòng suối hay dòng sông?

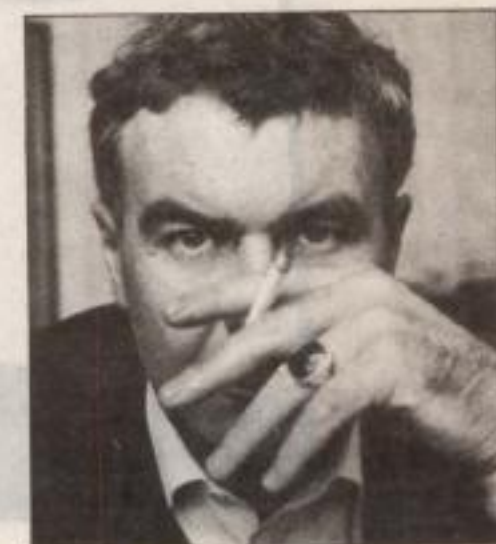
Tôi nghe có tiếng nước chảy, Myers nói.

Anh nghe thấy tiếng dòng Little Quilcene đó, Sol nói. Con sông này chảy nhanh nhất nước.

Sao, anh thấy thế nào? Bonnie hỏi. Chị bước lại giường và kéo tấm phủ giường xuống, và cái cử chỉ đơn giản đó làm Myers muốn khóc.

Tôi lấy phòng này, Myers nói.

Tôi rất vui, Sol nói. Tôi nghĩ vợ tôi cũng vậy. Ngày mai tôi sẽ bảo người ta bỏ cái quảng cáo đó. Anh muốn dọn vào ngay bây giờ phải không?



Tôi mong như vậy, Myers nói.

Thôi chúng tôi để anh nghỉ ngơi, Bonnie nói. Tôi để cho anh hai cái gối, còn một cái chăn thừa trong tủ kia.

Myers chỉ biết gật đầu.

Chúc ngủ ngon, Sol nói.

Chúc ngủ ngon, Myers nói. Cảm ơn anh chị.

Sol và Bonnie đi băng qua buồng tắm của anh vào trong bếp. Họ đóng cửa, nhưng Myers vẫn kịp nghe Bonnie nói, anh ta có vẻ được.

Hơi ít nói, Sol nói.

Em định làm một ít bỏng ngô.

Anh sẽ ăn một chút với em, Sol nói.

Chỉ một lúc sau Myers nghe tiếng ti vi lại được bật lên trong phòng khách, nhưng âm thanh rất nhỏ nên anh nghĩ là nó sẽ không quấy rầy anh. Anh mở tung cửa sổ và nghe tiếng của dòng sông phóng qua thung lũng trên đường ra biển.

Anh lấy đồ đạc trong vali ra và cất vào ngăn kéo. Sau đó anh đi tắm và đánh răng. Anh kéo cái bàn lại ngay chỗ cửa sổ. Rồi anh nhìn chỗ Bonnie kéo tấm phủ xuống. Anh kéo cái ghế sắt ra ngồi xuống và móc trong túi ra một cây bút bi. Anh nghĩ ngợi một chút, rồi mở sổ ra, và viết lên đầu một trang trắng mấy chữ. *Trống rỗng là khởi đầu của mọi sự.* Anh nhìn chăm chăm vào dòng chữ, rồi bật cười. Chứa di, thật là rác rưởi! Anh lắc đầu. Anh gấp sổ lại, cởi quần áo, và tắt đèn. Anh đứng nhìn ra cửa sổ và lắng nghe tiếng dòng sông một lúc. Rồi anh chuối vào giường.

Bonnie làm bỏng ngô, cho muối vào rồi đổ bơ lên trên, và bung một bát to đến chỗ Sol đang xem tivi. Chị để chồng bốc một ít trước. Anh sử dụng tay trái thoải mái, rồi chia bàn tay nhỏ ra cầm cái khăn giấy vợ đưa. Chị bốc một ít bỏng ngô cho mình.

Anh nghĩ thế nào về anh ta, chị hỏi. Anh chàng mới thuê phòng ấy.

Sol lắc đầu, tiếp tục xem tivi và ăn bỏng ngô. Rồi như thể anh đã nghĩ xong về câu hỏi của vợ, anh nói, anh thích hẳn. Hẳn được đấy. Nhưng anh nghĩ hẳn đáng chạy trốn một cái gì.

Cái gì?

Anh không biết. Anh chỉ đoán vậy. Hẳn không nguy hiểm và không gây rắc rối gì đâu.

Cặp mắt của anh ta, Bonnie nói.

Mắt hẳn thì sao?

Cặp mắt buồn. Em chưa từng thấy người nào có cặp mắt buồn như thế.

Một đôi Sol không nói gì. Anh ăn hết bỏng ngô. Anh lau tay và xoa cầm bằng khăn giấy. Hẳn được đấy. Hẳn chỉ mới

gặp chút rắc rối, vậy thôi. Không có gì đáng xấu hổ cả. Cho anh uống một ngụm với? Anh với lấy ly nước cam chị đang cầm và uống một ngụm. À này, lúc tối anh quên thu tiền thuê trước. Sáng mai anh phải thu ngay, nếu như anh ta dậy rồi. Và lẽ ra anh phải hỏi anh ta định ở bao lâu. Khỉ thật, anh bị làm sao ấy. Anh không muốn biến nhà mình thành khách sạn.

Anh không nghĩ hết được mọi nhẽ đâu. Với lại chúng ta chưa quen việc này. Trước giờ chúng ta có bao giờ cho thuê phòng đâu.

Bonnie quyết định chị sẽ viết về anh chàng thuê nhà trong cuốn sổ chị đang viết dở. Chị nhắm mắt lại và tưởng tượng chị sắp sửa viết những gì. *Có một người khách lạ, cao, lưng khòm – nhưng đẹp trai – tóc xoăn, cặp mắt buồn, bước vào nhà chúng tôi một đêm tháng tám định mệnh.* Chị ngả vào cánh tay trái của Sol và cố viết thêm vài dòng. Sol bóp vai chị, làm chị trở về với thời khắc hiện tại. Chị mở mắt, rồi nhắm mắt, nhưng chị chẳng nghĩ được gì thêm để viết về anh ta. Thời gian sẽ giúp ta, chị nghĩ. Chị cảm thấy vui vì anh ta có mặt ở đây.

Chương trình này cho ma nó xem, Sol nói. Minh đi ngủ thôi. Sáng mai còn phải dậy.

Trên giường, Sol vuốt ve vợ, chị ôm lấy anh và cũng vuốt ve anh, nhưng trong lúc yêu nhau chị cứ nghĩ đến anh chàng cao to tóc xoăn ở phòng phía sau. Nếu anh ta thỉnh thoảng mở cửa phòng và nhìn họ thì sao nhỉ?

Sol, chị nói, mình có khóa cửa phòng không?

Cái gì? Yên nào, Sol nói. Rồi anh kết thúc và lăn xuống, nhưng anh vẫn để cánh tay nhỏ xíu trên ngực chị. Chị nằm ngửa và nghĩ ngợi, rồi chị vỗ nhẹ vào những ngón tay của anh, thở ra bằng mồm và ngủ thiếp đi trong lúc nghĩ về những hạt thuốc nổ bắn vào tay Sol khi anh mười mấy tuổi, làm tổn thương dây thần kinh và khiến tay anh teo lại.

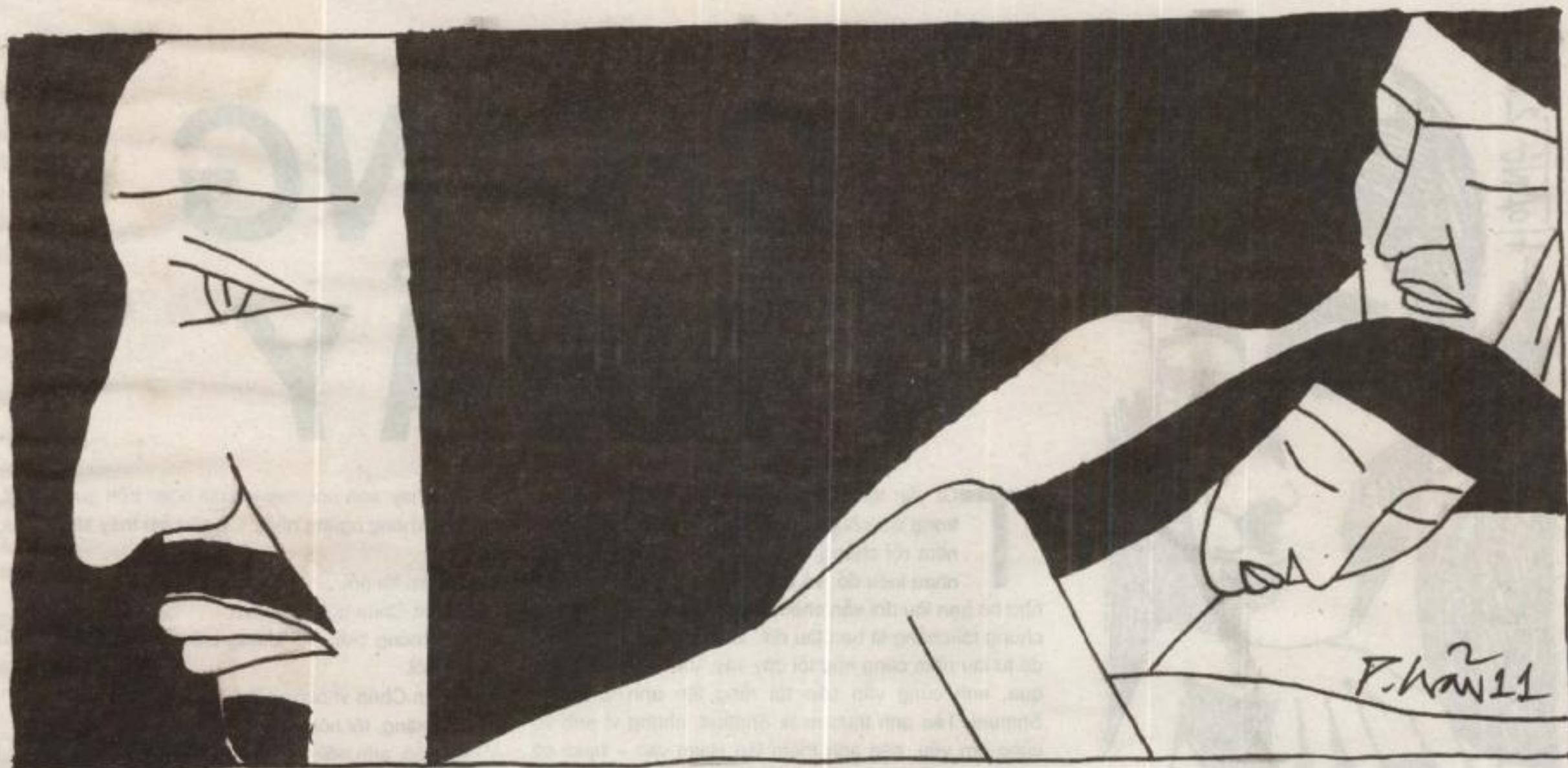
Bonnie bắt đầu ngáy. Sol cầm cánh tay vợ và lay lay cho đến khi chị nằm nghiêng lại, xoay lưng về phía anh.

Một lúc sau, anh nhồm dậy và mặc quần lót vào. Anh đi vào phòng khách. Anh không bật đèn lên. Anh không cần đèn – trăng đang sáng ngoài kia, và anh cũng không muốn có đèn. Anh đi từ phòng khách vào nhà bếp. Anh kiểm tra thử xem cửa sau đã khóa chưa, rồi anh đứng đó một lúc bên ngoài buồng tắm lắng nghe, nhưng chẳng nghe thấy gì khác thường. Có tiếng vòi nước rí rí – có lẽ cần lắp thêm một cái gioăng, nhưng mà, đằng nào nó vẫn sẽ rỉ. Anh quay vào nhà, đóng và khóa cửa phòng ngủ. Anh xem thử đồng hồ đã lên giây chưa. Anh vào giường và nằm sát lại gần Bonnie. Anh gác chân lên chân chị, và cứ như thế mà ngủ.

Ba người ngủ và nằm mơ, trong khi bên ngoài trăng to dần lên và dường như băng ngang qua bầu trời cho đến khi ra phía ngoài biển, nhỏ dần và nhạt đi. Trong giấc mơ, Myers thấy ai đó mời anh một ly scotch, nhưng khi anh sắp sửa cầm lấy thì anh thức giấc ngoài mong muốn, mồ hôi đầm đìa, tim đập thình thịch.

Sol mơ thấy anh đang thay lốp xe tải và dùng cả hai tay.

Raymond Carver ( 1938- 1988 ) là nhà văn viết truyện ngắn xuất sắc, nổi bật vào thập niên 70, 80 của văn học Mỹ, góp phần làm hồi sinh nghệ thuật thể loại này. Trong các truyện của ông, cũng như trong thơ và tiểu luận, Carver đã ghi lại với tiếng cười cay độc sự phá sản về tài chính và tinh thần vấy bừa những người lao động nghèo.



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

Bonnie mơ thấy chị đang dẫn hai - à không, ba - đứa con đi công viên. Thậm chí chị còn có tên cho chúng. Chị đặt tên cho chúng trước chuyến đi công viên. Millicent, Dionne và Randy. Randy cứ muốn vùng ra khỏi chị và chạy đi.

Không lâu sau, mặt trời nhỏ lên phía chân trời và chim bắt đầu hót gọi nhau. Dòng Little Quilcene hồi hải đồ xuống thung lũng, bắn vào chân cầu trên xa lộ, chảy hàng trăm thước nữa qua cát và những mòm đá sắc nhọn rồi đổ ra biển. Một con đại bàng bay xuống thung lũng, qua cây cầu và bắt đầu lượn lên lượn xuống bãi biển. Có tiếng chó sủa.

Đúng lúc đó, đồng hồ báo thức của Sol reo.

Sáng hôm đó Myers ở trong phòng mình đến khi anh nghe tiếng họ đi làm. Sau đó anh ra ngoài và pha một ly cà phê hòa tan. Anh nhìn vào tủ lạnh thấy có một ngăn đã được dọn sạch cho anh. Trên kệ dán một mẫu giấy nhỏ có ghi: KẾ CỬA MYERS.

Sau đó, anh đi bộ khoảng một dặm xuống thị trấn đến một trạm xăng nhỏ có bán tạp hóa mà anh nhớ trên đường đi từ tối hôm qua. Anh mua sữa, phô-mai, bánh mì và cà chua. Chiều đó, trước khi họ về nhà, anh đặt tiền thuê nhà trên bàn và quay về phòng mình. Khuya, trước khi đi ngủ, anh mở sổ ra và viết lên một trang trống: *Không có gì.*

Anh điều chỉnh thời gian biểu của mình theo thời gian biểu của họ. Buổi sáng anh ở trong phòng đến khi nghe tiếng Sol pha cà phê và chuẩn bị bữa sáng trong bếp. Sau đó anh nghe Sol gọi Bonnie dậy và họ ăn sáng với nhau nhưng không nói chuyện nhiều. Rồi Sol ra ga-ra và nổ máy chiếc xe tải nhỏ, lùi xe ra rồi lái đi. Một lúc sau, xe đón Bonnie dừng lại ngay trước nhà, có tiếng còi xe tút một cái và lần nào Bonnie cũng nói, tôi ra đây.

Khi đó Myers sẽ ra bếp, đặt nước pha cà phê, và ăn một bát ngũ cốc. Nhưng anh chẳng có hứng thú ăn uống lắm. Món ngũ cốc buổi sáng và cà phê đủ cho anh no gần như cả ngày. Đến chiều khi biết họ sắp về, anh sẽ ăn thêm một chút gì đó, thường là một cái sandwich, rồi lánh khỏi nhà bếp suốt những lúc họ có thể có mặt ở đây hay xem ti vi trong phòng khách. Anh không muốn nói chuyện.

Việc đầu tiên khi về đến nhà là

Bonnie sẽ vào nhà bếp ăn một chút gì đó nhẹ nhẹ. Rồi chị bật ti vi và đợi đến lúc Sol về, chị sẽ đứng dậy và nấu một cái gì đó cho hai người. Họ có thể nói chuyện với bạn bè trên điện thoại, hoặc có thể ra ngồi ngoài sân sau giữa ga-ra và cửa sổ phòng Myers trò chuyện về những việc trong ngày và uống trà đá cho đến khi đến giờ vào nhà và bật tivi. Một lần anh nghe Bonnie nói với ai đó trên điện thoại: Làm sao mà chị ấy mong đợi mình để ý đến cân nặng của Elvis Presley trong khi mình chẳng kiểm soát nổi cân nặng của chính mình cơ chứ?

Họ bảo anh có thể sang phòng khách ngồi xem tivi với họ bất cứ lúc nào. Anh cảm ơn nhưng nói, không, tivi làm tôi đau mắt.

Họ tò mò về anh. Nhất là Bonnie, một hôm chị về nhà sớm và làm anh bất ngờ trong nhà bếp, chị hỏi anh đã từng lấy vợ chưa và có con không. Myers gật đầu. Bonnie nhìn anh và chờ anh nói tiếp, nhưng anh chẳng nói gì.

Sol cũng tò mò. Anh làm gì nhỉ, anh hỏi. Tôi chỉ tò mò một chút. Chỗ này là một thị trấn nhỏ nên tôi biết hết mọi người. Tôi phân loại gỗ ở nhà máy. Làm việc này chỉ cần một cánh tay lành lặn thôi. Nhưng đôi khi ở đó cũng tuyển thêm người. Tôi có thể nói giúp một câu. Anh thường làm việc gì nhỉ?

Anh có biết chơi nhạc cụ nào không? Bonnie hỏi. Sol có một cây ghi-ta, chị nói. Nhưng tôi không biết chơi ghi-ta, Sol nói. Ước gì tôi biết.

Myers ngồi trong phòng viết thư cho vợ. Đó là một lá thư dài và anh cảm thấy nó thật là quan trọng. Có lẽ đó là bức thư quan trọng nhất trong đời mà anh từng viết. Trong thư anh cố gắng nói với vợ rằng anh ân hận về những gì đã xảy ra và anh hy vọng một ngày nào đó vợ anh sẽ tha thứ cho anh. *Anh sẽ quỳ xuống và cầu xin tha thứ nếu như điều đó là cần thiết.*

Sau khi Sol và Bonnie đi làm rồi, anh ngồi trong phòng khách chân gác lên bàn, uống cà phê hòa tan và đọc báo tối hôm trước. Đôi khi tay anh run run làm tờ báo kêu sột soạt trong căn nhà vắng. Chuông điện thoại thỉnh thoảng reo, nhưng anh không bao giờ nhúc nhích để bắt máy. Không phải điện thoại của anh, vì có ai biết anh ở đây đâu.

Qua cửa sổ sau nhà anh có thể nhìn lên thung lũng đến một dãy những ngọn

núi dốc đứng đỉnh phủ đầy tuyết cho dù lúc đó là tháng tám. Dưới một chút, cây cối bao phủ những triền đồi và rìa thung lũng. Dòng sông băng qua thung lũng, bọt sủi tung trên những tảng đá và dưới gầm những bờ kè bằng đá gra-nít rồi bung ra ở cửa sông, chảy chậm lại một chút như thể đã tiêu hao quá nhiều sinh lực, rồi phục hồi lại được sức mạnh và lao ra biển. Những ngày khi Sol và Bonnie đi làm rồi, Myers ngồi phơi nắng trên cái ghế xếp ở sau nhà và nhìn lên thung lũng về phía những đỉnh núi. Một lần anh thấy một con đại bàng chao cánh xuống thung lũng, lần khác anh thấy một con hươu rón rén dọc bờ sông.

Một buổi chiều anh đang ngồi bên ngoài như thế thì một chiếc xe tải to chở đầy củi dừng lại ngay lối đi.

Anh chắc là người thuê phòng của Sol, anh tài xế xe tải nói. Anh ta thò đầu qua cửa xe.

Myers gật đầu.

Sol nói cứ quăng đồng củi này xuống sân sau rồi anh ấy sẽ lo phần còn lại, anh tài xế nói.

Tôi sẽ tránh chỗ cho anh, Myers nói. Anh lấy cái ghế và đem vào bậc thang phía sau, đứng ở đó nhìn anh tài xế xe tải lui xe vào bãi cỏ, rồi kéo một cái cần nào đó trong cabin khiến cho sàn xe bắt đầu nâng lên. Trong chốc lát, những cây gỗ dài gần hai mét bắt đầu trượt khỏi sàn xe và chất thành đống trên mặt đất. Sàn xe nâng lên cao hơn và các cây gỗ còn lại lần lần ầm ầm xuống bãi cỏ.

Anh tài xế kéo cái cần lẩn nữa thì sàn xe hạ xuống vị trí bình thường. Rồi anh ta rồ máy, nhấn còi rồi lái đi.

Anh định làm gì với đồng củi ngoài kia? Tối hôm đó Myers hỏi Sol. Sol đang đứng xào nấu thơm phức trong bếp thì Myers bất ngờ bước vào. Bonnie đang tắm - Myers nghe tiếng nước chảy.

Sao anh hỏi vậy? Nếu từ nay đến tháng chín có lúc nào rảnh rỗi thì tôi định cửa chúng ra rồi xếp lại. Tôi định làm xong trước mùa mưa.

Có lẽ tôi giúp được anh đấy, Myers nói.

Anh đã bao giờ cửa củi chưa? Sol hỏi. Anh nhắc chào xuống và lau mấy ngón tay trái bằng khăn giấy.

Tôi không thể trả cho anh đồng nào đâu, Sol nói. Dù gì thì đây cũng là việc tôi định làm. Ngay khi tôi được nghỉ cuối tuần.

Để tôi làm cho. Xem như tập thể dục một tí.

Thế anh biết sử dụng cửa máy không? Cả riu và đục nữa?

Anh chỉ cho tôi, Myers nói. Tôi học nhanh mà. Đối với anh điều quan trọng là việc anh được cửa củi.

Sol đặt lại cái chảo dậy mùi lên bếp. Rồi anh nói, được, ăn tối xong tôi sẽ chỉ cho anh. Anh đã ăn gì chưa? Sao anh không mang gì lại ngồi ăn với chúng tôi luôn?

Tôi đã ăn một chút rồi, Myers nói.

Sol gật đầu. Để tôi mang đồ ăn ra bàn rồi chốc nữa ăn xong tôi chỉ cho anh.

Tôi ra phía sau đây, Myers nói.

Sol không nói gì nữa. Anh gật đầu với chính mình, cứ như đang nghĩ ngợi về một chuyện gì khác.

Myers lấy một cái ghế xếp ở đằng sau rồi ngồi xuống. Anh nhìn đồng củi rồi nhìn lên thung lũng nơi những đỉnh núi tuyết ánh lên trong nắng. Chóp núi chọc vào mây. Sương mù dường như từ trên mây đổ xuống. Anh nghe thấy tiếng dòng sông cuộn qua những bụi cây dưới thung lũng.

Em nghe có tiếng nói chuyện, Myers nghe Bonnie nói với Sol trong nhà bếp.

Anh bạn thuê phòng đấy, Sol nói. Anh ta hỏi liệu anh ta có thể cửa đồng củi sau nhà được không?

Anh ta đòi bao nhiêu? Bonnie hỏi. Anh có nói là chúng ta không thể trả nhiều tiền không?

Anh nói là chúng ta không thể trả đồng nào cả. Anh ta chỉ muốn làm không công thôi. Đây là anh ta nói thế.

Không công ư? Chị im lặng một lúc. Rồi Myers nghe chị nói, em nghĩ là anh ta chẳng còn việc gì khác để làm.

Một lúc sau Sol ra ngoài, nói, chúng ta có thể bắt đầu được rồi, nếu anh vẫn còn muốn thử sức.

Myers đứng dậy vào đi theo Sol ra ga-ra. Sol mang hai cái giá cửa ra dựng trên bãi cỏ. Rồi anh mang một cái cửa máy ra. Mặt trời đã lặn khuất sau thị trấn. Trong ba mươi phút nữa trời sẽ tối. Myers kéo tay áo xuống và cài cúc. Sol không nói gì trong khi làm việc. Anh lẩm bẩm trong miệng khi nhắc một khúc gỗ dài gần hai mét và đặt lên giá cửa. Rồi anh bắt đầu cửa đều đặn một hồi. Mặt cửa bắt đầu tụt. Cuối cùng anh dừng lại và bước lui ra.

(Xem tiếp trang 20)

YEHUDIT HENDEL (Israel)

# CHÀNG NHẢY

TÔI vẫn thường gặp anh ở ngoài đường hoặc trong cái công viên trước nhà tôi ở. Bao nhiêu năm rồi chẳng biết, chúng tôi thành bạn của nhau kiểu đó, và anh thường gật đầu chào tôi như bè bạn lâu đời vẫn chào nhau kiểu đó, mà biết đâu chúng tôi chẳng là bạn lâu đời, vì về đâu như anh đã ở đó từ lâu năm cũng như tôi đây vậy. Và bao nhiêu năm qua, anh cũng vẫn bảo tôi rằng tên anh là Haim-Shmuel. Tên anh thực ra là Shmuel, nhưng vì anh vô cùng ốm yếu, nên anh thêm tên Haim vào – haim có nghĩa là cuộc đời, anh muốn thêm sự sống vào tên mình, mong làm cho cuộc đời anh dài thêm năm tháng.

Gần đây, tôi gặp anh trong công viên. Tôi ngồi trên chiếc ghế dài dưới bóng một cây mọc vươn cao, còn anh thì xin phép liệu anh có thể ngồi chung ghế bên tôi.

Anh ngồi đi, vui vẻ mà, tôi nói.

Tôi cũng thấy vui vẻ được gặp cô, anh nói. Cũng lạ, hai chúng ta quen biết nhau biết bao nhiêu năm rồi.

Thì vui vẻ mà, tôi đáp.

Đột nhiên anh đứng dậy và bắt đầu nhảy.

Chú ấy nhảy như một con khỉ, bọn trẻ nhỏ trong công viên nói và cười lớn.

Anh đứng dưới một gốc cây, tựa hồ gặp sấm sét bão bùng. Cảm thấy như cái ngọn cây cao oằn mình cúi xuống che chở cho anh, còn anh thì nhảy nhót rồi nấp sau cái cây một thời dài, dùng hai tay ôm ấp cái cây, toàn thân áp chặt vào cái cây, chờ chờ đợi đợi.

Bọn trẻ nhỏ bắt chợt ngừng cười, miệng không há ra nữa.

Chú ấy không phải là khỉ, chú ấy là người, tôi nói.

Tất cả đều từ Chúa mà có, anh nói, cuộc đời, số phận, tất tật đều là bí ẩn, tôi, cô, nhảy, sống.

Nhưng chú ấy nhảy như một con khỉ, lũ trẻ lại nói, và cười lớn.

Chú ấy không phải là khỉ, chú ấy là người, tôi lại nói.

Chú ấy là một con người và nhảy như một con khỉ, bọn trẻ cười lớn. Đúng lúc đó anh lại từ phía sau cái cây nhô ra và lại nhảy trên bãi cỏ.

Ở nhà anh cũng như vậy á, tôi hỏi.

Vâng, tôi nhảy, anh vừa nói vừa nhảy, tôi nhảy suốt, lúc nào cũng nhảy, còn nhảy thì vẫn còn sống, vì cuộc sống là một điệu nhảy lớn, ta cứ đi quanh đi quanh và đầu óc ta quay cuồng. Cô không nhảy á? Anh hỏi.

Không, tôi nói.

Vậy cả ngày cô làm gì?

Tôi viết, và công việc đó cũng nặng.

Hiểu rồi, anh nói. Thử nhảy đi, cho đôi bàn tay cô thả lỏng đi, đôi bàn chân cô nữa, như vậy cô sẽ sống dễ chịu hơn, tin tôi đi.

Tôi sẽ thử, tôi nói.

Quá hay, anh nói, miệng cười hoác trên gương mặt, mà vẫn không ngừng nhảy. Cô sẽ cảm thấy khoái hơn, tin tôi đi.

Tôi tin, tôi nói.

Tin cả Chúa nữa? anh hỏi.

Tôi không biết. Tôi không biết trả lời sao cho điều đó, tôi nói.

Tôi tin Chúa vì cuộc đời thật nặng, anh nói.

Trừu nặng, tôi nói.

Vậy đó, anh nói, và chỉ có Chúa hiểu tại sao, bởi vì chỉ có Chúa mới biết tại sao Người muốn đời trữu nặng. Người ngồi trên cao và cai quản thế giới và quyết định cuộc sống cùng thân phận chúng ta, và tất cả là một bí ẩn quá lớn. Điều tôi đang nhảy, con người tôi, con người cô, cuộc sống, tất tật, nói chung.

Gió bắt đầu thổi vào công viên khiến cho cái ngọn cây cũng bắt đầu nhảy nhót.

Đúng thế, Chúa cũng tạo ra cả ngọn gió, hãy tin tôi đi, và điều này cũng là một điều huyền bí vô cùng.

Anh tiếp tục nhảy lặng lẽ.

Điều gì bạn có thể làm, anh lại nói, ấy là làm theo cách Chúa đã tạo ra thế giới, tức là tạo ra trong bóng tối thăm xa thăm sâu.

Có thể, tôi nói.

Anh cười lớn.

Nhưng Chúa thân yêu đã bỏ tôi mà đi, anh nói rồi ngừng lại, vẻ tuyệt vọng.

Lát sau, anh lại tiếp tục nhảy.

Có lúc tôi nghĩ đến cái sức mạnh trời phạt con người với cuộc sống, nhưng với người già cái sức mạnh đó tiêu tan dần.

Bây giờ anh dừng lại như thể trước mặt anh vừa xuất hiện một hố to và sâu thăm thẳm.

Tôi đặt câu hỏi nhiều quá, anh nói, nhưng ai ai cũng cứ nghĩ là trên đời này có trật tự, còn tôi lại nghĩ chỉ có hỗn mang.

Không, Chúa cấm đó, tôi nói.

Nom anh có vẻ đang sợ hãi.

Điều tối tệ xấu xa nhất hạng là sự vô định, anh nói và mắt đảo bốn xung quanh như thể vừa có lửa vừa phát cháy trong công viên.

Ở nhà, anh ăn uống ra sao? Tôi hỏi.

Anh cười lớn.

Tôi thích ô-liu và trái cây và một đĩa súp.

Anh là con sư tử, tôi nói.

Anh nhìn tôi, vẻ ngán ngẫm.

Và có thể sẽ không bao giờ tôi còn được hưởng ân sủng của Chúa, anh nói.

Amen, tôi nói, thế mà tôi lại thêm được như anh, tôi cũng muốn nhảy.



Minh họa của MINH HOÀNG



Yehudit Hendel sinh trong một gia đình giáo sĩ Do Thái ở Warsaw, Ba Lan, và di cư sang Haifa khi còn nhỏ vào năm 1930. Đã xuất bản 6 tiểu thuyết, 4 tập truyện ngắn, và một cuốn tiểu luận. Được nhận nhiều giải thưởng trong đó có giải thưởng danh giá *Jerusalem Prize*, *Bialik Prize* (1997), và *Giải thưởng Israel Trọn đời* (2003). Sách của bà được dịch ra 14 thứ tiếng.

Thế thì tốt, nhảy khiến con người tốt lên, anh nói, rồi lại bắt đầu nhảy.

Đứng thế, đứng thế, tôi nói, mắt nhìn vào người đàn ông trước mặt tôi đang nhảy trong công viên, vận vẹo thân thể và hai cánh tay với với vẩy vẩy.

Mặt anh sáng bóng.

Cả ngày ở nhà anh cứ như thế này á, tôi nói.

Dĩ nhiên rồi, nhờ cái sức mạnh này mà tôi còn sống được, tôi là người già rồi.

Nhưng anh nhảy như thanh niên trai trẻ, tôi nói.

Vì Chúa muốn thế, anh nói.

Cái con người này là một con chim kỳ lạ, tôi thầm tự nhủ. Một ông già nhảy trong công viên và ông ta có một Chúa trời của mình.

Nhảy là cuộc đời tôi, anh nói tiếp. Nếu dừng không nhảy nữa, tôi sẽ chết, mà tôi thì muốn sống, còn nhảy thì tôi còn sống.

Hiểu rồi, tôi nói.

Thế đó, anh nói. Tôi vẫn còn muốn sống, tôi vẫn đang còn nhảy đây.

Tôi là người sung sướng. Mà tôi thấy anh cũng sung sướng khi anh nhảy.

Dĩ nhiên. Chẳng nào tôi còn nhảy, tôi biết mình đang còn sống.

Xin cứ tự nhiên, cả cái công viên này là của anh, các con phố, cả thế giới này, của anh.

Mong được vậy, anh nói.

Bọn trẻ con ồn ào bắt đầu nhảy nhót xung quanh anh và bắt chước các động tác nhảy của anh.

Có gì mà vui thú, tôi bảo các cháu, nhảy là cuộc đời chú ấy, các cháu có thể thấy điều đó.

Nhưng bọn trẻ tiếp tục hò la chung quanh anh, còn anh vẫn tiếp tục nhảy, nhảy mãi cho tới khi lú trẻ mệt phờ và quay về với trò chơi trước đó của chúng.

Và anh cứ nhảy mãi như thế cả ngày không nghỉ giải lao á? Tôi hỏi.

Dĩ nhiên, bởi vì tôi không muốn chết, suy cho cùng cái chết mới thực sự là kẻ thù của con người.

Chúa cứu chúng ta, tôi nói, còn anh thì sẽ không chết bởi vì anh nhảy.

Hy vọng thế, hy vọng thế, anh nói lặp đi lặp lại và mắt nhìn sang trái sang phải, như thể có những hồi chuông đang gióng trong tai anh.

Tôi hiểu, anh đang sợ, tôi nói.

Ai cũng đang sợ, anh nói. Ai cũng muốn sống và ai cũng sợ chết, và cái chết chờ ta ngay ngoài ngõ, một thiên thần đen kinh hoàng.

Mỗi người có thiên thần đen của riêng mình, tôi nói, thiên thần đó chờ ngoài ngõ cho tất cả mỗi con người.

Đứng thế, kinh khủng, anh nói, nhưng đó chính là cách thức Chúa tạo ra thế giới, Chúa không muốn chúng ta sống mãi mãi, người muốn từng người chúng ta phải chết, từng người một, và không làm cách nào để được thoát án tử.

Dù trên gương mặt anh là một nụ cười, dù là nụ cười nhỏ nhẹ, gương mặt anh vẫn ảm đạm, và với gương mặt ảm đạm anh ngồi bên tôi trên chiếc ghế dài.

Có thể, sống trên mặt đất thì vẫn tốt. Ít ra là trên mặt đất cũng ấm áp, anh nói. Có thể cô nghĩ trên mặt đất này chẳng hề có sự sống? Không, trên mặt đất đầy rẫy sự sống. Đây này, ta trong công viên, có vô vàn quạ và dơi, mà dơi thì nhìn được trong đêm, còn con người thấy được gì? Con người thậm chí còn chẳng nhìn thấy chính mình, thậm chí chẳng hiểu chính mình, cứ như thể nó là một kẻ xa lạ..

Tất cả họ đều là những kẻ xa lạ, tôi nói.

Xa lạ ngay với chính mình, anh nói.

Thế rồi giữa anh và tôi cả hai im lặng, lâu.

Tôi đã bước đi quanh quất trong biết bao năm tháng, mặt cứ cúi gầm xuống đất, anh nói.

Đứng thế, đứng thế, thậm chí xa lạ với chính mình, tôi nhắc lại. Trên đời là vậy, trên đời này, lạnh.

Và ngay cả vào mùa hè, bên trong con người vẫn lạnh, anh nói, nhưng cuối rồi sẽ từ đâu đến?

Anh quay sang tôi, chờ đợi câu trả lời.

Khi thấy tôi im lặng, anh tiếp tục, chúng ta có thể làm nổi gì ngoài điều Chúa muốn cơ sự phải thế, người tạo ra thế giới và các biển và các đại dương, cây cỏ và động vật, và làm cho con người thành những con vật lạ kỳ.



Minh họa của MINH HOÀNG

Có thể lắm, tôi nói.

Anh muốn thắng tôi, tôi tự nhủ thầm, anh muốn hai chúng tôi thành bạn, nhưng thực sự chúng tôi xa lạ nhau.

Mỗi người chỉ vì chính mình, tôi nói to.

Mỗi người chỉ vì chính cơ thể mình, anh nói. Cô không biết chuyện bị chính cơ thể mình phản bội có nghĩa gì đâu, mà bị chính cơ thể mình phản bội thì kinh khủng lắm, và từng đêm, từng đêm, tôi nghĩ về nấm mồ của mình, đó là lý do vì sao ban đêm tôi không ngủ được, và tôi nằm dài mắt mở tỉnh như sáo và nghĩ và nghĩ và nghĩ; đêm thì rất dài, và các ý nghĩ thì không có hồi chấm hết, và ý nghĩ cũng là điều độc ác, chúng không cho ta một giây phút yên bình, chúng không cho một giây lát tĩnh lặng, từng đêm từng đêm tôi đều bị đâm xuyên vì ý nghĩ của tôi cho tới lúc tôi chảy máu, và tóm lại là mỗi con người đều có một vùng có kích tắc một nấm mồ, hãy nghĩ về điều đó.

Và tôi nghĩ, ai biết hẳn ta? Liệu có ai nghĩ hẳn ta từng sống? Về những sức lực hẳn ta tiêu đi khi nhảy nhằm làm cho mình sống. Có thể, trong chuyện này cũng có chất anh hùng. Nhưng chất anh hùng là chất gì? Suy cho cùng, tất cả đều vô nghĩa, tôi tự nhủ. Như thể nhờ vào nhảy mà trả thù được cuộc đời, trả thù số mệnh. Nhưng rất có thể, đó chỉ có tính chất hình như tôi đang nghĩ thôi. Suy cho cùng ý nghĩ là điều đại bi ẩn của ta, bao giờ cũng thế, và là đại đốn đau, đó là điều đầu tiên tôi đã học được.

Anh tiếp tục: có lúc tôi tự nhủ rằng có lẽ tôi được sinh ra để nhảy, và nghĩ thế dường như có làm mình nhẹ người được chút đỉnh, nhưng đó cũng hoàn toàn vô nghĩa, hãy tin tôi đi, một ông già sống trong bóng tối chính giữa lúc trời đang sáng lòa.

Anh nhảy cao lên tại chỗ anh đang đứng và lại bắt đầu nhảy như kẻ phê ma túy, cổ nhảy cho cao, cao, càng cao càng hay.

Tôi nhìn anh.

Chỉ bây giờ tôi mới nhận ra rằng anh nhảy với đôi bàn chân giang rộng. Nom anh xanh xao, và dưới ánh nắng cặp kính của anh nom như vàng, và tôi cảm thấy dù đang nhảy dưới ánh nắng nhưng nom như anh đang nhảy trong đêm đen, tự mình xung đột với chính mình, tựa như có một tấm màn che nào đó phủ kín lên người

**Có lẽ bạn đọc sẽ "ám ức" hoài vì nổi ám ảnh của nhân vật trong truyện. Ám ảnh, ám ảnh, ám ảnh, đến đón nhại người xưa, ta có thể định nghĩa lại về con người: Tôi ám ảnh, vậy tôi tồn tại. Bút pháp của Yehudit Hendel ở truyện ngắn này có lẽ nằm trong khả năng tạo ra sự ám ảnh đó.**

CHÂU DIÊN

anh.

Và tôi vẫn nhìn anh.

Cô biết không, anh đứng trước mặt tôi và nói, tôi từng buồn bán kim cương, và sau đó tôi nghĩ kim cương giống như sao trời, nhưng tôi lại thấy kim cương chỉ đem lại lời nguyền rủa, thế là tôi bỏ kim cương và bắt đầu nhảy. Liệu cô có tin tôi?

Đó là anh tốt số chứ, tôi nói, vì anh có thể nhảy và chuyện nhảy khiến anh hạnh phúc.

Một con người chẳng khi nào hạnh phúc cả, anh nói, con người luôn luôn bị cầm tù trong thanh nợ cuộc đời, và đến tuổi tôi bây giờ, chính nó đã hiểu rằng mỗi con người có một vùng miền to bằng nấm mồ, và không có chuyện trốn thoát ra khỏi đó, và mỗi đêm, từng đêm, tôi nói với mình rằng có dòng kẻ của cái chết và có dòng kẻ của sự sống, và có vẻ đâu như tôi vẫn đang đi trên dòng kẻ của cái chết, và chết là một bệnh dịch màu đen. Mọi người đều nói có mèo đen và có mèo trắng, nhưng ban đêm ngay cạnh tôi chỉ có con mèo đen nằm cùng và mỗi sớm mai thức giấc tôi lại nghĩ, mình đang còn sống chăng? Tôi có đang ở chỗ này không?

Thân thể tôi mỗi một về đêm, nhưng đầu óc tôi lại làm việc, anh nói, và điều đó khiến một ông già đêm đêm không ngủ được.

Anh nói đến quyền lực của cái chết, nhưng nhìn anh, tôi nghĩ đến quyền lực của sự sống.

Anh sẽ còn sống nhiều năm nữa, tôi nói, và anh mạnh mẽ, vì anh nhảy.

Vì nó đem lại cho tôi sức mạnh, và với sức mạnh đó tôi sống. Đến tuổi tôi, mọi người đều chết cả. Các bạn tôi chết hết rồi, tất cả các bạn tôi. Đôi khi tôi nghĩ, bạn bè thân thiết của mình đâu hết rồi, còn lại chỉ là ngôi nhà trống rỗng của mình, và tôi một thân một mình bị quăng vào cuộc đời này. Bao giờ ta cũng tồn tại cô đơn, bao giờ ta cũng sống một thân một mình, ngay cả những người trẻ tuổi, tôi nói.

Cô nghĩ vậy sao? Cô thực tình nghĩ vậy sao? Anh nói.

Dĩ nhiên, tôi nói, nếu không, tôi đâu có đủ dũng khí để nói lên những lời ấy.

Anh nhìn tôi bằng đôi mắt lạnh căm, lạ kỳ.

Còn anh, có nghĩ đến cuộc đời mai hậu đang tới? tôi hỏi.

Dĩ nhiên, anh nói, nếu không, tôi đâu có khả năng để mà nhảy. Tôi tin rằng tôi cũng sẽ nhảy trong cuộc đời mai hậu đang tới, nếu được Chúa giúp một tay.

Cô có coi tivi không, anh hỏi tôi đột ngột.

Anh cười lớn. Và khi anh thấy tôi đứng dậy và muốn về nhà, anh nói, tôi hy vọng chúng ta sẽ còn gặp nhau trong công viên, nhưng một người già không được phép nói tôi sẽ nóng lòng đợi cô, nói rồi anh lại nhảy tiếp, nhảy cao nhiều xăngtimét khỏi mặt đất.■

CHÂU DIÊN

Dịch theo bản tiếng Anh

The dancer của Miriam Schlusberg

Nguồn: Tạp chí Modern Hebrew Literature

Số 4, Bộ mới, Thu/Đông 2007/8. Trang 135-141

FAZIL ABDULOVICH ISKANDER (Nga)

# CÓ MỘT ÔNG LÃO SỐNG VỚI VỢ CỦA MÌNH(\*)



Fazil Abulovich Iskander sinh ngày 6.3.1929, là nhà văn Xô Viết ki cựu, sáng tác từ những năm 1950 tới đầu những năm 2000. Trong nửa thế kỷ sáng tác, Iskander có một di sản văn chương khá đồ sộ bao gồm nhiều thể loại khác nhau: thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, hồi ký, tiểu luận..., song những tác phẩm xuất sắc nhất của ông ra đời vào những năm 1970-1980 như *Ông bác Sandro và gã chán dê Kunta*, *Những chuyện đàm tiếu ở Chegem*, *Bát cốc cô dâu*, *Đội trưởng Kiazym*, *Dzamdux - con của*

*Olen*, hay sách *Phúc âm viết bằng chữ Chegem...* Tính liên văn bản, chất ngụ ngôn, thi pháp carnaval, tiếng cười riễu nhại dân già... là đặc trưng cơ bản trong sáng tác của Iskander, khiến một số tác phẩm của ông có thể xếp vào khuynh hướng hậu hiện đại.

- Ông sướng thật đấy, - ông bạn già từng nói với ông lão, - ông có uống bao nhiêu thì lúc nào cũng có hai cái nạng nó đỡ, còn tôi thì rượu nó cứ nhè chân mà táng.

Lúc ấy ông bạn còn đùa cợt như thế, vậy mà giờ đang thập tử nhất sinh, nằm đó chờ chết.

Thế là bà lão quyết định đến nói khó với bạn chồng, nếu được chấp thuận, thì khi ông chết bà sẽ đặt đôi nạng của chồng mình vào quan tài, để ông chuyển giúp khi nào họ gặp nhau.

Buổi sáng bà lão nói ý đồ của mình cho người nhà nghe. Trong nhà còn có anh con trai, cô con dâu và một thằng cháu nội đã lớn. Khi nghe bà lão tuyên bố sẽ tới gặp ông già sắp chết để nghị cho để đôi nạng của chồng mình vào quan tài, thì tất cả đều cười bà, như thể

cười một bà già rất hủ lậu. Đặc biệt thằng cháu cười rất to, như một người có học nhất nhà, thì nó đang chuẩn bị tốt nghiệp phổ thông mà. Tất nhiên, cô con dâu không bỏ qua cơ hội, cũng cười rữ ra, mặc dù, khác với con trai, cô chưa tốt nghiệp lớp mười. Vừa cười, cô vừa nói:

- Việc ấy bất tiện lắm, - để nghị một ông già đang còn sống chết đi để bỏ đôi nạng của chồng mình vào quan tài.

Nhưng bà lão đã nghĩ kĩ rồi:  
- Thì tôi có bảo ông ấy chết ngay đâu, - bà lão trả lời, - Ông ấy chết khi nào tới số. Chỉ cần ông ấy đồng ý mang theo đôi nạng.

Bà lão mình mẫn, và là người khá tế nhị, đã trả lời như vậy. Và mặc cho mọi người can ngăn, ngay ngày hôm ấy bà vẫn tới nhà bạn chồng. Bà mang theo

nhiều quà, phần biếu người ốm, phần để ông lão sắp chết cùng người nhà ông đỡ bát ngò trước lời để nghị của mình.

Ông già nằm trong buồng, tuy đang ốm nặng, song vẫn ngậm chiếc tẩu bằng gốm. Họ nói một chút về đời sống, bà lão không dám ngỏ lời để nghị, vì cứ thấy ngượng ngượng thế nào. Và lại, trong buồng còn có cô con dâu và mấy người nhà đang ngồi. Hoá ra bà lão còn tế nhị hơn là người nhà bà tưởng. Nhưng tự ông già ốm đã giúp bà - ông nhớ lại chồng bà bằng những lời lẽ tốt đẹp, sau đó thở dài nói thêm:

- Rõ là tôi sắp sửa được gặp ông nhà đây.

Lập tức bà lão hoạt bát hẳn lên.

- Nhân tiện, - bà lão vào đề, bắt đầu kể cho ông nghe về những giấc mơ của mình và việc ông chồng để nghị gửi đôi nạng cho ông qua người làng nào chết đầu tiên. - Tôi không giục bác, - bà lão nói thêm, - nhưng nếu việc đó xảy ra thì cho phép tôi để đôi nạng vào quan tài của bác, để chồng tôi còn cà nhắc mà tôi được thiên đường.

Ông lão đang chết cùng với cái tẩu trong miệng là người sâu sắc nước đời, thậm chí còn là một ông chủ hiếu khách, song cũng không tới mức bỏ nạng người khác vào quan tài mình. Quả ông không muốn tí nào cái việc này. Ngượng ư? Cũng có thể ông sợ những người làng khác tới dự đám tang nghĩ ông bị tàng tạt. Nhưng nói thẳng thì bất tiện. Chính vì vậy ông bèn vòng vo chính trị với bà lão.

- Sao, chả lẽ những người bôn-sê-vich còn chưa đóng cửa thiên đường ư? - ông lão thử đánh trống lảng.

Nhưng hoá ra bà lão không chỉ tế nhị, mà còn rất bướng bỉnh. Là vì bà tha thiết muốn nhờ ông chuyển đôi nạng cho chồng mình ở thế giới bên kia.

- Chưa, - bà lão chắc chắn, - là vì những người làm nổi việc này thì đã chết mất rồi.

Khi đó ông già quyết định từ chối khéo bằng cách nói đùa.

- Tốt nhất bà cứ để vào quan tài một chai rượu đế thật ngon, - ông để nghị, - khi nào gặp ông nhà, chúng tôi bù khú với nhau.

- Bác chỉ được cái hay đùa, - bà lão thở dài, - còn ông lão nhà tôi thì đang đợi, đêm nào cũng đợi gửi nạng.

Ông già sắp chết hiểu rằng khó lòng thoát được bà lão này. Nhưng ông không muốn chết, lại càng không muốn mang theo nạng vào quan tài.

- Nhưng mà giờ thì tôi làm sao đuổi kịp ông ấy nữa, - nghĩ một chút, ông nói tiếp, - ông ấy chết cách đây những một tháng. Thậm chí tôi còn ngờ liệu mình có

Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ



(Xem tiếp trang 21)

**S**HOTWELL luôn giữ rít bộ đồ chơi đốt xương (jacks) và quả bóng cao su trong chiếc cặp da của hắn, không hề cho tôi chơi với chúng. Hắn chơi với chúng, một mình, hết giờ này sang giờ khác khi ngồi bệt trên sàn nhà cạnh băng điều khiển, miệng hát "một này, hai này, ba này, bốn này" bằng một giọng chính xác, ngân nga, không quá to để chọc tức mà cũng không quá lá lướt để tôi có thể mặc xác hắn. Tôi nói với Shotwell là hai người chơi thì vui hơn một người nhưng hắn bỏ ngoài tai. Tôi nài nỉ vậy thì để tôi chơi một mình cũng được nhưng hắn vẫn chỉ lắc đầu. "Sao vậy?" tôi hỏi. "Chúng là của tớ", hắn nói. Và khi đã chơi xong, đã thỏa mãn mình, hắn lại cất chúng vào chiếc cặp da.

Thật bất công nhưng tôi chẳng làm gì được. Tôi thêm biết mấy được đặt tay lên chúng.

Shotwell và tôi theo dõi cái băng điều khiển. Shotwell và tôi sống dưới đất và theo dõi cái băng điều khiển. Nếu có sự kiện nào xảy ra ở phía trên cái băng điều khiển, chúng tôi sẽ cho chia khóa vào những ổ khóa thích hợp và vận khóa. Shotwell có một chìa và tôi có một chìa. Nếu chúng tôi cùng vận khóa một lúc thì chim sẽ bay, một số công tắc sẽ hoạt động và chim sẽ bay. Nhưng chim chưa bao giờ bay. Trong một trăm ba mươi ba ngày chim đã không bay. Khoảng thời gian đó Shotwell và tôi quan sát nhau. Mỗi tháng tôi có một khẩu 45 và nếu Shotwell có hành động tỏ ra khác lạ tôi được phép bắn hắn. Còn nếu tôi có hành động khác lạ Shotwell được phép bắn tôi. Chúng tôi theo dõi cái băng điều khiển và nghĩ về việc bắn nhau và nghĩ về chim. Hành vi của Shotwell với bộ đồ chơi đốt xương có vẻ khác lạ. Có khác lạ thật không? Tôi không biết. Có lẽ hắn chỉ là một gã con hoang ích kỷ, có lẽ tính cách hắn bị hỏng, có lẽ tuổi thơ hắn bị méo mó. Tôi không biết.

Mỗi tháng tôi có một khẩu 45 và mỗi tháng tôi được phép bắn thẳng kia nếu thằng kia có hành động khác lạ. Khác lạ là khác lạ thế nào? Tôi không biết. Ngoài khẩu 45 tôi còn có một khẩu 38 giấu trong cặp da của tôi mà Shotwell không biết và Shotwell có một khẩu Beretta 25 mà tôi không biết hắn có cái bên bắp chân phải không. Đôi khi thay vì nhìn cái băng điều khiển tôi chăm chú nhìn khẩu 45 của Shotwell, nhưng đấy chỉ thuần là một mưu mẹo, một thủ đoạn, thực tế là tôi đang quan sát cái tay hắn đang đưa quanh bắp chân phải hắn. Nếu hắn quả quyết tôi đang có hành động khác lạ hắn sẽ bắn tôi không phải bằng khẩu 45 mà bằng khẩu Beretta. Cũng vậy, Shotwell giả vờ nhìn khẩu 45 của tôi nhưng thực ra hắn đang nhìn bàn tay tôi để hờ hững trên chiếc cặp da, bàn tay tôi để hờ hững trên chiếc cặp da, bàn tay tôi để hờ hững trên chiếc cặp da.

Hồi đầu tôi cố cư xử bình thường. Shotwell cũng vậy. Hành vi của hai thằng rất bình thường. Mọi phép tắc lời nói, cử chỉ đều được tuân thủ nghiêm túc. Nhưng đến khi thấy là sai sót vẫn có thể xảy ra thì hai thằng cũng chẳng thấy nhẹ nhõm chút nào. Đấy là do sự giám sát. Do sự giám sát mà hai thằng tôi phải ở đây trong một trăm ba mươi ba ngày. Khi thấy rõ là sai sót có thể xảy ra và chúng tôi không bắt được căng thẳng thì các phép tắc chừng xuống. Những quy định chuẩn tắc được rút lại theo thỏa thuận mà hai thằng gọi là Hiệp định ngày mùng một tháng Giêng. Quân phục không phải mặc gò bó, bữa ăn không cứ phải đúng giờ. Chúng tôi ăn khi đói và ngủ khi mệt. Sự ngăn cách cấp bậc cũng tạm gác sang một bên, đó là một sự nhượng bộ hào phóng về phía Shotwell khi hắn là đại úy còn tôi là trung úy bậc một. Một người để ý băng điều khiển cả buổi hơn là hai người cùng nhìn băng điều khiển cả buổi, trừ khi cả hai thằng đều đứng. Một người để ý băng điều khiển cả buổi và nếu chim bay thì thằng này đánh thức thằng kia dậy và cả hai thằng cho chia vào khóa cùng lúc và chim bay. Hệ thống của chúng tôi bị chậm có lẽ mười hai giây nhưng tôi không quan tâm vì tôi mệt và Shotwell không quan tâm vì hắn mệt. Sau khi hiệp định đã được ký Shotwell lôi bộ đồ chơi đốt xương và quả bóng cao su của hắn từ cái cặp da ra chơi, còn tôi bắt đầu viết một chuỗi mô tả những hình thù có trong tự nhiên như vỏ sò, cái lá, viên đá, con vật. Viết lên các bức tường.

Shotwell chơi bộ đồ chơi đốt xương và tôi viết mô tả những hình thù của tự nhiên lên các bức tường. Shotwell đã học ở Học viện quân sự Mỹ (USAFI) từ đó đưa tới học vị thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh ở Đại học Wisconsin (mặc dù chúng tôi không phải ở Wisconsin, chúng tôi ở



DONALD BARTHELME (Mỹ)

# TRÒ CHƠI

Utah, Montana hoặc Idaho). Chúng tôi xuống đây từ ở Utah, Montana hay Idaho khi nào, tôi không nhớ. Chúng tôi đã ở đây một trăm ba mươi ba ngày vì sự giám sát. Những bức tường bê tông cốt sắt màu xanh nhạt bốc hơi ẩm và chiếc máy điều hòa nhiệt độ tắt mở chập chờn và Shotwell đọc cuốn *Nhập môn thị trường* của Lassiter và Munk, ghi lại những nhận xét bằng chiếc bút bi xanh. Shotwell bất an nhưng tôi không biết điều đó, hắn bày ra một khung cảnh êm đềm khi ngồi đọc *Nhập môn thị trường* và ghi lại những nhận xét tiêu biểu bằng chiếc bút bi xanh trong khi dành một phần ba tâm trí để ý đến khẩu 38 trong cái cặp da của tôi. Tôi không khỏe.

Chúng tôi đã ở đây một trăm ba mươi ba ngày vì sự

Minh họa của HOÀNG ĐÌNH TÀI



giám sát. Mặc dù bây giờ chúng tôi cũng không biết chắc là giám sát cái gì, kế hoạch thế nào. Có lẽ kế hoạch cho chúng tôi là ở lại đây thường xuyên, hoặc không thường xuyên thì ít nhất là một năm, ba trăm sáu mươi lăm ngày. Hoặc nếu không phải một năm thì là một số ngày mà họ biết nhưng chúng tôi không biết, như hai trăm ngày chẳng hạn. Có thể là họ hài lòng với chúng tôi, hài lòng với thái độ của chúng tôi, đấy là nói chung chứ không đi vào từng chi tiết. Có lẽ toàn bộ sự vụ đã rất thành công, có thể toàn bộ sự vụ là một cuộc thử nghiệm và cuộc thử nghiệm đã rất thành công. Tôi không biết. Nhưng tôi ngờ là cách duy nhất họ có thể thuyết phục hai sinh vật thích mặt trời chui vào những căn phòng bê tông cốt sắt xanh nhạt ẩm ướt nằm dưới đất là nói rằng hệ thống bật mười hai tiếng, tắt mười hai tiếng. Rồi họ khóa chúng tôi xuống dưới trong một số ngày mà họ biết còn chúng tôi không biết. Chúng tôi ăn tốt mặc dù món bánh ngô trộn (enchiladas) khi rã đông thì bị nhão, còn món bánh gạo nướng để đông thì chua, khó ăn. Chúng tôi ngủ vật vờ, trần trọc. Tôi nghe Shotwell hét lên khi ngủ, tranh cãi, tuyên bố, đôi khi chửi rủa, đôi khi khóc lóc, trong giấc ngủ. Khi Shotwell ngủ tôi tìm cách cạy khóa cặp da của hắn để lấy bộ đồ chơi đốt xương. Nhưng chẳng lần nào tôi thành công. Cũng như Shotwell không thành công khi cạy khóa cặp da của tôi để lấy khẩu 38. Tôi có thấy những dấu hiệu trên bề mặt sáng loáng. Tôi bật cười, ở trong nhà xí, những bức tường xanh nhạt ẩm ướt và cái máy điều hòa nhiệt độ xào xạc, trong nhà tắm. Tôi viết mô tả những hình thù tự nhiên lên các bức tường bằng cách dùng một vật kim cương khắc chữ lên bề mặt ngói. Vật kim cương này là một thứ đồ nữ trang nam một hạt duy nhất nặng 2,5 cara. Đó là quà cho Lucy. Bức tường phía nam căn phòng đặt băng điều khiển đã được viết lên. Tôi đã mô tả con sò, cái lá, viên đá, động vật, cái gậy bóng chày. Tôi biết gậy bóng chày không phải là một hình thù tự nhiên. Nhưng tôi vẫn mô tả nó. "Gậy bóng chày" tôi viết, "là một vật điển hình làm bằng gỗ. Nó điển hình là dài một mét hoặc dài hơn một chút, phình ra ở một đầu, còn một đầu thon lại để dễ nắm. Đầu gậy để nắm có một cái vành, hay môi, ở tận cuối để ngăn khỏi tuột tay". Đoạn mô tả của tôi về gậy bóng chày dài 4500 từ, tất cả đều vạch bằng vật kim cương lên bức tường phía nam. Shotwell có đọc những điều tôi viết không? Tôi không biết. Tôi chắc Shotwell nhìn hành động viết của tôi là khác lạ. Nhưng nó cũng không khác lạ hơn hành động chơi bộ đồ chơi đốt xương của hắn, hay cái ngày hắn hiện ra trong chiếc quần bơi màu đen với khẩu Beretta 25 buộc vào bắp chân phải đứng lên phía trên băng điều khiển gang rộng hai cánh tay để đo nổi khoảng cách giữa hai ổ khóa. Hắn không thể làm được, tôi cũng đã từng cố như thế khi đứng lên phía trên băng điều khiển gang rộng hai cánh tay, khoảng cách quá rộng. Tôi muốn nhận xét nhưng rồi không nhận xét, nhận xét lại sinh ra nhận xét đáp lại, nhận xét sẽ dẫn đến đâu có Trời biết được. Họ trong sự kiên nhẫn vô hạn của mình, trong sự lo xa vô hạn của mình, trong sự khôn ngoan vô hạn của mình đã hình dung ra một người đứng lên phía trên băng điều khiển gang rộng hai cánh tay để cố đo nổi với hai cánh tay gang rộng khoảng cách giữa những ổ khóa.

Shotwell bốn chồn. Hắn đã đưa ra một số đề nghị. Chủ đề thông điệp của hắn chưa rõ. Có điều gì đó phải làm với những chiếc chìa khóa, với những ổ khóa. Shotwell là một người khác lạ. Hắn vẻ như ít bị tác động bởi hoàn cảnh chúng tôi lâm vào hơn tôi. Hắn nghĩ về việc kinh doanh của mình thân nhiên, theo dõi băng

(Xem tiếp trang 21)

VICTOR OLEGOVICH PELEVIN (Nga)

# CHIẾC TRỐNG THƯỢNG GIỚI

**B**ƯỚC vào trong toa tàu, viên cảnh sát liếc nhìn Tania và Masa, sau đó đưa mắt sang phía góc cửa thông sang toa bên cạnh, ngạc nhiên thấy một người đàn bà ngồi ở đó.

Người đàn bà trông thật hoang dã. Nhìn khuôn mặt môngmôit, giống như chiếc bánh xèo để ba ngày rìa cạnh đã khô cong, khó lòng đoán được tuổi của bà - hơn nữa cặp mắt bà lại bị giấu dưới những chiếc nơ kết bằng da và những sợi dây cước. Mặc dù tiết trời ẩm áp bà vẫn đội chiếc mũ lông có ba sọc ngang lớn bằng da - một sọc bao quanh trán và gáy, từ đó lủng lẳng những dải ruy băng đính hình nhân nhỏ bằng đồng, những quả lục lạc và những miếng kim loại bé xíu rủ xuống mặt, ngực và vai. Hai sọc còn lại may liền với chóp mũ, trên đó đính một con chim bằng sắt thò neck, ngồng cái cổ dài xoắn lại về phía trên.

Bà mặc một chiếc áo dài rộng thùng thình tự may lấy từ những dải lông hươu xen lẫn những sọc da, đính những lá kim loại óng ánh và những quả lục lạc mà mỗi khi tàu xóc lại leng reng những âm thanh để chịu. Ngoài những thứ đó ra, trên áo của bà còn vô số vật nhỏ khác khó đoán được ý nghĩa - vài mũi tên sứt mẻ, hai tấm huân chương "Danh dự", hai mẩu sắt tây trên đó chạm hai mặt người không có miệng, còn trên vai phải lủng lẳng một dải băng treo hai chiếc đinh dài đã gỉ sét. Tay bà cầm một chiếc trống nhỏ bằng da trơn trơn, cũng được trang trí bằng những quả lục lạc, cạnh đó rìa của một chiếc trống khác lộ ra từ miệng cái túi tenit to tướng mà bà đang ngồi lên.

- Giấy tờ, - cuối cùng viên cảnh sát tới gần để nghị.

Người đàn bà tuyệt không có một phản ứng nào trước lời đề nghị đó.

- Bà ấy đi cùng với tôi, - Tania xen vào. - Bà ấy không có giấy tờ. Không hiểu tiếng Nga.

Tania nói một cách mệt mỏi như thể một người phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong ngày những lời nhảm chán.

- Không có giấy tờ là thế nào? - Viên cảnh sát hỏi.

- Một bà già việc gì phải mang giấy tờ theo người? Bà ấy để tất cả giấy tờ ở Moskva, ở Bộ Văn hoá ấy. Bà ấy đi theo đoàn ca múa dân gian.

- Sao bà ấy lại ăn mặc như vậy?

- Đó là quần áo dân tộc người ta, - Tania trả lời. - Bà ấy là người chân hươu tiên tiến. Có cả huân chương. Đây, nhìn thấy không, ở bên phải chiếc lục lạc ấy.

- Đây không phải là chốn rừng xanh núi đỏ. Như thế này là vi phạm trật tự xã hội.

- Trật tự xã hội nào? - Tania cao giọng. - Anh bảo về cái gì vậy? Những vùng nước ở cạnh cửa toa kia? Hay bọn người ngoài đó?

Cô hất hàm ra phía cửa toa, nơi vọng lại những tiếng gào thét của đám say rượu.

Viên cảnh sát nghi ngờ nhìn người phụ nữ mà Tania gọi là bà già - đang ngồi im trong góc cửa, lẳng lẳng với toa tàu và không hề chú ý tới cuộc cãi cọ đang diễn ra mà nguyên nhân là sự có mặt của bà. Mặc dù trông thật kì quái, song thân hình bé nhỏ của bà phản chiếu sự tinh tại, thanh bình làm cho viên cảnh sát thấy bớt căng thẳng. Anh ta khẽ nở một nụ



Victor Olegovich Pelevin sinh ngày 22 tháng 11 năm 1967 tại Moskva. Năm 1989 học Đại học Năng lượng Moskva. Cùng năm học hàm thụ trường viết văn Gorki và cũng chỉ học có một năm. Bắt đầu viết truyện từ giữa những năm 1980. Tác phẩm đầu tay có tên Ông cụ Ignad và mọi người đăng trên tạp chí Hóa học. Năm 1993 nhận giải thưởng "Booker nhỏ" cho tập truyện ngắn Đền pha xanh được đánh giá là tập truyện hay nhất trong năm. Từ đó tới nay ông đã cho ra được nhiều nhiều tập truyện ngắn và tiểu thuyết, trong đó nhiều cuốn được chào đón nồng nhiệt trong và ngoài nước, chẳng hạn như Mùi tên vàng, Cuộc sống loài sâu bọ, Omon Pa, Degeneration, Trapeev và Pustota... Pelevin sáng tác theo khuynh hướng hậu hiện đại, ông được đánh giá là "nhà văn bí ẩn nhất và nổi tiếng nhất trong thế hệ của mình".

cười với cái gì đó xa xăm, và bàn tay phải, theo thói quen, định nắm lấy cây dùi cui đeo bên hông, cũng dừng lại.

- Tên bà ấy là gì? - Anh ta hỏi.

- Túm, - Tania đáp.

- Thôi được, - viên cảnh sát nói, đẩy cánh cửa toa nặng nề. - Phải để ý đấy...

Cánh cửa toa đóng lại sau lưng anh ta. Những tiếng la hét phía ngoài vọng tới hơi yếu đi một chút. Đoàn tàu phanh lại, trước mắt các cô gái, trong mấy giây chớp nhoáng, hiện ra một sân ga trải nhựa đường, phía sau là những ngôi nhà một tầng với những ống khói to nhỏ, cao thấp khác nhau, một số đang nhả khói yếu ớt.

- Ga Kremato, - một giọng nữ vô cảm phát ra từ chiếc loa thông báo khi các cửa ra vào đóng lại, - tiếp theo là ga "Cây số bốn mươi ba".

- Ga của chúng mình? - Tania hỏi.

Masa gật đầu và nhìn Túm vẫn ngồi trong góc cửa, không tham dự vào những gì xảy ra xung quanh.

- Bà ấy ở với cậu lâu chưa? - Cô hỏi.

- Năm thứ ba, - Tania đáp.

- Có vất vả lắm không?

- Ở không, - Tania nói, - bà ấy hiền lắm. Đây, cứ ngồi như thế suốt ngày trong bếp. Xem tí vi.

- Thế không đi dạo à?

- Không, - Tania nói, - không đi. Chỉ thỉnh thoảng ngủ ngoài ban công thôi.

- Nhưng bản thân bà ấy cũng nặng nề chứ? sống ở thành phố mà?

- Lúc đầu nặng nề thật, - Tania nói, - nhưng sau cũng quen dần. Hồi mới đến bà ấy toàn cứ trống vào ban đêm, cãi cọ với những người vô hình nào đó. Trên vai treo hai chiếc đinh, đây, cậu nhìn thấy không? Bà ấy thắng tất cả. Chỉ có điều sau cuộc bắn pháo hoa thì trốn biệt vào buồng tắm.

Ga "Cây số bốn mươi ba" thật hợp với

cái tên của mình. Thường thì dọc theo mỗi ga tàu đều có những cụm dân cư nào đấy, còn ở đây chẳng có một cái gì, ngoài nhà bán vé nhỏ tí xây bằng gạch, và muốn tới được chỗ này cũng chỉ có mỗi con đường đi từ Moskva. Ngay sau hàng rào là rừng kéo dài ngút tầm mắt - vậy mà trên sân ga, không hiểu từ đâu ra, cũng có được vài hành khách áo quần nhàu nhĩ, mặt mũi phờ phạc.

Masa gặp người lại vì cái túi xách nặng, đi lên phía trước. Theo sau là Tania, cũng một cái túi như vậy trên vai, cuối cùng là Túm lần từng bước một, những quả lục lạc trên người bà reo leng keng. Bà vén gấu áo dài trượt mỗi khi bước qua vũng nước. Bà đi đôi giày Tàu màu xanh, hai cẳng chân bó trong đôi tất bằng da có đính những hạt cước. Mấy lần Masa ngoài đầu nhìn lại thấy phía trái của Túm dính một chiếc đồng hồ báo thức, còn tất bên phải là một cái móng buộc vào một đoạn dây xích giạt nước của bồn bệ xí. Cái móng gần như quết lên trên mặt đất.

- Nghe này, Tania, - Masa khẽ hỏi, - cái móng ở chỗ chân bà ấy để làm gì vậy?

- Để đi xuống âm ti cho khỏi bẩn chân. Dưới đó đầy những rác rưởi.

Masa còn định hỏi về chiếc mặt đồng hồ báo thức, song nghĩ thế nào, lại thôi.

Từ sân ga dẫn vào rừng là một con đường trải nhựa khá tốt, hai bên có hai hàng bạch dương lâu năm cao gần bằng nhau và khoảng cách giữa các cây khá đều đặn. Nhưng sau khoảng ba bốn trăm mét mọi trật tự giữa hai hàng bạch dương đều biến mất, và con đường nhựa không hiểu tự lúc nào, cũng không còn nữa, thay vào đó là mặt đường đất nhộp nhộp dưới chân.

Masa nghĩ chắc đã từng có một vị thủ trưởng nào đó ra lệnh làm một con đường

nhựa đi qua rừng, nhưng sau đó mới vỡ lẽ rằng con đường chẳng dẫn tới đâu, nên người ta đã quên luôn nó. Masa buồn bã nghĩ tới cuộc đời mình, được bắt đầu cách đây hai mươi năm năm bởi một ý nguyện không ai biết tới, rồi bỗng nhiên, cũng giống con đường này - ban đầu thì bằng phẳng, thẳng thớm, được bao bởi từng hàng, từng dãy những chân lí đơn giản, sau đó bị lãng quên bởi một vị thủ trưởng vô danh nào đó và dần biến thành một con đường đất cong queo không biết dẫn tới đâu.

Phía trước mặt thấp thoáng một dải ruy băng buộc vào một nhánh bạch dương.

- Ở đây này, - Masa nói, - từ chỗ này rẽ phải vào rừng, đi thêm năm trăm mét nữa.

- Sao lại gần thế nhỉ, - Tania nghi ngờ. - Không biết có còn không.

- Chỗ này chẳng có ma nào tới cả, - Masa trả lời. - Đằng kia cũng vậy, có nhìn thấy gì đâu - nó bị đám bụi cây của khu rừng này lấp hết rồi còn gì.

Quả thật, chẳng bao lâu phía trước mặt đã hiện ra một ụ bê tông không cao lắm, hai bên là những rào dây thép gai. Sau đó họ thấy thêm một vài ụ bê tông nữa - chúng cũ kĩ, bị những bụi cây rậm rạp phủ tứ phía, và phải tới thật gần mới nhìn thấy những hàng dây thép gai chẳng chặt. Hai cô gái im lặng đi dọc theo hàng rào thép gai, cho tới lúc Masa dừng lại trước sợi ruy băng tiếp theo mắc trên một bụi cây.

- Đây rồi, - cô gái nói.

Một vài chỗ rào thép gai bị vén lên, cuộn vào nhau, hai cô gái dễ dàng lọt qua, còn Túm không hiểu sao lại lê qua lỗ hổng hàng rào bằng móng, lúng lúng trong cái ngách chật hẹp, áo bị mắc vào dây thép gai làm rung lên hồi lâu những tiếng lục lạc.

Phía bên này hàng rào dây thép gai cũng vẫn là rừng, như phía bên kia, và không có một dấu vết gì chứng tỏ sự có mặt của con người ở chốn này. Masa tự tin tiến về phía trước, sau mấy phút dừng lại bên một cái hang, phía dưới đây róc rách tiếng một con suối nhỏ đang chảy.

- Chúng mình tới nơi rồi, - cô nói, - kia kia, ở trong đám bụi cây ấy.

Tania nhòm xuống phía dưới.

- Tớ chẳng nhìn thấy gì cả.

- Kia kia, cái đuôi lùn lóc ở đằng kia kia, - Masa chỉ, - còn chỗ đứng này là cánh. Đì nào, đằng kia có bậc xuống đấy. Túm không đi xuống phía dưới - bà ngồi trên chiếc túi của Tania, dựa lưng vào thân cây, lặng người đi. Masa cùng Tania bám vào những nhánh cây, trượt trên lớp đất nhộp nhúa, tụt xuống dưới hang.

- Nghe này, Tania, - Masa thì thầm, - bà ấy sao, không cần phải nhìn thấy à? Thế bà ấy sẽ làm thế nào?

- Yên tâm, - Tania nói và nhìn vào bụi cây, - bà ấy còn biết hơn chúng mình ấy chứ... Quả thật. Chẳng hiểu sao vẫn còn giữ được nhỉ.

Đằng sau bụi cây lù lù một vật gì đó đen đen, nâu nâu và rất cũ kĩ. Thoạt nhìn, cái vật đó làm người ta nhớ đến cái máng ngay chỗ vị tù trưởng một bộ lạc du mục không giàu có lắm bị bọn cướp trần lột, giết chết, và vào giây phút cuối đời vị tù trưởng này đã kịp gia nhập vào một thứ thiên chúa giáo lạ lùng: từ mộ đất nhỏ hẹp chạy dài, lún lút một mô hình chữ thập rộng bản bằng sắt, chịu khó một chút có thể nhận ra đó là đuôi một chiếc máy bay đã bị phá huỷ một nửa, lia khói thân trong khi rơi xuống đất. Thân máy bay hầu như hoàn toàn chìm trong đất, trước nó vài mét, dọc theo bụi phi tử và đám cỏ là hai cánh máy bay bị rời ra, nằm lán lóc, trên mặt một chiếc còn nổi rõ hình chữ thập ngược màu đen.

- Tớ đã nhìn thấy ở album rồi, - Masa phá vỡ sự im lặng, - hình như đây là loại máy bay tiêm kích "Heinkel". Còn có hai bộ phận phụ trợ nữa, một là khẩu pháo nòng ba mươi gắn dưới thân máy bay, còn bộ phận kia không biết là cái gì. Không nhớ. Nhưng mà cũng không quan trọng.

- Thế cậu đã mở ngăn lái chưa?

- Chưa, - Masa trả lời, - lần trước có mỗi mình, tớ sợ lắm.

- Nhỡ trong đó không có ai thì sao?

- Không thể thế được, - Masa nói, -

kính còn nguyên đây này. Nhìn xem. Cô bước lên phía trước vài bước, vạch đám cỏ, lấy lòng bàn tay xoa một lớp bẩn lưu cữu lâu năm.

Tania cúi xuống dán mặt vào tấm kính. Đằng sau tấm kính có một vật gì đó đen đen và hình như ướt át.

- Bọn họ có bao nhiêu người cả thầy? - Cô hỏi. - Nếu như đó là "Heinkel" thì nhất định phải có cả pháo thủ?

- Mình không biết. - Masa trả lời. - Thôi được. - Tania nói. - Túm rư sẽ xác định. Thật tiếc là kính chắn đóng kín, chỉ cần lấy được một mẫu xương, hoặc một đúm tóc thôi, cũng dễ hơn rất nhiều.

- Như thế này bà ấy không thể à? - Có thể. - Tania nói. - Có điều lâu hơn. Thôi, tối rồi, chúng mình đi lượn cảnh khô đi.

- Thế chất lượng có bị ảnh hưởng không?

- "Chất lượng" là gì? - Tania hỏi. - Mà chất lượng ở đây, nói chung, liệu có có hay không?

Đồng lửa cháy cho nhiều ánh sáng hơn bầu trời chiếu bị những đám mây thấp che phủ. Masa nhận thấy cái bóng dài của cô không yên, cứ nhảy nhót trên cỏ, và cô cảm thấy hơi khó chịu. - cái bóng rõ là vững tin hơn bản thân cô. Masa có cảm giác trong bộ váy áo thành phố trông cô có vẻ ngốc nghếch làm sao, còn trang phục của Túm rư trong khung cảnh thiên nhiên hoang dã, dưới ánh lửa nhấp nháy hoá ra lại tiện lợi, hài hoà và thật tự nhiên.

- Thế nào. - Tania nói. - tí nữa chúng ta sẽ bắt đầu.

- Chúng mình đợi cái gì vậy? - Masa thăm thỉ hỏi.

- Đứng vội. - Tania cũng thì thào trả lời. - bà ấy tự biết khi nào và làm cái gì. Lúc này không cần nói bất kì điều gì với bà ấy.

Masa ngồi xuống đất bên cạnh cô bạn gái.

- Sợ quá! - cô nói và lấy tay vuốt vuốt lên áo khoác chỗ trái tim. - Đợi có lâu không?

- Không biết. Mỗi lần một khác. Như năm ngoái ấy...

Masa giật mình. Trên bãi cỏ vang lên một tiếng trống khô khốc, tiếp theo là tiếng reo của vô số quả lục lạc.

Túm rư đứng vươn người về phía trước, nhìn bụi cây ở mé hang. Đánh một tiếng trống nữa, bà chạy hai vòng ngược chiều kim đồng hồ xung quanh bãi cỏ, rồi với sự nhanh nhẹn lạ thường, bà nhảy qua các bụi cây, biến mất vào trong hang. Từ phía dưới vọng lên tiếng kêu đau đớn của Túm rư làm Masa nghĩ chắc bà bị ngã gãy chân, nhưng Tania đã bình thần nhắm mắt lại.

Dưới đáy hang vọng lên tiếng trống dồn dập và những lời lầm bầm liên hồi. Sau đó yên lặng và Túm rư xuất hiện từ sau bụi cây. Bây giờ bà chuyển động

chậm chạp và trang trọng; tiến đến gần giữa bãi cỏ bà dừng lại, giơ hai tay lên và gõ nhịp vào trống. Masa, để phòng xa, cũng nhắm mắt lại.

Cùng với tiếng trống xen vào một âm thanh mới - Masa không thấy được thời điểm xuất hiện âm thanh này, và thoát tiên cô không hiểu đó là cái gì. Ban đầu cô cứ tưởng đó là tiếng của một nhạc cụ thuộc bộ dây, sau mới vỡ lẽ cái âm thanh u ám, xé tai ấy phát ra từ họng Túm rư.

Dường như cái giọng ấy xuất hiện trong một không gian đặc biệt, và chính nó đã tạo ra không gian này, hoà trộn, biến ảo trong đó, đựng phải vô số những vật thể của một thế giới bí ẩn, mà mỗi một vật thể buộc Túm rư phải phát ra từ cổ họng những âm thanh chói tai. Không hiểu từ đâu Masa hình dung ra một tấm lưới quét dưới đáy hồ sâu, thu gom tất cả những gì mà nó gặp phải. Bỗng nhiên giọng của Túm rư vướng phải một vật gì đó và bà cố gắng thoát ra, song không thể.

Masa mở mắt và nhìn thấy Túm rư đứng gần đồng lửa cố rút bàn tay mình ra khỏi khoảng không. Bà cố hết sức giật tay ra, song khoảng trống đó không chịu buông.

- Nilti dolglong. - Túm rư nói, giọng dọa nạt. - hilti dzamai.<sup>(1)</sup>

Masa cảm nhận rất rõ khoảng không trước mặt Túm rư trả lời cái gì đó.

Túm rư cười phá lên và thúc mạnh vào trống.

- Nein, Herr General, - bà nói. - das hat mit Ihnen gar nicht zu tun. Ich bin hier wegen ganz anderer Angelegenheit.<sup>(2)</sup>

Khoảng không hỏi điều gì đó, còn Túm rư thì cương quyết lắc đầu.

- Sao, bà ấy nói được tiếng Đức à? - Masa hỏi.

- Khi nào nhập, thì bà ấy mới nói. - Tania đáp. - khi đó bà ấy có thể nói bất kì thứ tiếng nào.

Túm rư cố rút tay ra một lần nữa.

- Heute ist schon zu spät, Herr General. Verzeihung, ich hab es sehr eilig.<sup>(3)</sup> - bà cầu khẩn.

Lần này Masa có cảm giác khoảng không vang ra lời đe dọa.

- Wozu?<sup>(4)</sup> - Túm rư ré lên, giật từ trên vai dải ruybăng buộc hai cái đinh và hươu vòng trên đầu. - Nilti dzamai! blai budulan!

Khoảng không buông tay Túm rư nhanh đến nỗi làm bà bật ngửa ra đằng sau. Ngã nằm trên cỏ, bà cười ré lên, ngoảnh về phía hai cô gái, lắc lắc đầu tỏ ý chê bai.

- Sao vậy? - Masa hỏi.

- Tình hình xấu rồi. - Tania đáp. - dưới Âm ti không có khách hàng của cậu.

- Có thể bà ấy chưa tìm đến cùng? - Masa hỏi.

- Thế cậu nghĩ rằng dưới đó có tận cùng sao? Ở đấy không có tận cùng, cũng không có bắt đầu.

- Làm thế nào bây giờ?

- Để lên Thượng giới xem sao. - Tania nói - có điều xác xuất không lớn lắm. Chưa được một trường hợp nào cả. Nhưng, tất nhiên, vẫn có thể thử.

Cô quay về phía Túm rư này giờ vẫn ngồi trên cỏ, giơ ngón tay chỉ lên trên. Túm rư gật đầu, tiến tới bên chiếc túi tennis, lôi ra một chiếc trống khác. Sau đó bà cầm một chai coca cola, ngửa cổ uống mấy hớp, động tác này làm Masa nhớ tới danh vợt Marina Navratilova trên sân quần Umbldon.

Tiếng trống của Thượng giới kêu khác: nhỏ hơn và có vẻ trầm ngâm hơn. Âm thanh kéo dài, náo nùng trong giọng của Túm rư cũng thay đổi và thay vì nỗi sợ hãi, nó gieo vào lòng Masa sự thanh thản và nỗi buồn nhẹ nhàng. Tất cả lại diễn ra như mấy phút trước đó, song giờ đây những gì diễn ra không ghê sợ, mà trở nên cao cả và không đúng chỗ - không đúng chỗ đến nỗi thậm chí cả Masa cũng hiểu: hoàn toàn không việc gì phải khuấy động cái thế giới mà Túm rư đang hướng tới, mặt ngẩng lên bầu trời tối sẫm ở khoảng không giữa những cành cây, tay nhẹ nhàng điểm những tiếng trống.

Masa nhớ tới một bộ phim hoạt hình cũ nói về cuộc phiêu lưu của một con sói xám nhỏ trong những vùng đồ nát, hoang hoá, cây cối chen chúc âm u ở ngoại ô Moskva. Trong phim thỉnh thoảng những cảnh đó biến mất, thay vào là những khoảng trống mềm mại ngập tràn ánh nắng mặt trời giữa trưa, gần như trong suốt, nơi trên con đường tổ màu nước nhợt nhạt kẻ phiêu lưu được vẽ bằng bút lông đang khó nhọc đi về chốn xa xăm.

Masa lắc đầu trở về với hiện tại và nhìn quanh. Cô có cảm giác tất cả những thứ xung quanh cô - những bụi, những cây, bãi cỏ và những đám mây đen vừa mới bện chặt lấy nhau. - dưới tiếng trống, đã tàn ra và ở khoảng trống giữa chúng hiện lên trong mây giấy một thế giới kì lạ, sáng rõ, không quen biết.

Giọng của Túm rư bỗng vấp phải cái gì đó, nó cố gắng đi tiếp, nhưng không thể và khựng lại ở một nốt căng thẳng.

Tania giật tay Masa.

- Cậu nhìn đi, có rồi đấy. - cô nói. - chúng mình tìm thấy rồi. Hiện ra ngay bây giờ...

Túm rư hươu hươu tay lên trên, thét một tiếng và ngã lăn ra cỏ.

Vọng tới tai Masa tiếng gầm của động cơ máy bay. Tiếng gầm rất lâu và không hiểu từ đâu tới. Khi nó vừa tắt thì một loạt những tiếng động khác tiếp theo: tiếng gõ vào kính, tiếng va chạm của thép gì sét, tiếng ho rất nhẹ, nhưng rõ ràng của một người đàn ông.

Tania đứng dậy, bước mấy bước về phía hang. Ngay lúc đó Masa nhìn thấy một bóng người tối sẫm đang đứng ở rìa đám cỏ.

- Sprexen zi dois? - Vừa đi thụt lùi,

Tania vừa nhắc lại. - Điếc à?

Anh lửa nhợt nhạt chiếu lên một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi, mặc áo khoác da, đội mũ phi công. Người đàn ông tiến lại, ngồi đối diện với Túm rư đang khúc khích cười. Anh ta xếp chân vòng tròn, ngược nhìn Tania.

- Sprexen zi dois?

- Thôi đi nào. - người đàn ông bình thản nói. - lải nhải mãi.

Tania thất vọng huýt sáo.

- Ông là ai vậy? - cô hỏi.

- Tôi là ai? Là thiếu tá Zvaginsev. Nikolai Ivanovich. Còn các cô là ai?

Masa và Tania nhìn nhau.

- Không hiểu được. - Tania nói. - thiếu tá Zvaginsev thế nào, trong khi máy bay là của Đức?

- Máy bay chiến lợi phẩm. - Thiếu tá nói. - Tôi đang đuổi nó sang một sân bay khác, bỗng nhiên ở đây...

Mặt thiếu tá Zvaginsev biến dạng - rõ là ông đang cố nhớ lại cái gì đó hết sức khó hiểu.

- Thế có nghĩa ông là phi công Xô Viết? - Tania hỏi.

- Nói thế nào được nhỉ. - thiếu tá Zvaginsev nói. - Tôi đã từng là người Xô Viết, nhưng bây giờ thậm chí tôi không biết mình là ai nữa. Ở chỗ chúng tôi mọi thứ đều khác. Ông nhìn Masa, và không hiểu sao cô gái ngưng ngưng, quay mặt đi.

- Thế các cô đang làm gì ở đây thế? - ông hỏi. - Là bởi vì thế giới người chết và thế giới người sống khác nhau. Hay không phải vậy?

- Ồi. - Tania nói. - cho chúng cháu xin lỗi. Chúng cháu không phiên nhiều những người Xô Viết đâu. Đó là do chiếc máy bay. Chúng cháu cứ tưởng ở trong đó phải là người Đức kia.

- Thế các cô cần người Đức để làm gì?

Masa ngược mặt nhìn thiếu tá. Đó là một người đàn ông có khuôn mặt rộng, mũi hơi hếch và vô số những nếp nhăn chẳng chịt trên má. Masa có thiện cảm với những khuôn mặt như thế. Thật ra khuôn mặt của thiếu tá bị một lỗ đạn bên má trái làm hỏng một chút, song Masa, từ lâu rồi, đã đi tới kết luận rằng trong thế giới này không có sự hoàn thiện, và cô không tìm nó ở mọi người nữa, nhất là về ngoài của họ.

- Ông có biết không. - Tania nói. - thời buổi hiện nay như thế đấy, mỗi người kiểm tiến theo cách mình có thể. Thế nên chúng cháu cùng với bà...

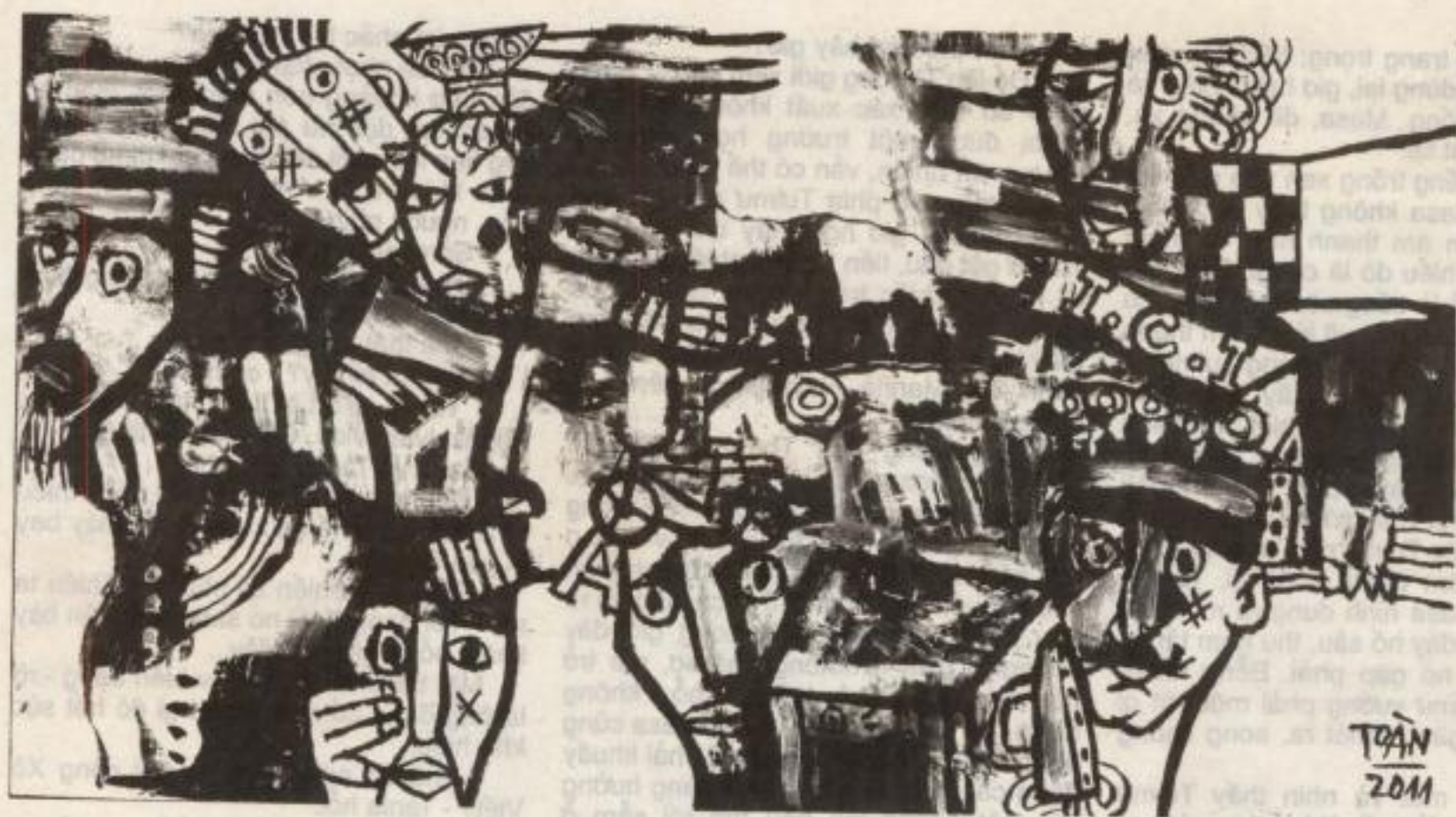
Cô hát mặt về phía Túm rư, người không tham dự vào câu chuyện.

- Nói ngắn gọn, công việc của chúng cháu như thế này. Hiện nay mọi người đang đua nhau chạy khỏi đất nước. Nếu lấy chống có công ty thì phải bốn xấp. Chúng cháu đổ đồng trung bình chỉ lấy năm về thôi.

(Xem tiếp trang 18)

Minh họa của ĐỖ DỪNG





Minh họa của KHANH TOÀN

PETER CAREY (Australia)

# CON CÓ YÊU MẸ KHÔNG?

## 1. Vai trò của Trắc địa viên

Có lẽ cần nói qua về vai trò của Trắc địa viên trong xã hội chúng ta ngày nay.

Trước hết, ta phải hiểu bản chất của cuộc thống kê hàng năm, một biểu hiện lòng mong mỏi của chúng ta luôn muốn biết chính xác ta đang ở đâu. Thoạt tiên chỉ để điều tra dân số, cuộc thống kê dần dần được mở rộng rồi trở thành một cuộc tổng kiểm kê mọi lĩnh vực của quốc gia, một công việc đồ sộ luôn luôn tiếp diễn, kết quả thống kê năm nay chưa được công bố thì công việc cho năm kế tiếp đã phải bắt đầu. Kết quả thống kê đóng vai trò quan trọng trong đời sống toàn quốc, và từ lâu đã trở thành tâm điểm của "Lễ hội Ngó" hàng năm (một lễ hội cổ xưa về sự thịnh vượng của trái đất).

Chúng tôi đam mê việc kê khai. Và điều này thể hiện rõ nhất trong Lễ hội Ngó diễn ra vào giữa mùa hè, khi trời luôn đẹp và ấm áp. Vào đêm lễ hội, nhà nhà mang hàng hóa và đồ đạc, bàn tủ, đồ điện tử, quần áo, thậm chí đồ dùng làm bếp, áo choàng tắm, dép, gối tựa, máy cắt cỏ, màn, đồ chặn cửa, của gia truyền, máy ảnh, và bất cứ thứ gì có thể khênh được ra đường cho các nhân viên thống kê dễ dàng kiểm tra tài sản từng nhà hơn.

Nhưng Lễ hội Ngó không chỉ có công việc ghi chép kiểm kê. Khi đêm đến, các nhà mời nhau xem tài sản của mình mà vào đêm này họ gọi là quà tặng. Cứ như là một bữa tiệc cưới, có thật nhiều đồ ăn, tất cả các món truyền thống, rượu vang ngon, rượu mạnh, nhạc được chơi thật to trong những vùng vốn yên ắng, khách lạ kết đôi với nhau, đàn ông nhảy nhót với nhau, các thiếu nữ mặc váy vàng phên phất những mẩu lối ngó tấm đường lúa mạch cho khắp mọi người già trẻ lớn bé.

Và trong mọi việc có lẽ vai trò của Trắc địa viên là quan trọng bậc nhất, bởi vì dân chúng khao khát, hơn bất cứ thứ gì khác, muốn biết sự rộng hẹp của quốc gia, muốn biết chính xác hình dáng của bờ biển, muốn nghe vùng đất nào đã bị biển xâm lấn, muốn biết vùng nào đã bị hoang hóa và vùng nào còn chưa rõ. Nếu năm ấy tường trình của các Trắc địa viên tốt, Lễ hội Ngó sẽ là một lễ hội vui vẻ. Nếu tường trình xấu, người ta luôn có thể cảm thấy trong các cuộc nhảy nhót nhậu nhẹt một cảm giác lo sợ, bất an từ những người tham dự, một cảm giác tuyệt vọng. Những năm tường trình của các Trắc địa viên xấu thế nào cũng có đánh nhau, đôi khi đồ đạc bị chôn chĩa vì các công dân cố bù đắp cảm giác mất mát cho chính họ.

Vì tầm quan trọng của công việc mà các Trắc địa viên trở thành một tầng lớp tinh hoa - họ lĩnh lương cao, được trọng vọng, bị ghen tị và rất mực kiêu kỳ. Một số người cho rằng họ kiêu hành thái quá, vô luân, ngạo mạn và tự tung tự tác, và có lẽ cáo buộc cuối (chả oan tí nào) là nguyên nhân của những cái khác. Vì các Trắc địa viên bỏ ra hàng năm trời ngược xuôi miền biển, men theo những con sông lớn, vượt qua những dãy núi hùng vĩ và những sa mạc mênh mông. Họ đi thành từng nhóm ba, bốn hoặc đôi khi năm

người, chủ động về thời gian, làm việc khi thích, bởi vì cuối cùng chính họ là những người chịu trách nhiệm để công việc của nhóm họ hoàn tất đúng hạn định.

Chính cha tôi, một Trắc địa viên, thường kể tôi nghe những câu chuyện về bản thân ông hay về những đồng nghiệp và các cuộc phiêu lưu của họ ở những miền đất hoang vu.

Tuy nhiên cũng có những câu chuyện khác đọng mãi trong trí óc tôi khi còn nhỏ, từng khiến tôi xiết bao lo sợ. Đó là chuyện về những vùng hoang địa mà tôi ngờ rằng chẳng ai biết đến ngoại trừ giới Trắc địa viên và các viên chức chính phủ. Là đứa trẻ con trong một ngôi nhà thường được các Trắc địa viên thăm viếng, tôi thường nghe những câu chuyện mà lúc nào cũng khiến tôi bám chặt lấy váy mẹ.

Hình như đã từ lâu một số vùng đất của quốc gia đã dần



Peter Carey sinh năm 1943 tại Bacchus Marsh, bang Victoria, Australia. Gia đình ông kinh doanh một đại lý và xưởng sửa xe hơi. Gặp tai nạn và bỏ học sau một năm học đại học, ban khoa học tự nhiên, tại Monash University, rồi làm việc cho các hãng phụ trách quảng cáo ở Melbourne và London. Năm 1964 bắt đầu viết văn. Say mê các tác phẩm của Joyce, Beckett, Kafka, Faulkner và chịu ảnh hưởng của Gabriel Garcia Márquez về mặt bút pháp. Là một nhà văn hậu hiện đại được đánh giá rất cao ngay từ những cuốn tiểu thuyết và những tập truyện ngắn đầu tiên. Ông đã hai lần đoạt giải Booker (1988, 2001), người được chờ đợi là nhà văn Australia gần nhất được nhận Nobel văn chương. Năm 1989 Carey cùng gia đình sang sinh sống tại New York. Ngoài viết văn ông tham gia giảng dạy tại Đại học New York.

## 10 truyện ngắn hậu hiện đại thế giới

trở nên hư ảo mà ngay cả các Trắc địa viên vốn tự hào về lòng can đảm cũng coi những vùng này là đáng sợ. Những vùng đất này thường không có người cư trú, mà cũng chẳng được canh tác hoặc sản xuất gì. Đã có vài phần của rừng Halverson, những dải lớn của Đại sa mạc, và những chặng dài bờ biển bắt đầu từ từ biến mất như những hình ảnh trên một tấm ảnh hãm màu không đúng cách.

Chính vì những vùng u ám này mà người ta tạo ra Xuyên vọng kính. Về mặt nguyên tắc, Xuyên vọng kính không khác máy ra-đa, nó có khả năng dò được sự hiện hữu của bất cứ vật thể nào, cho dù nó đã bị phi vật chất hóa hoặc phi thực đến mấy. Bằng cách này các Trắc địa viên vẫn có thể vẽ được những hoang địa đáng ngờ. Quay về với những chỗ bỏ trống trên bản đồ sẽ khiến cho công chúng hoang mang mà không ai dám nghĩ rằng điều đó sẽ ảnh hưởng thế nào đến sự ổn định của xã hội. Bây giờ tôi có lý do để tin rằng có những vùng đất đã hoàn toàn biến mất mà ngay cả Xuyên vọng kính cũng không thể dò ra, và các Trắc địa viên do sức ép chính trị đã sử dụng những bản đồ cũ để giả vờ vẽ vào những phần còn thiếu. Nếu lý thuyết của tôi có cơ sở, mà tôi tin chắc là có, nó sẽ giải thích cho những lời giễu cợt của cha tôi về Lễ hội Ngó.

## 2. Trắc địa viên kiểu mẫu

Cha tôi hơn năm mươi tuổi nhưng vẫn còn giữ được vẻ rắn chắc. Da ông nâu và cơ bắp hầy còn căng. Ông cao, tóc muối tiêu rậm, ria mép đen hơn tóc một chút và có một cái mũi khoằm dài. Ngồi trên lưng ngựa, trông ông kiêu hãnh và hung hãn như Thành Cát Tư Hãn. Nằm trên bãi biển chỉ vận quần tắm và kính mát, ông vẫn giữ được phong thái oai vệ.

Bên cạnh ông, tôi luôn có cảm giác như thể tôi đã phản bội ông. Tôi mảnh khảnh, giống mẹ hơn.

Hôm đó là ngày trước khi diễn ra lễ hội, chúng tôi gồm cha tôi, mẹ, bạn gái tôi và tôi nằm trên bãi biển. Như thường lệ, trong những trường hợp như thế này cha tôi thường nói chuyện với Karen. Ông không bao giờ coi các thành viên trong gia đình đáng để nói chuyện. Tôi hay có cảm giác khó chịu rằng ông tán tỉnh các bạn gái của tôi mà tôi không biết phải làm gì.

Người ta nằm thành từng nhóm rải rác trên bãi biển. Một gia đình năm người đang chơi đùa với một quả bóng lớn gần chúng tôi.

"Trông lũ gốc kia," cha tôi nói với Karen.

"Sao họ lại gốc?" Karen hỏi.

"Chúng nó gốc," cha tôi nói. "Chúng nó sinh ra là những đứa gốc và chết đi vẫn là những đứa gốc. Ngày mai chúng sẽ nhảy múa ngoài đường và sẽ quá chén."

"Như vậy," Karen nói với vẻ đắc thắng thường thấy khi người ta được chia sẻ một thông tin bí mật, "bản tường trình Trắc địa viên sẽ tốt chứ?"

Cha tôi cười phá.

Karen có vẻ tự ái và dỗi. "Cháu gốc lắm à?"

"Không," cha tôi nói, "thật ra cô khá là sáng sủa."

## 3. Lễ hội nổi tiếng nhất

Lễ hội bóng hóa thành thảm họa lớn nhất trong trí nhớ con người.

Bản tường trình của các Trắc địa viên tuyệt vời, thời tiết đẹp, nhưng ở một nơi nào đó một cái gì đó trở nên sai lệch.

Tin tức lẫn lộn. Truyền hình đưa tin rằng bất chấp bản tường trình tốt nhiều đồ vật đã bị mất cắp từ đầu hôm. Chốc sau có tin khẳng định một ngôi nhà lớn ở phố Howie biến mất hoàn toàn.

Tuy nhiên một lúc sau chúng tôi nhìn ra cửa sổ thấy một đoàn người mang theo đuốc cháy hùng hục. Có nhiều tiếng la hét. Hình ảnh y như vậy cũng phát trên truyền hình, bình luận viên giải thích rằng đội dân phòng đó đang tìm kiếm bọn trộm.

Cha tôi đứng bên cửa sổ, tay cầm ly martini, nhìn đám dân phòng châm lửa đốt ngôi nhà đối diện.

Mẹ tôi hỏi chúng tôi nên làm gì.

"Lại đây mà xem lũ gốc," cha tôi nói, "chúng nó thật là kinh dị."

## 4. Sự cố I.C.I

Ngày hôm sau tòa nhà I.C.I biến mất ngay trước mũi một đám đông khoảng hai nghìn người. Trong vòng hai tiếng đồng hồ. Đám đông đứng lặng khi cả một khối lớn kính và thép phai nhạt dần trước mặt họ.

Những nhân viên được sơ tán trông nhợt nhạt và run rẩy. Người trông coi tòa nhà, một trong những người cuối cùng rời khỏi tòa nhà, trông gần như nhợt nhòa. Những ngày sau đó ông ta tự xưng mình là thần linh, phán rằng ông ta có thể nhìn thấy những thế giới khác, tầng này nằm trên tầng kia, xuyên qua kết cấu của thế giới hiện tại hiện hữu.

## 5. Phản ứng trước sự phi vật chất hóa

Sự giận dữ của dân chúng trước những hành vi trộm cắp thì đã quá nổi tiếng và dĩ nhiên được những sự cố xảy ra trong đêm lễ hội làm cho nổi bật.

Nhưng cơn thịnh nộ biểu lộ trong cái đêm nổi tiếng này không thể so sánh được với cường độ xúc cảm mà những người chứng kiến những cảnh phi vật chất hóa đầu tiên phổ bày ra.

Đám đông im lặng quan sát tòa nhà ICI đột ngột phát cuồng khi họ nhận ra rằng tòa nhà cuối cùng đã biến mất và không có vẻ gì sẽ quay lại.

Sự cố này giống như một vụ trộm khổng lồ mà hình phạt nhất định phải được ban bố.

Họ tràn vào tòa nhà Shell bên cạnh, đập phá bàn, kéo đổ những vách ngăn văn phòng. Cảnh nhà báo có mặt tại

hiện trường cũng chẳng phải là những người quan sát vô tư, nhưng một trong những người tỉnh táo hơn trong giới báo chí đã bình luận về con số lớn những người kêu khóc quảng mây đánh chữ qua các ô cửa sổ và vùng hồ sơ tung tóe ra đám nhân viên văn phòng đang hoảng sợ.

Năm ngày sau đó họ lại giận dữ hết như vậy khi chính tòa nhà Shell biến mất.

#### 6. Phản ứng của những người phi vật chất hóa

Nói chung người ta không tin những tin tức đầu tiên về phi vật chất hóa ở người, và các phương tiện truyền thông im đi những tin này. Nhưng mọi người nhanh chóng biết những sự việc đó và hầu như không gia đình nào không xáo động. Rõ ràng những sự kiện đó không phải đều giống nhau, nhưng ở nhiều nạn nhân người ta thấy họ có khuynh hướng biểu lộ sự hùng hổ tốt độ đối với những người xung quanh. Các vụ giết người và hành hung do những kẻ bất hạnh này gây ra không phải là không phổ biến và trong hầu hết các trường hợp họ bộc lộ sự thịnh nộ gần như không thể tin nổi, như thể họ là nạn nhân của một sự phản bội tồi tệ nào đó.

Một lần anh bạn tôi James Bray bị một phụ nữ xinh đẹp chặn lại giữa đường, cào cấu vào mặt anh và nói: "Thằng khốn nạn, mày làm cho tao thế này đây, mày làm cho tao thế này đây."

Trước đó anh chưa bao giờ gặp cô ta nhưng anh thú nhận rằng, một cách phi lý, anh cảm thấy mình có trách nhiệm nên đã không tự vệ. May cho anh, cô ta tan biến mất khi chưa kịp làm anh thấy trúa nhiều.

#### 7. Vài lý thuyết được đưa ra vào thời đó

1. Thế giới chẳng qua chỉ là một giấc mơ của một vị thần và ngài đang tỉnh giấc sau một giấc ngủ dài. Khi thế giới biến mất chúng ta sẽ biến mất cùng với thế giới và thấy đều vui vẻ.

2. Thế giới đã trở nên nhay cảm đối với ánh sáng. Cũng như việc dùng penicillin kéo dài chẳng hạn có thể đột nhiên dẫn đến chứng dị ứng nguy hiểm, việc thế giới bị phơi bày dưới ánh mặt trời quá lâu làm cho nó nhạy cảm đối với ánh sáng.

Có thể thấy những người theo thuyết này hồi hải giữa những đám đông trong thành phố trong những chiếc áo thun đen dài phủ kín người.

3. Thế giới đang biến mất do sự cẩu thả của các Trắc địa viên và các nhân viên thống kê. Những người nào diễn bản kê khai không chính xác sẽ bị mất những món mà họ sợ ý không liệt kê. Những người nào bị các viên chức kém nhân nại bỏ qua trong khi thống kê cũng sẽ biến mất. Có một nhóm đang gây sức ép mạnh mẽ yêu cầu phải nhanh chóng tiến hành một cuộc thống kê khác trước khi tình hình trở nên tồi tệ hơn.

#### 8. Lý thuyết của cha tôi

Theo cha tôi, thế giới này cũng hết như cơ thể con người ở chỗ nó có cơ chế tự vệ cho phép nó tự bảo vệ mình khi có bất cứ điều gì đe dọa nó hoặc thừa thãi đối với nó. Tòa nhà I.C.I và công ty I.C.I hiển nhiên đã cấu thành một mối đe dọa đối với thế giới hoặc đơn giản chỉ là không còn phù hợp. Đó là lý do tại sao nó biến mất mà không phải do bất cứ một lão thần thánh chết tiệt nào đó đang tỉnh giấc và dụi mắt.

Cha tôi nói: "Tao không tin có thần thánh. Loài người chính là thần thánh. Loài người là thứ thần thánh duy nhất mà tao biết. Nếu loài người không cần đến thứ gì thứ ấy sẽ biến mất. Những người không được yêu thương sẽ biến mất. Tất cả những gì không được yêu thương sẽ biến mất khỏi mặt đất. Chúng ta chỉ có thể tồn tại nhờ vào tình thương yêu của người khác và tất cả chỉ có thế."

#### 9. Một mâu thuẫn

Cha tôi nói: "Trông lũ ngốc kia. Chúng nó không biết chính chúng nó cũng sẽ tàn đời."

#### 10. Một cảnh tượng không vui

Thế giới vào thời điểm này đầy những cảnh tượng không vui và bức bối. Một cảnh mà tôi còn nhớ rõ diễn ra ngay giữa thành phố trong một chiều thứ ba oi bức. Lúc đó khoảng một giờ rưỡi, tôi đang đợi Karen chỗ bưu điện thì một người khoảng bốn mươi tuổi chạy ngang qua. Ông ta đang tan biến một cách nhanh chóng. Mọi người đều có vẻ cố tình nhìn ra chỗ khác, điều này có vẻ còn làm ông ta biến nhanh hơn. Tôi nhìn ông chăm chăm, hy vọng tôi có thể làm một điều gì đó để giữ ông ta lại đến khi được cứu. Tôi cố gắng yêu thương ông, vì tôi tin vào lý thuyết của cha tôi. Tôi nghĩ tôi phải yêu thương người này. Nhưng mà gương mặt của ông ta chọc tức tôi. Yêu thương một người xa lạ thật không dễ dàng tí nào, và tôi phải xấu hổ mà thừa nhận rằng ông ta có cái miệng nhỏ và cặp mắt ti hí mà tôi vốn rất không ưa. Tôi cố gắng yêu thương ông ta nhưng hẳn đã thất bại.

Trong khi đó ông cố gắng vẫy taxi. Nhưng các tài xế taxi quá biết những gì đang diễn ra nên hoàn toàn không có ý chờ một người khách có thể ngưng tồn tại vào bất cứ lúc nào. Họ nhìn ra hướng khác hoặc kéo băng KHÔNG PHỤC VỤ lên.

Cuối cùng ông ta tóm được một chiếc taxi ở chỗ đèn xanh đèn đỏ. Đến lúc này ông ta mòng mòng đến nỗi tôi có thể nhìn xuyên qua người ông. Ông ta bắt đầu gào lên. Một tiếng kêu yếu ớt, ròn ròn, the the. Ông ta cố mở cửa xe, nhưng anh tài xế đã khóa chặt cửa. Tôi nghe giọng ông ta cao và nói: "Cho tôi về nhà." Ông ta lặp đi lặp lại: "Cho tôi về nhà để gặp vợ."

Khi đèn xanh bật chiếc taxi chồm lên. Xe cộ chợt lắng đi. Mọi người đều lẫn đi chỗ khác, chỉ còn có tôi đứng nhìn

**Bắt đầu là câu chuyện về những trắc địa viên với công việc đo đạc đất đai để vẽ bản đồ. Một tấm bản đồ cần phải bao quát hết mọi vùng đất dù xa xôi hẻo lánh để người dân có thể hình dung đầy đủ, chính xác về đất nước, xứ sở mình. Nhưng hình như trên tấm bản đồ Australia (trong truyện) có những vùng đất bị trở nên hư ảo và "bắt đầu từ từ biến mất như những hình ảnh trên một tấm ảnh hăm màu không đúng cách". Từ đây tác giả mới đi vào truyện chính. Một vùng đất nào đó bị "phi vật chất hóa" trên bản đồ có thể là do các trắc địa viên mang thói chùng tặc cố tình lừa dối, quên đi, bỏ đi. Cho đến cả những tòa nhà to lớn cũng có thể biến mất ngay trước mắt vì một lý do nào đó. Nhưng khi con người "biến mất" đối với con người, cho đến cả một tập hợp dân tộc với nhiều sắc dân cũng bắt đầu bị phi vật chất hóa thì vấn đề ở đây là tính người với nhau, là tình nhân ái. "Tao không tin có thần thánh. Loài người chính là thần thánh. Loài người là thứ thần thánh duy nhất mà tao biết. Nếu loài người không cần đến thứ gì thứ ấy sẽ biến mất. Những người không được yêu thương sẽ biến mất. Tất cả những gì không được yêu thương sẽ biến mất khỏi mặt đất. Chúng ta chỉ có thể tồn tại nhờ vào tình thương yêu của người khác và tất cả chỉ có thế." – nhân vật người cha trong truyện đã phát ngôn tư tưởng của nhà văn. Ở đây tính hậu hiện đại không hẳn là biện pháp hư ảo, mà ở chiều sâu của sự trở về con người trong một xã hội "hoài nghi các đại tự sự". Câu hỏi của bà mẹ "Con có yêu mẹ không" ở cuối truyện, có lẽ, là sự thay thế đầy lo lắng và thương yêu cho mọi đại tự sự chủ.**

NGÂN XUYỀN

người đàn ông tan biến hoàn toàn.

Tôi cảm thấy choáng.

Năm phút sau Karen đến, thấy tôi nhợt nhạt và run rẩy, nàng lo lắng: "Anh có sao không?"

"Em có yêu anh không?" tôi hỏi.

#### 11. Những vùng hoang địa

Cha tôi có cái kiểu giải thích cho tôi về những việc mà tôi đã biết một cách rất bức mình, ông thường không chịu ngừng dù tôi cố lặp đi lặp lại "Con biết" hay "Bố đã bảo con rồi" bao nhiêu lần chẳng nữa.

Thế nên ông giảng giải về ý nghĩa quan trọng của những vùng hoang địa bằng cái giọng của giáo viên giảng bài cho trẻ em cá biệt.

Ông nói: "Mày biết không, những vùng hoang địa là những vùng đầu tiên bị biến mất mà bản thân điều này có ý nghĩa quan trọng. Những vùng này, tao nghĩ mày đã biết, con người ít khi bén mảng đến, và chỉ có những người như tao mới đến đó chỉ để bảo đảm rằng chúng vẫn còn ở đó. Chúng ta không sử dụng những vùng này, những sa mạc, đầm lầy và bờ biển này, và dĩ nhiên đó là lý do chúng biến mất. Chúng chẳng qua chỉ là thứ thuộc về chúng ta và nếu chúng ta có sử dụng chúng chẳng qua chỉ là hình tượng cho các nhà thơ, nhà văn và nhà làm phim. Chúng được sử dụng làm biểu tượng của sự xa lánh, ruộng bỏ, cô độc, vô dụng và đại loại như thế. Mày có hiểu tao nói gì không?"

"Vâng," tôi nói, "con hiểu bố nói gì ạ."

"Hiểu thật không," ông nhấn mạnh. "Tao không biết mày có thực sự hiểu không?" Ông dò xét tôi nghiêm nhặt, ngờ vực khả năng tôi hiểu ông. "Mày bao nhiêu tuổi rồi nhỉ?"

"Hai mươi," tôi nói.

"Dĩ nhiên, tao biết," ông nói. "Mày có hiểu ý nghĩa quan trọng của những vùng hoang địa không?"

Tôi thở dài, hơi to một tí khiến cha tôi nhui mày. Tôi nói nhanh: "Chúng cũng giống những nơi khác thôi. Chúng giống như các thành phố. Các thành phố cũng là những sa mạc mà ở đó người ta lẻ loi và cô độc. Người ta không yêu thương nhau."

"Không yêu thương nhau", cha tôi kéo dài giọng, rồi thở dài. "Chúng ta không còn yêu thương nhau nữa. Khi chúng ta nhận ra rằng chúng ta cần có nhau thì chúng ta sẽ không phải biến mất nữa. Đây là bài học cho chúng ta. Một bài học khó khăn nhưng hy vọng là có ích."

Cha tôi tiếp tục nói, tôi nhìn ông nhưng không lắng nghe. Mấy phút sau ông đột ngột ngưng lại: "Mày có đang nghe tao không đấy?" Tôi ngạc nhiên khi nhận thấy sự lo lắng thực sự trong giọng nói của ông. Ông nhìn tôi một cách ngờ vực, nói: "Tao luôn luôn chăm sóc mày, từ khi mày còn bé tí".

#### 12. Sự suy thoái của các Trắc địa viên

Tôi không biết từ khi nào tôi nhận thấy cha tôi bắt đầu trầm uất. Có thể nó diễn ra từ từ nên cả tôi lẫn mẹ đều không nhận thấy.

Ngay cả khi tôi nhận thấy điều này, tôi cho là tại đàn bà. Cha tôi có khá nhiều người tình và tính khí ông thường phản ánh sự thành công hay thất bại trong những mối quan hệ đó.

Nhưng tôi biết rằng ông đã nghe tin về Hurst và Jamov, hai Trắc địa viên đầu tiên biến mất. Tin này bị im đi trong nhiều tuần rồi không hiểu bằng cách nào rò rỉ ra giới báo chí. Có lẽ các Trắc địa viên có kẻ thù trong số các công chức, những người cho rằng họ quá kiêu ngạo và lĩnh lương quá nhiều, và có lẽ là báo chí biết tin từ một trong những công chức này.

Khi tin tức rất cuộc cũng bùng ra, tôi hiểu sự trầm uất của cha và cảm thấy tội nghiệp cho ông.

Tôi không biết phải giúp ông thế nào. Tôi hết sức muốn làm ông vui vẻ. Tôi chưa bao giờ có thể mang lại cho ông thứ gì hoặc làm điều gì cho ông mà bản thân ông không thể làm tốt hơn. Giờ đây tôi muốn giúp ông, để chứng tỏ với ông rằng tôi thấu hiểu.

Một tối nọ khi từ văn phòng về nhà tôi thấy ông đang ngồi trước ti vi, tôi lặng lẽ ngồi xuống cạnh ông. Lúc này ông có vẻ dịu dàng hơn, ông đặt tay lên đầu gối tôi và vỗ nhẹ.

Tôi ngồi đó một lúc, hân hoan với sự ấm áp mới mẻ trong mối quan hệ cha con và rồi không ngăn được cảm xúc của mình nữa, tôi buột miệng: "Bố đổi nghề đi."

Cha tôi cũng người lại rồi ngồi bật dậy. Ông bóp chặt đầu gối tôi khiến tôi kêu lên đau đớn, nhưng ông vẫn tiếp tục bóp, làm tôi đau kinh khủng.

"Mày ngốc lắm con ạ", ông nói, "mày không biết rồi chính mày cũng sẽ tàn đời".

Tôi cảm thấy mức độ sợ hãi của cha qua chỗ đau trong chân tôi.

#### 13. Tại sao thế giới cần có Trắc địa viên

Cha tôi đánh thức tôi dậy lúc 3 giờ sáng để nói với tôi tại sao thế giới cần có Trắc địa viên. Người ông đầy mùi whisky, một lần nữa có vẻ rất dịu dàng.

"Thế giới cần có Trắc địa viên," ông khẽ nói, "bởi vì nếu không có Trắc địa viên, lũ ngốc ấy sẽ chẳng biết chúng đang ở đâu. Nếu như không có một Trắc địa viên bảo chúng cái gì đang diễn ra, chúng sẽ chẳng biết rồi chúng cũng tàn đời. Thế giới cần có Trắc địa viên, thế giới dứt khoát cần có Trắc địa viên."

#### 14. Cảnh cuối cùng

Hãy để tôi tả cảnh cuối cùng cho các bạn: Tôi ngồi trên ghế sofa mà cha tôi mang về nhà khi tôi năm tuổi. Tôi xem tivi. Cha tôi ngồi trên chiếc ghế da có chỗ gác tay vốn thuộc về ông nội và luôn luôn được dành riêng cho ông. Mẹ tôi ngồi chỗ bàn ăn, bộ bài trải khắp mặt bàn, một lần nữa chơi trò đánh bài một mình không bao giờ dứt.

Tôi liếc sang xem ông có làm gì ngoài việc nhìn trừng trừng vào khoảng không hay không, và hải hùng nhận thấy ông đang có những dấu hiệu đầu tiên của sự tan biến.

"Mày nhìn cái gì?". Thật ra cha tôi đang chăm chăm nhìn tôi.

"Không nhìn gì cả ạ."

"Hừm, đứng nhìn."

Hoảng sợ, tôi quay mắt lại nhìn cái ti vi vô nghĩa. Tôi không biết phải làm gì. Liệu tôi có nên nói với cha tôi rằng ông đang tan biến không? Nếu tôi không nói liệu ông có biết không? Tôi cảm thấy tôi nên làm một điều gì đó, nhưng tôi đã bắt đầu cảm thấy sự giận dữ trong giọng nói của ông. Sự giận dữ của ông thì không có gì lạ. Nhưng có thể đây là khởi đầu của một cơn thịnh nộ không thể kiểm soát được. Nếu ông biết ông đang tan biến, ông sẽ nghĩ rằng tôi không yêu thương ông. Ông sẽ trách cứ tôi. Ông sẽ tấn công tôi. Mặc dù già như thế, ông vẫn khỏe hơn tôi nhiều và ông có thể tấn tôi ra trò. Tôi cố ý nhìn chăm chăm vào tivi và cảm thấy ánh mắt của cha tôi nhìn tôi.

Tôi cố cảm thấy yêu thương cha tôi, tôi cố, cố hết sức.

Tôi thử nhớ lại tôi đã cảm thấy như thế nào về ông khi tôi còn bé, thời mà thỉnh thoảng ông vẫn dịu dàng với tôi.

Nhưng vô hiệu.

Bởi vì tôi chỉ có thể nhớ ông đã đánh tôi như thế nào, làm tôi đau như thế nào, khinh thường tôi và tàn nhẫn các bạn gái tôi như thế nào. Trong cơn hải hùng và cảm giác tội lỗi, tôi nhận ra tôi không hề yêu ông. Mặc dù vậy tôi vẫn nói: "Con yêu bố."

Mẹ tôi rời mắt khỏi đồng bài, ngẩng nhìn lên và bật kêu thảng thốt.

Tôi quay lại nhìn cha. Ông hầu như đã biến mất. Tôi có thể nhìn thấy lớp da của chiếc ghế xuyên qua bụng ông.

Tôi không rõ lời bày tỏ tình yêu thương thiếu thuyết phục của tôi hay tiếng kêu thảng thốt của mẹ khiến cha tôi cười vang. Không hiểu tại sao ông bắt đầu cười sáng sủa: "Các người ngốc lắm," ông hỗn hển, "ta ước gì các người có thể nhìn thấy cái vẻ ngờ nghệch của chính các người."

Và thế là ông biến mất.

Mẹ tôi nhìn sang tôi hốt hoảng, tay vẫn cầm một quân bài. "Con có yêu mẹ không?" bà hỏi. ■

LÂM VŨ THAO

(Dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Do you love me?* rút trong tập *Collected Stories*, Nhà xuất bản University Queensland Press, 2000).

HƠN mười năm qua, tôi luôn gặp rắc rối vì một con cá chép. Con cá được tặng khi tôi hãy còn là một sinh viên từ người bạn Nampachi Aoki (đã qua đời cách đây vài năm), như là dấu hiệu của lời cầu chúc may mắn vĩnh hằng của cậu ta. Cậu ta bảo tôi rằng cậu ta đã bắt con cá rất xa, tận cái ao ở quê gần nhà cậu ta.

Con chép khi ấy dài 0,35 mét và trắng tuyết.

Tôi đang phơi khăn tay trên lan can bên ngoài cửa sổ nhà trọ thì Aoki đến với một chiếc xô nhôm đựng con cá chép lớn che dưới mớ rong và tặng tôi con cá ấy. Để chứng tỏ lòng cảm kích của mình trước thiện chí cậu ta, tôi thể rằng tôi sẽ không bao giờ giết con chép trắng. Lòng phấn khởi, tôi tìm cây thước đo độ dài con cá và bàn bạc với cậu ta về việc sẽ nuôi con cá ở đâu.

Trong khu vườn phía sau nhà trọ, có một cái ao hình trái bầu. Mặt ao phủ đầy rác của cây cối và lá tre và tôi đã do dự khi thả con chép xuống nhưng sau một lát suy nghĩ tôi quyết định là chẳng có sự lựa chọn nào khác. Con chép biến mất dưới đáy ao và không ngoi lên trong nhiều tuần.

Mùa đông ấy, tôi chuyển đến ở nhà trọ riêng. Tôi muốn đưa con chép đi cùng song việc không có lưới đã khiến tôi từ bỏ ý định kia. Vì lý do đó, khi tiết đông phân qua, tôi quay lại nhà trọ tập thể để câu bắt con chép. Vào ngày đầu tiên, tôi câu được hai con cá dầy nhỏ, tôi đã đưa cho chủ nhà xem. Dường như ông ta không đặc biệt quan tâm đến việc câu cá nhưng lại ngạc nhiên trước việc có cá dầy ở trong cái ao hình quả bầu và hôm sau ông ta đã ngồi câu bên cạnh tôi.

Cuối cùng, vào ngày thứ tám, tôi đã câu được con cá chép tôi muốn, bằng một nhộng tằm. Con chép vẫn trắng như trước và chẳng gầy đi. Nhưng có những vật kí sinh trong suốt bám lên đầu vây nó. Tôi thận trọng gạt chúng ra, đổ đầy nước lạnh vào cái chậu kim loại rồi đặt con cá vào. Tôi che nó bằng một chiếc lá vò.

Nhà trọ của tôi, dĩ nhiên, là không có ao. Vì thế tôi đã tính đến chuyện giết con cá để khỏi bận tâm đến nó và nhiều lần tôi nhón tay cầm cái lá vò, ngần ngừ khi nhắc nó lên. Mỗi lần con cá đều đang há rồi ngậm miệng lại, thở nhẹ nhàng bình thường.

Tôi mang cái chậu đến nhà Aoki để hỏi ý về chuyện con cá.

"Tôi chắc bạn gái của cậu có cái ao lớn trong vườn, đúng không? Tôi phân vân không biết liệu cô ấy có thể chăm sóc con chép không?"

Không chút do dự, Aoki dẫn tôi đến bên bờ ao, nơi đang được tán cây sơn trà che phủ. Trước khi thả con chép xuống ao, tôi khẳng định rằng mặc dù tôi đang thả con chép xuống ao thuộc quyền sở hữu của người yêu của cậu ta thì con cá vẫn cứ là của tôi. Aoki nhìn tôi với vẻ không hài lòng, như thể nhận thấy những gì tôi nói chỉ cốt để làm vừa lòng cậu ta. Trước đây tôi đã hứa với cậu ta, rằng sẽ luôn nâng niu con cá.

Con chép lặn sâu xuống hồ cùng với nước trong chậu của tôi.

Vào mùa hè, sáu năm sau, Nampachi Aoki chết.

Mặc dù tôi thường xuyên viếng thăm cậu ta trên giường bệnh song tôi



phẩm nổi tiếng: *Vị thuyền trưởng được thờ từ xa* (The Captain Who Worshipped from Afar, 1950) và *Mưa đen* (Black Rain, 1965)...

IBUSE MASUJI (Nhật Bản)

# CON CÁ CHÉP

không nghĩ căn bệnh ấy nghiêm trọng. Trong sự thiếu hiểu biết của mình, tôi cảm thấy bức tức khi cậu ấy không đi dạo cùng tôi và tôi đã hút thuốc bên giường cậu.

Tôi quyết định sẽ mua một cây xương rồng ở Cung Formosan tại cuộc triển lãm được tổ chức năm đó và mang đến làm quà cho Aoki. Nhưng cậu ấy mất vào đúng ngày tôi mang

chậu hoa đến. Tôi đứng ngoài cổng và cứ bấm đi bấm lại chuông mãi cho đến khi mẹ cậu ấy xuất hiện, nhưng vừa nhìn thấy tôi, bà bật khóc nức nở và tôi không thể hỏi được điều gì. Rồi tôi nhìn các đôi giày trên hiên ngoài cửa, trong đó có đôi giày nữ xinh xắn bạn gái Aoki thường đi, vậy nên tôi đặt chậu xương rồng lên bờ tường rồi ra về.

Hai, ba ngày sau, lễ tang được cử

Minh họa của ĐÀO QUỐC HUY



hành, chậu hoa xương rồng tôi tặng được đặt trên quan tài bên cạnh chiếc mũ sinh viên màu nâu hình vuông cậu ấy thường đội. Tôi cảm nhận được sự thôi thúc mạnh mẽ trước việc mang con chép trắng từ cái ao ở chỗ cô bạn gái cậu ấy về nhà. Lần duy nhất cậu ấy tỏ vẻ bức mình với tôi là về chuyện con chép.

Tôi quyết định viết lá thư gửi bạn gái Aoki (tôi chép ra đây đây đủ để linh hồn Aoki không hiểu nhầm mục đích của tôi).

Thưa cô,

Cho phép tôi được bày tỏ lời chia buồn sâu sắc nhất về sự ra đi của cậu Nampachi Aoki. Tôi viết thư này xin cô cho tôi bắt lại con chép (màu trắng, trước đây dài 0,35 mét) thuộc về tôi mà cậu Aoki, thay mặt tôi, tin tưởng vào sự chăm sóc của cô đã thả nó xuống cái ao trong vườn nhà cô. Dịp này, tôi thành thật hàm ơn nếu chủ nhật tới, bất kể thời tiết thế nào, nếu cô cho phép tôi đến ở đó và nếu cô để ngõ cổng phía sau từ sáng sớm hôm ấy.

Chân thành cảm ơn cô...

Thư trả lời đến (Tôi chép đầy đủ bức thư ở đây, để linh hồn Aoki không hiểu nhầm mục đích của bạn gái).

Thưa ông,

Cám ơn lá thư của ông. Tôi nhận thấy có lẽ hơi bất ngờ khi ông đề nghị đến câu cá ngay sau lễ tang, nhưng bởi vì dường như ông xem con cá ấy cực kì giá trị nên tôi đồng ý với lời đề nghị của ông. Ông hẳn thứ lỗi cho tôi nếu tôi không đón ông hoặc thậm chí không ra chào ông nhưng xin đừng do dự trước việc đến câu cá.

Chúc ông nhanh đạt được ước nguyện...

Sáng sớm ngày chủ nhật, tôi lần vào nơi ở của người yêu sau cùng của Nampachi Aoki, mang theo hộp cơm trưa cùng với cần câu, mồi và chậu. Tôi hơi bồn chồn. Lễ ra tôi nên mang theo lá thư hồi âm phòng trường hợp ai đó nhìn thấy tôi.

Quả sơn trà chín mọng ngả sang màu vàng sẫm, tạo cảm giác ngon miệng. Thêm nữa, tôi nhận thấy rằng cây cối và các bụi cây bên bờ hồ được che phủ bởi tán lá đan cài dày đến mức che kín tôi trước mọi cái nhìn từ cửa sổ tầng trên lẫn từ sân thượng. Dùng cần câu hồng, tôi đập xuống một quả sơn trà. Thực tế, mãi đến lúc trời sắp tối khi tôi bắt được con chép, tôi đã chén hết một số lượng quả đáng kể.

Tôi thả con chép xuống bể của trường Đại học Waseda.

Mùa hè đến, sinh viên bắt đầu bơi trong bể. Hằng ngày, vào buổi chiều, tôi đến xem và ngạc nhiên khi ghé mắt nhìn qua lưới sắt quây xung quanh bể, trước kỹ năng bơi của chúng. Bây giờ tôi đã mất việc và vai trò của một khán giả đặc biệt phù hợp với tôi.

Khi hoàng hôn buông xuống, đám sinh viên rời bể nước, không mặc quần áo, nằm duỗi người dưới những cây sơn, hút thuốc và trò chuyện với nhau. Nhiều lần tôi thốt ra tiếng thở dài khi dán mắt vào chân tay khỏe mạnh của chúng và cả bầu không khí được tạo ra lúc chúng bơi.

Khi đám sinh viên thôi lao đầu xuống nước, mặt bể dường như tĩnh lặng hơn cả trước đó. Chẳng mấy chốc, nhiều chú chim sẽ bay lượn rập rờn và

(Xem tiếp trang 19)

V.S. NAIPAUL (Anh)

## B. WORDSWORTH

**B**A kẻ hành khất tìm đến đúng giờ mỗi ngày tại ngôi nhà giàu tình thân ái ở phố Miguel. Vào khoảng mười giờ một người Ấn Độ mặc áo jacket trắng và đóng khố đến, chúng tôi trút một bơ gạo vào cái túi ông ta khoác sau lưng. Vào lúc mười hai giờ, một bà lão hút tẩu đất sét đến và bà ta nhận được một cent. Vào lúc hai giờ, một người mù được một cậu bé dẫn đến xin một đồng penny.

Đôi lúc, chúng tôi gặp phải kẻ lừa đảo. Ngày nọ, một gã ghé vào và nói hấn đối bụng. Chúng tôi cho gã một bữa ăn. Gã đòi thuốc lá và không chịu đi cho đến khi chúng tôi châm thuốc cho gã. Cái gã ấy không hề trở lại lần nữa.

Người kì lạ nhất tìm đến vào khoảng bốn giờ của chiều nọ. Tôi vừa mới từ trường quay về và thay xong đồ ở nhà. Ông ấy nói với tôi, "Sonny, ta có thể vào trong sân vườn được chứ?"

Ông là người đàn ông nhỏ, ăn mặc gọn gàng. Ông đội mũ, vận sơ mi trắng và quần dài đen.

Tôi hỏi, "Ông muốn gì?"

Ông đáp, "Tôi muốn xem ong của cháu".

Chúng tôi có bốn cây cọ gru—gru nhỏ và chúng đầy trĩu những chú ong không mời mà đến.

Tôi chạy lên cầu thang và hét to, "Mẹ ơi, có một người bên ngoài. Ông ta nói muốn xem ong".

Mẹ tôi bước ra, nhìn người đàn ông và hỏi theo cách chẳng thân thiện, "Ông muốn gì?"

Người đàn ông đáp, "Tôi muốn xem ong của bà".

Tiếng Anh của ông ta rất lưu loát, nghe nó không được tự nhiên, và tôi có thể thấy mẹ đang lo lắng.

Mẹ bảo tôi, "ở lại đây và trông chừng trong lúc ông ấy xem ong".

Người đàn ông nói, "Cám ơn bà. Hôm nay bà đã làm một việc tốt".

Ông nói rất chậm và rất chính xác như thể mỗi từ đều đáng giá đồng tiền.

Chúng tôi ngắm nhìn ông, người đàn ông ấy và tôi, trong khoảng một giờ đồng hồ, ngồi xồm bên cạnh mấy cây cọ.

Người đàn ông nói, "Ta thích nhìn ong. Sonny, cháu có thích nhìn ong không?"

Tôi đáp, "Cháu không có thời gian".

Ông lắc đầu buồn bã. Ông nói, "Đấy là những gì ta thích, ta chỉ ngắm nhìn. Ta có thể nhìn kiến suốt nhiều ngày. Cháu đã bao giờ nhìn kiến chưa? Cả bộ cạp, rất và congoree — cháu đã ngắm chúng chưa?"

Tôi lắc đầu.

Tôi nói, "Thưa ngài, ngài làm nghề gì vậy?"

Ông đứng dậy và nói, "Ta là nhà thơ".

Tôi nói, "Một nhà thơ cơ chứ?"

Ông đáp, "Vĩ đại nhất thế giới".

"Tên ông là gì, thưa ông?"

"B. Wordsworth".

"B viết tắt của Bill?"

"Black. Black Wordsworth. White Wordsworth là anh ta. Bọn ta chia nhau một quả tim. Ta có thể ngắm một bông hoa giống như vầng hào quang buổi sớm và khóc".

Tôi nói, "Sao ông lại khóc?"

"Tại sao ư? Cậu bé? Tại sao ư? Cháu sẽ biết khi nào cháu lớn. Cháu cũng sẽ là nhà thơ, cháu biết điều đó mà. Rồi khi cháu thành nhà thơ cháu có thể khóc cho mọi thứ".

Tôi không thể nín cười.

Ông nói, "Cháu có yêu mẹ không?"

Ông rút một tờ giấy in chữ ra khỏi túi quần bên hông và nói, "Trên tờ giấy này là bài thơ vĩ đại nhất viết về mẹ, ta sẽ bán nó cho cháu với một giá rẻ. Bốn cent thôi".

Tôi vào nhà và nói, "Mẹ ơi, mẹ có muốn mua một bài thơ với giá bốn cent không?"

Mẹ tôi đáp, "Bảo cái gã phá quấy đó tự đi mà kéo đuôi mình ra khỏi sân nhà ta, con nghe rõ chưa".

Tôi nói với B. Wordsworth, "Mẹ cháu bảo là không có bốn cent".

B. Wordsworth nói, "Đấy là bi kịch của nhà thơ".

Rồi ông dứt tờ giấy vào lại trong túi. Ông dường



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI



Vidiadhar Surajprasad Naipaul sinh năm 1932 tại một thị trấn nhỏ ở Trinidad. Gia đình ông có gốc gác từ đẳng cấp Bà La Môn ở Ấn Độ. Năm 1950 nhận được học bổng của chính phủ Trinidad sang học đại học Oxford, từ đó ông định cư ở Anh. Naipaul được xem là một trong những cây bút hậu hiện đại cự phách, đoạt Nobel văn chương vào năm 2001. Tác phẩm của ông tập trung vào sự hỗn độn văn hóa trong các nước thuộc thế giới thứ ba. Cái nhìn của ông về cuộc đời là cái nhìn của người xa lạ, người đứng bên lề, nhưng lúc nào cũng ám áp tình người cũng như niềm tin vào lẽ thiện, vào cái đẹp vĩnh hằng của nghệ thuật. Là một người thông thái nhưng trong ông vẫn tiềm ẩn những bề tắc trước cuộc đời. Từng tự sát nhưng không thành, từng lập gia đình nhiều lần và từng nhận thất bại trên con đường sáng tác. Từ khoảng cuối những năm 1950, Naipaul bắt đầu cho in tác phẩm. Những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của ông: *Ngôi nhà cho ngài Biswas* (A house for Mr Biswas, 1961), *Khúc quanh của dòng sông* (A bend in the river, 1979)...

như chẳng hề bận tâm.

Tôi nói, "Đi bán thơ dạo như thế này vui thật. Chỉ có những người đi hát dạo mới làm những việc như thế. Có nhiều người mua không ông?"

Ông đáp, "Chẳng có ai mua đâu chỉ một bản thơ".

"Thế thì tại sao ông vẫn cứ đi bán?"

Ông nói, "Bằng cách này ta ngắm nhìn nhiều thứ và ta luôn hi vọng được gặp các nhà thơ".

Tôi nói, "Ông thực sự nghĩ cháu là nhà thơ à?"

"Cháu là nhà thơ tài ba như ta", ông nói.

Rồi khi B. Wordsworth đi khỏi, tôi cầu nguyện để được gặp ông lần nữa.

Khoảng một tuần sau, chiều nọ khi đang trên đường từ trường trở về nhà, tôi gặp ông ở góc phố Miguel.

Ông nói, "Ta đợi cháu đã lâu lắm rồi".

Tôi nói, "Ông bán được bài thơ nào chưa?"

Ông lắc đầu.

Ông nói, "Trong vườn nhà ta, ta có cây xoài đẹp nhất giống Port of Spain. Bây giờ những quả xoài đang chín, đỏ, rất ngọt và mọng nước. Ta đợi cháu ở đây để kể cho cháu biết điều đó và mời cháu đến nếm thử mấy quả xoài của ta".

Ông sống ở phố Alberto, trong một căn lều một gian, dựng lên chính giữa bãi đất. Khu vườn như thế tràn ngập màu xanh. Có một cây xoài lớn. Có một cây dừa và một cây mận. Nơi ấy trông hoang dã như thể nó chẳng nằm trong thành phố chút nào. Bọn chẳng thể nào nhìn thấy tất cả những ngôi nhà lớn trên đường phố.

Ông nói đúng. Quả xoài ngọt và mọng nước. Tôi ăn khoảng sáu quả, nước xoài màu vàng chảy xuống từ cánh tay đến khuỷu tay và chảy từ miệng xuống cằm, áo sơ mi tôi bị vấy bẩn.

Mẹ nói khi tôi về đến nhà, "Mày đi đâu vậy? Mày tưởng bây giờ mày đã thành người lớn và muốn đi đâu thì đi hả? Đi cắt một cây roi đem về đây".

Bà đánh tôi khá nặng rồi tôi chạy ra khỏi nhà, thế rằng sẽ không trở về nữa. Tôi đến nhà B. Wordsworth. Tôi rất tức giận, mũi tôi đang chảy máu.

B. Wordsworth nói, "Đừng khóc nữa rồi chúng ta sẽ đi dạo một lát".

Tôi thôi khóc nhưng vẫn còn nấc. Chúng tôi đi dạo. Chúng tôi xuôi đại lộ St. Clair xuống Savanrah rồi đến trường đua ngựa.

B. Wordsworth nói, "Bây giờ, ta hãy ngồi xuống cỏ và nhìn lên bầu trời, ta muốn cháu đoán xem những ngôi sao kia cách chúng ta bao xa?"

Tôi làm theo lời ông bảo và tôi thấy những gì ông muốn nói. Tôi cảm nhận như thể hư vô rồi trong cùng lúc tôi cảm thấy trong đời chẳng có gì là quá lớn và quá vĩ đại. Tôi quên bẵng đi cơn giận, nước mắt lẫn mọi dòn roi.

Khi tôi bảo mình đã khá hơn, ông bắt đầu nói cho tôi tên của các vì sao và tôi đặc biệt nhớ chòm sao Orion — Thợ săn mặc dù tôi thực sự không biết tại sao. Thậm chí ngày nay tôi có thể chỉ ra chòm sao Orion nhưng tôi đã quên hết mọi thứ khác.

Lát sau, ánh đèn rơi vào mặt chúng tôi và chúng tôi nhìn thấy một viên cảnh sát. Chúng tôi rời thảm cỏ đúng đây.

Viên cảnh sát nói, "Các anh đang làm gì ở đây?"

B. Wordsworth nói, "Tôi đã luôn tự hỏi mình câu hỏi ấy suốt bốn mươi năm nay".

Chúng tôi trở thành bạn bè, B. Wordsworth và tôi. Ông bảo tôi, "Cháu phải không bao giờ nói cho bất kì ai về ta, về cây xoài, về cây dừa và cây mận. Cháu phải giữ điều ấy thật bí mật. Nếu cháu nói với bất kì ai, ta sẽ biết bởi ta là nhà thơ".

Tôi hứa với ông và giữ lời hứa.

Tôi thích căn phòng nhỏ của ông. Nó không có nhiều đồ đạc hơn căn phòng phía trước của George nhưng trông nó gọn gàng và ấm cúng hơn. Nhưng trông nó cũng cô đơn.

Ngày nọ tôi hỏi ông, "Ông Wordsworth, tại sao ông giữ tất cả bụi cây này trong sân vườn ông? Nó không làm cho chỗ này ảm thấp à?"

Ông nói, "Cháu nghe này, ta sẽ kể cho cháu nghe một câu chuyện. Ngày xưa ngày xưa một chàng trai và một cô gái gặp nhau rồi yêu nhau. Họ yêu nhau đến mức đã cưới nhau. Họ đều là nhà thơ. Chàng yêu ngôn từ. Nàng yêu cỏ, hoa và cây cối. Họ sống hạnh

(Xem tiếp trang 19)



Minh họa của HOÀNG PHƯƠNG VỸ

1. **M**ỘT đêm nọ ngồi bên bàn của mình đầu tựa hai tay y thấy mình đứng dậy và ra đi. Một đêm nọ hoặc một ngày nọ. Vì ánh sáng của y đã tắt y không ngồi lại trong bóng đêm nữa. Lúc đó có một cái gì giống như ánh sáng chiếu đến y từ cánh cửa sổ duy nhất ở trên cao. Dưới cánh cửa sổ này chiếc ghế đầu y không thể ngồi hay không muốn ngồi trên đó nữa y trèo lên trên nó nhìn bầu trời. Y không nghiêng nhìn ra ngoài để xem phía dưới như thế nào có lẽ vì cửa sổ không thể mở được hoặc vì y không thể hoặc vì y không muốn mở nó ra. Có lẽ chỉ vì y biết quá rõ ở dưới đó như thế nào và không còn muốn nhìn xuống đó nữa. Vậy cho nên y chỉ đơn giản là đang ở yên đó cách xa nền đất để nhìn qua tấm cửa kính mù mịt một bầu trời trong veo. Ánh sáng yếu ớt kỳ lạ không đổi trong hồi tưởng của y về những ngày đêm thuở xa xưa khi bóng đêm đến rất đúng giờ để nhốt tung ngày và ngày đến rất đúng giờ để nhốt tung đêm. Kể từ khi ánh sáng của y tắt lịm thì cái ánh sáng chiếu đến y từ bên ngoài là ánh sáng duy nhất của y cho đến khi chính nó cũng tắt, để lại y trong bóng đen. Đến khi bóng đen đến lượt mình cũng tắt.

Như thế một đêm hay một ngày nọ ngồi bên bàn của mình đầu tựa hai tay y thấy mình đứng dậy và ra đi. Trước tiên là đứng dậy không còn gắn chặt vào bàn nữa. Rồi ngồi xuống lại. Rồi đứng lên lại lần nữa, gắn chặt vào bàn lần nữa. Rồi ra đi. Bắt đầu ra đi. Bắt đầu ra đi, không thấy được đôi chân. Bước đi chậm

SAMUEL BECKETT (Ireland)

# ĐỘNG KINH

đến nỗi chỉ cảm nhận được vị trí thay đổi mà thôi. Vì ngay khi y biến mất là lúc y hiện ra sau đó lần nữa ở một vị trí mới. Rồi ngay khi biến mất lần nữa là lúc hiện ra sau đó lần nữa ở một vị trí mới lần nữa. Cứ vậy cứ biến mất ngay khi hiện ra sau đó lần nữa ở một vị trí mới lần nữa. Vị trí mới ở ngay bên trong nơi y ngồi bên bàn của mình đầu tựa hai tay. Cũng là nơi đó và chiếc bàn đó khi Darly chết và rời bỏ y. Cũng là nơi đó và chiếc bàn đó khi những người khác đến lượt mình trước đó



đã đi vào khuôn sáo để hình thành nên một kiểu ngôn ngữ mới phù hợp với kỉ nguyên hậu hiện đại. Năm 1969 ông được trao tặng giải Nobel văn chương. Beckett mất ngày 22 tháng 12 năm 1989.

và sau đó. Cũng là nơi đó và chiếc bàn đó đó khi cuối cùng rồi cũng đến lượt y. Mỗi lần y biến mất đầu tựa hai tay nửa ước mong nửa nghi hoặc sợ mình không hiện ra lần nữa. Hay chỉ đơn giản là đang tự vấn về điều đó. Hay chỉ đơn giản là đang chờ. Chờ xem có hay không. Xem có hay không một lần nữa đơn độc một lần nữa không chờ cái gì cả.

Luôn nhìn y từ phía sau lúc y đi. Cũng nón đó cũng áo khoác đó của thời lang thang. Trong nội địa. Giờ

đây như một kẻ nào đấy trong một nơi vô định đang tìm lối ra. Trong màn đêm. Mò mẫm trong màn đêm của ngày hay của đêm ở một nơi vô định đang tìm lối ra. Tìm một lối ra nào đó. Về lại thời lang thang xa xưa. Trong nội địa.

Một chiếc đồng hồ từ xa đổ chuông mỗi giờ và mỗi nửa giờ. Giống như khoảng thời gian khi cùng với những người khác Darly chết và rời bỏ y. Những tiếng chuông đôi khi đánh rõ như được gió vùn vụt mang đi, đôi khi vỗ vùn như vừa qua khoảng trời bình lặng. Những tiếng hét đôi khi đánh rõ đôi khi vỗ vùn. Khi tiếng chuông báo giờ đổ đầu tựa hai tay nửa ước mong nửa nghi hoặc có phải tiếng chuông báo nửa giờ sẽ không bao giờ đổ nữa. Cũng vậy khi tiếng chuông báo nửa giờ đổ. Cũng vậy khi những tiếng hét tạm ngưng trong khoảnh khắc. Hay chỉ đơn giản là đang tự vấn về điều đó. Hay chỉ đơn giản là đang chờ. Chờ nghe.

Lúc đó y thỉnh thoảng ngẩng đầu lên vừa đủ để nhìn đôi bàn tay mình. Xem cái gì đáng xem ở đó. Một tay nằm trên bàn và tay kia nằm trên tay đó. Nghỉ ngơi sau tất cả những gì chúng đã làm. Cái đầu vừa chết ngược nhìn đôi tay vừa chết. Rồi cũng ngả đầu lên trên đó để nghỉ ngơi. Sau tất cả những gì nó đã làm.

Chính cái nơi mà mỗi ngày y bỏ đi lang thang. Trong nội địa. Chính nơi mỗi đêm y trở về đi trăm bước chân trong bóng tối bóng tối cũng là kẻ bộ hành trong đêm. Giờ đây nơi ấy như xa lạ với kẻ đứng dậy và ra đi. Biến mất và hiện ra lần nữa ở một vị trí mới. Lại biến mất và lại hiện ra ở một vị trí mới nữa. Hay ở cùng một vị trí. Không biểu hiện nào cho thấy là không phải cùng một vị trí. Không bức tường định hướng. Không chiếc bàn định hướng. Cùng một nơi mà khi bước cả trăm bước mọi vị trí chỉ là một. Hay trong một nơi khác. Không biểu hiện nào cho thấy là không phải một nơi khác. Nơi không bao giờ. Đứng dậy và ra đi trong cùng một nơi như mọi khi. Biến mất và hiện ra lại trong một nơi không bao giờ khác. Không biểu hiện nào cho thấy là không phải một nơi không bao giờ khác. Chỉ độc những tiếng chuông. Những tiếng hét. Giống hết như mọi khi.

Rồi hàng loạt những tiếng đổ chuông và những tiếng hét mà y vẫn không xuất hiện lại đến độ chắc là y sẽ không xuất hiện nữa. Rồi đã có hàng loạt tiếng hét kể từ những tiếng đổ chuông cuối cùng đến độ chắc không còn tiếng đổ chuông nào nữa. Rồi một sự im lặng cũng dài như vậy kể từ những

Samuel Beckett sinh ngày, 13 tháng 4 năm 1906, gần Dublin, Ireland. Sinh trưởng trong một gia đình bậc trung nhưng Beckett sớm gặp nhiều điều phiến toái vì phải xa nhà vào năm mười bốn tuổi để đi học. Ông luôn mang tâm trạng cô đơn trong suốt cuộc đời. Năm 1928 Beckett đến Paris kết bạn với James Joyce. Beckett làm thơ, viết tiểu thuyết, truyện ngắn, nhưng nổi tiếng hơn cả là kịch Phi lí. Kịch của ông ra mắt khán giả vào những năm 1950. Được xem là người cách tân kịch vĩ đại nhất thế kỉ hai mươi. vở kịch nổi tiếng nhất của ông là *Đợi Godot* (Waiting for Godot, 1953). Tác phẩm âm vang sự phi lí, vô nghĩa, phù du, bơ vơ... của kiếp người. Nhà văn có biệt tài phá phá ngôn ngữ thường nhật

tiếng hét cuối cùng đến độ ngay cả những tiếng hét chắc cũng chẳng còn tiếng hét nào nữa. Kết thúc chắc là như vậy. Hay có lẽ không có gì ngoài bình lặng. Rồi tất cả lại vẫn như cũ. Những tiếng đổ chuông và tiếng hét như trước kia và y cũng như trước kia đôi khi ở đó đôi khi ra đi đôi khi ở đó lần nữa đôi khi ra đi lần nữa. Rồi bình lặng lần nữa. Rồi tất cả lại vẫn như cũ lần nữa. Cứ như vậy và cứ như vậy. Và kiên nhẫn trong khi chờ một kết thúc thật sự duy nhất của những giờ và của những đau khổ và của bản thân và của kẻ khác tức là của y.

2.

Như một kẻ tỉnh táo nào đấy cuối cùng cũng ra ngoài một lần nữa không biết bằng cách nào y chỉ vừa ở đó một chút thì tự hỏi ngay liệu đầu óc y có còn tỉnh táo không. Vì đối với kẻ nào đã không còn tỉnh táo liệu có lý không khi nói rằng y đang tự hỏi mình có đang tỉnh táo hay không và liệu có lý không khi nói thêm rằng kẻ đang rối loạn tâm thần lại cất công đã tròng lao vào vấn đề hóc búa này với tất cả chút lý trí còn sót lại nơi y? Vậy đó cho nên trong cái mơ hồ của một bản thể ít nhiều còn chút suy nghĩ y cuối cùng cũng đã ra ngoài mà không biết thế giới bên ngoài là như thế nào và không ở đó lâu hơn sáu hay bảy giờ để rồi lại tự hỏi liệu mình có đang tỉnh táo hay không. Cũng vẫn chiếc đồng hồ không ngừng phát ra những tiếng đổ chuông báo giờ và báo nửa giờ khi y còn giam mình trong phòng và như vậy trước hết trong một nghĩa nào đó là để làm y an tâm và chung cục lại là làm y bất an vì vào lúc này chúng ít đánh rõ hơn so với khi chúng bị yếu đi theo nguyên tắc vì bốn bức tường của y. Rồi y tìm kiếm một nguồn động viên bằng cách nghĩ về một người vợ đã đi về phía mặt trời lặn lúc chiều tà để được nhìn sao Kim rõ hơn nhưng không thấy nguồn động viên nào hết. Cuối cùng cũng có một âm thanh khác để khuấy động nỗi cô đơn của y đó là âm thanh của những tiếng hét trong khi không chịu đựng nỗi buồn y ngồi yên ở bàn đầu dựa hai tay không có gì thay đổi. Từ nguồn phát ra chúng nguồn phát ra những tiếng chuông và những tiếng hét cũng không có gì thay đổi vì bên ngoài cũng khó phân định được hết như những gì vốn là vậy ở bên trong. Cất công đã tròng giải quyết tất cả những điều đó với tất cả chút lý trí còn sót lại nơi y y tìm kiếm một nguồn động viên bằng cách nghĩ rằng cái ký ức của y về bên trong chắc hẳn là không hoàn hảo và y không tìm thấy nguồn động viên nào hết. Thêm vào cái rối bời của y là bước chân y im lặng như thể vừa đi chân

*Câu chuyện được viết trong cơn động kinh. Cái nhìn phân đôi, phân ba giữa tỉnh và mê và mơ. Nỗi cô đơn bản thể đắm chìm hiện sinh vốn thường trực trên những trang viết của Beckett được thể hiện rõ ở truyện này. Bằng trí tượng tưởng kì lạ, nhà văn đưa ta vào cơn choáng váng trần thế, cõi hoang mang của kiếp phù sinh, mà nếu cố đến mấy con người cũng đâu dễ vượt qua. Con người được đặt liên kết với nhiều dạng thức sống mà mục đích cuối cùng của nhà văn là giúp người đọc gọi tên được bản thể của cá thể và cả sự sống cộng đồng.*

LÊ HUY BẮC

không y vừa đo đạc cái trần nhà của y. Vậy là thính giác càng ngày càng điếc đặc cho đến khi nếu không phải không nghe được nữa thì là không lắng nghe được nữa và bắt đầu nhìn xung quanh y. Kết quả là cuối cùng y ở trong một bãi cỏ chỉ ít là cũng tốt hơn để giải thích cái bước chân im lặng của y để rồi lát sau đó như là để chuẩn bị tăng thêm cái phiền não của y lên bội phần. Vì y không nhớ bất cứ bãi cỏ nào mặc dù trí nhớ của y vượt qua mọi giới hạn nhưng rất dễ nhận ra luôn có ở đâu đó một điểm cuối nào đó chẳng hạn như một bức tường hay một kiểu cột mốc nào đó không bao giờ vượt qua được. Tình hình còn tệ hơn khi nhìn gần bãi cỏ bởi nó không như những gì người ta thường hay nhớ tới chẳng hạn như là một mảng xanh hay những con thú đang gặm cỏ mà lại là một bãi cỏ dài và xám xịt rồi xuất hiện từng mảng từng mảng trắng. Rồi y tìm một nguồn động viên bằng cách nghĩ rằng cái ký ức của y về bên ngoài chắc hẳn là không hoàn hảo và y không tìm thấy nguồn động viên nào hết. Vậy là cả hai mắt càng ngày càng mờ cho đến khi nếu không phải không thấy được nữa thì là không nhìn được xung quanh y nữa hay gần hơn cũng không và bắt đầu suy nghĩ. Ở điểm cuối này vì thiếu một viên đá để ngồi theo kiểu của Walther và bắt

tréo chân y thấy không thoải mái hơn mấy so với việc đứng yên ở đó sau một thoáng ngáp ngừng y đã làm như vậy và tất nhiên là nghiêng đầu xuống nhìn hình ảnh của một ai đó bị rách nát trong những ý nghĩ của y y cũng đã làm như vậy sau một thoáng ngáp ngừng. Nhưng rồi y nhanh chóng mệt mỏi khi khám phá những đồng hoang tàn này y lại bước đi qua những bãi cỏ dài nhợt nhạt vẫn không biết mình đang ở đâu và làm thế nào để trở về lại cái nơi đó cái nơi từ đó y đã ra đi. Cứ đi như vậy hoàn toàn mù tịt và không nhận ra bất cứ điểm cuối cùng nào. Hoàn toàn mù tịt và hơn nữa đang hoàn toàn không muốn biết thật ra là bất cứ kiểu gì cũng hoàn toàn không muốn biết và hệ quả là không hề hối tiếc ngoại trừ một điều là y chắc đã từng vô cùng mong những tiếng chuông và tiếng hét ngừng lại và hối tiếc vì việc đó đã không xảy ra. Những tiếng chuông khi thì vỡ vụn khi thì đánh rõ như được gió vùn vụt mang đi nhưng không hề có một ngọn gió nào và những tiếng hét đôi khi đánh rõ đôi khi vỡ vụn.

3.

Cứ đi như vậy trước khi đứng sững lại lần nữa khi bỗng vang lên ngay bên tai y từ trong sâu thẳm của y ồ chắc là như thế và ở ngay đây một từ xa thẳm rằng phải kết thúc ở nơi đó nơi chưa bao giờ trước

đó. Rồi một sự im lặng dài lâu dài lâu ngắn ngắn hay quá dài đến độ có lẽ không còn gì nữa và rồi một lần nữa từ trong sâu thẳm của y một lời thì thầm nặng nhọc ồ chắc là như thế và ở ngay đây lời xa thẳm rằng phải kết thúc ở nơi đó nơi chưa bao giờ trước đó. Dù sao đi nữa dù nó có thể là gì đi nữa để kết thúc và cứ như thế chẳng phải y đã ở đó rồi ở chính cái nơi y đứng yên tại chỗ và gặp lại làm đôi và không ngừng vang lên bên tai y từ trong sâu thẳm của y một lời thì thầm ồ chắc là như thế làm sao được và cứ tiếp tục như vậy nếu y nhìn đúng thì chẳng phải y đã ở nơi đó nơi chưa bao giờ trước đó rồi hay sao? Vì ngay cả một kẻ như y khi một lần kia thấy mình đang ở một nơi như vậy làm sao y có thể không run rẩy khi nhận thấy mình lại ở đó khi đó là điều y không hề làm và khi nhận thấy mình run rẩy tìm kiếm một nguồn động viên nào đó khi nghĩ rằng tạm gọi như vậy rằng vì đã từng tìm ra cách thoát ra khỏi đó do đó y có thể tìm lại được cách thoát ra khỏi đó lần nữa đó là điều mà y cũng chẳng hề làm? Vì vậy lúc này đây ở đó nơi chưa bao giờ trước đó và một nơi nào đó mà đôi mắt trở đôi mắt không hiểm nguy cũng không hy vọng của y tìm kiếm vì có thể không bao giờ thoát ra được khỏi đó. Do đó y cứ phải lăm lăm tiến tới trước đôi khi theo hướng này đôi khi theo hướng khác hoặc ngược lại là không được di chuyển nữa theo giả thuyết nghĩa là theo cái từ xa thẳm này cái từ mà nếu nó có vẻ không tốt chẳng hạn như bất hạnh hay tệ hại thì rõ ràng là bất chấp tất cả chính là đang nói về kẻ này và trong trường hợp ngược lại thì rõ ràng là đang nói về kẻ khác nghĩa là không được di chuyển nữa. Cứ như vậy và cái thứ tiếng réo gào trong tâm hồn y có thể gọi như vậy nhân lên gấp bội cho tới tận khi không còn gì từ sâu thẳm y ngoài tiếng ồ kết thúc nặng nhọc nặng nhọc đứt quãng. Có sao cũng chẳng làm sao, ở đâu, đâu cũng là đâu đó. Thời gian và đau khổ và bản thể có thể gọi như vậy. Ồ tất cả kết thúc.■

NGUYỄN VŨ HƯNG

(Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp.  
Rút từ SAMUEL BECKETT,  
Soubresauts, Le éditions de Minuit,  
1989).



J.M.G. LE CLÉZIO (Pháp)

# GUỒNG NƯỚC

**T**RÊN sông, mặt trời vẫn còn chưa lên. Qua cánh cửa nhỏ chật chội, Juba nhìn mặt nước phẳng lặng lấp lánh, xa bên kia cánh đồng mở tối. Nó thay đổi ngủ ngay trên giường, vùng ra khỏi chiếc chăn ấm áp. Gió lạnh lúc mờ sáng làm nó run lấy bầy. Trong ngôi nhà tối, những hình hài đang cuộn tròn trong chăn, những người khác còn đang say giấc. Juba thấy cha nó nằm đối diện cánh cửa, thấy anh nó và ở bên trong cùng là mẹ và hai chị của nó đang ôm chặt nhau dưới lớp chăn dày. Một tiếng chó sủa dài từ nơi nào vắng đến nghe thật lạ giống như đang hát rồi chợt im bặt. Nhưng chưa có nhiều tiếng động trên mặt đất cũng như trên dòng sông vì mặt trời vẫn còn chưa ló dạng. Đêm tối hủ và dày đặc, đêm khoác trên mình hơi lạnh của núi và sa mạc, và ánh sáng dài dại của trăng.

Juba run lấy bầy nằm yên trên giường ngắm nhìn đêm. Qua rèm cửa bằng sậy, hơi lạnh của đất bốc lên, và những giọt sương đọng trên từng hạt bụi. Bên ngoài, những nhánh cỏ thỉnh thoảng lại ánh lên một chút, như những lưỡi dao sắc lạnh ẩm ướt. Bóng những cây keo tán rộng và gầy guộc đứng bất động trên nền đất rạn nứt.

Juba nhẹ nhàng đứng dậy. Nó gấp chăn lại và cuộn tằm rèm lên, rồi nó đi vào con đường mòn xuyên qua những cánh đồng khô hạn. Nó nhìn phía trời đông, đoán là trời sắp sáng. Từ trong sâu thẳm, nó cảm nhận rõ ràng những tia sáng đang đến và đất cũng biết điều đó. Đất nằm yên dưới những cánh đồng và đất bụi bặm giữa những lùm gai và những thân cây keo. Đường như một nỗi lo lắng, hồ nghi nào đó đang xuyên qua bầu trời, lướt trên con nước rù rì của dòng sông và tràn cả lên tấm bề mặt đất. Mạng nhện rung rung, hoa cỏ rung rung, lũ ruồi vo ve trên những bãi lầy, nhưng bầu trời thì trống hoảnh, vì lúc đó lũ dơi đã thôi lượn lơ còn lũ chim thì chưa thức dậy. Dưới chân Juba, con đường cứng như đất nện. Từ xa những rục rịch nho nhỏ bắt đầu cùng với nó, và lũ châu chấu lớn bắt đầu nhảy từ cọng cỏ này sang cọng cỏ khác. Chấm chậm chấm chậm, Juba càng ngày càng đi xa ngôi nhà, trong khi trời đang sáng dần bên kia sông. Giữa dòng sông sương mù hạ xuống, chấm chậm như khi hạ màn, để lộ những mảng trắng đục.

Juba dừng lại bên đường. Nó thẳng nhìn dòng sông: hai bên bờ cát, lau sậy đầm sương nghiêng ngả. Một khúc gỗ đen tuyền thật lớn đang trôi giữa dòng, những tán nhỏ ngụp lặn như đầu một con rắn đang bơi. Trời vẫn còn tối trên mặt sông, dòng nước nặng nề và sền sệt, từng gợn từng gợn chậm chậm trôi đi. Nhưng bên kia sông mặt đất cần cỗi đã hiện ra. Bụi dày đặc theo bước Juba, đất đỏ rạn nứt như da một lão già, từng đường từng đường dích dắc, giống như những vết nứt tự cổ xưa.

Đêm hè mở dần bầu trời và mặt đất. Juba băng qua những cánh đồng khô hạn, giờ nó đã đi xa tít khỏi ngôi nhà nông dân cuối cùng, nó không còn nhìn thấy dòng sông nữa. Nó nặng nhọc leo lên một quả đồi đá khô cằn đầy đỏ nhú lên vài cây keo. Juba lượn lắt trên mặt đất mấy bóng hoa keo để vừa nhai vừa leo lên đồi. Vị chát chát của lá tràn trong miệng nó và xua tan cơn ngái ngủ. Bên sườn đồi bên kia lũ bò đang đứng đợi. Khi Juba đến gần chúng, những con vật to tẻ giảm giảm chân nghiêng qua nghiêng lại, rồi một con quay đầu lại ọm bò.

"Titt! Outta, outta!" Juba gọi và lũ bò nhận ra nó. Vừa tặc lưỡi, Juba vừa đỡ xích và dẫn bò lên đỉnh dốc đá. Hai con bò leo lên nặng nhọc, nghiêng ngả, vì dây xích đã làm hai chân sau tê cứng. Hơi thở hồng hộc qua hai lỗ mũi.

Đến chỗ guồng xoay, lũ bò đứng lại. Chúng vừa thở vừa bước lùi vài bước, chúng ậm ừ trong cổ họng, móng gỗ gõ trên nền đất làm văng vẩy mấy hòn sỏi nhỏ. Juba cột bò vào đầu thanh gỗ. Vừa đeo ách lên cổ bò, Juba vừa đánh lưỡi liên tục vào vòm miệng. Lũ ruồi trâu bắt đầu bu quanh mắt và mũi bò, còn Juba thì đuổi lia lịa những con đang đậu trên tay và mặt nó.

Hai con vật đứng chờ bên bờ giếng, bánh gỗ nặng nề kêu rầm rầm và cọt kẹt khi lũ bò bước về phía trước. Juba giật sợi thừng nối vào ách, rồi guồng bánh bắt đầu rục rịch, giống như con tàu bắt đầu nhổ neo. Hai con bò nâu nhấc bước nặng nề trên đường đi hình vòng cung. Chúng bước đứng vào những vết chân cũ đã đi, khoắm sâu thêm từng lỗ một trên nền đất đỏ, giữa đám sỏi nhỏ. Ở đầu kia của phiến gỗ, một bánh xe lớn bằng gỗ quay theo bước chân của lũ bò, trục của nó làm xoay một hệ thống bánh truyền làm xoay một bánh xe lớn khác theo

phương thẳng đứng. Sợi dây đai dài bằng da thuộc hạ cái gầu nước xuống đáy giếng sâu.

Juba tặc lưỡi liên tục để kích động lũ bò. Nó còn nói chuyện với chúng nữa, giọng rất nhỏ và nhẹ nhàng, vì đêm vẫn còn bao phủ những cánh đồng và dòng sông. Cả guồng nước bằng gỗ nặng nề kêu kót kót và rầm rầm, thỉnh thoảng rít rít rồi lại trơn tru. Lũ bò thỉnh thoảng dừng lại, và Juba phải chạy ra sau, quất roi vào mông chúng, giật giật sợi dây thừng. Lũ bò bước tiếp, đầu cúi gằm, vừa đi vừa thở.

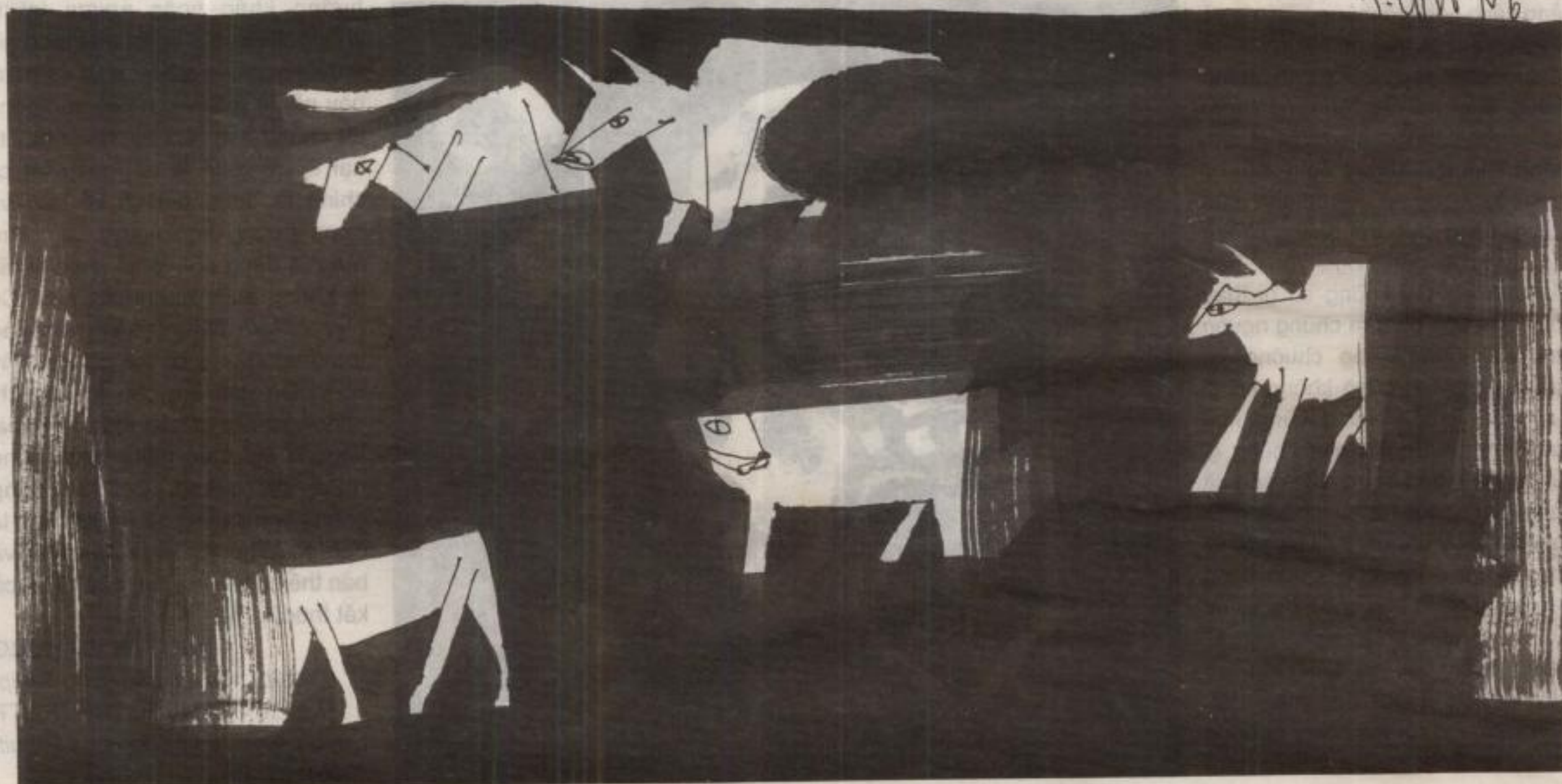
Rồi mặt trời lên, một tia sáng xuyên qua cánh đồng. Đất đỏ bị cắt theo từng rãnh, để lộ ra từng khối đất sét khô và những viên sỏi nhọn lấp lánh. Trên sông, ở bên kia những cánh đồng, sương mù bị xé toạc, mặt nước sáng rực lên.

Một cánh chim vút ra từ đám lau sậy bên sông, tung mình vào bầu trời sáng tỏ hét lên một tiếng sắc lạnh. Đó là lũ cu đất, loài công của sa mạc, và tiếng hét sắc lẹm làm Juba giật thót. Đứng trên thành giếng, nó nhìn theo cánh chim nọ một thoáng. Lũ chim bay cao vào trong bầu trời thẳm, ngang qua đĩa mặt trời, rồi lại đâm bổ xuống mặt đất, biến mất trong đám cỏ ven sông. Xa thật xa, bên kia cánh đồng, những người phụ nữ đang ra khỏi nhà. Họ nhóm lửa lò than, ánh sáng mặt trời còn quá yếu ớt không thể làm mờ ánh than hồng đang cháy. Juba nghe tiếng lũ trẻ, giọng người nói năng. Ai đó, từ góc nào đó, cất tiếng gọi và tiếng gọi vút cao còn vang vang thật lâu trong không khí:

"Ju-uuu-baa!"

Bây giờ lũ bò đã đi nhanh hơn. Mặt trời làm nóng cơ thể chúng và làm chúng khoẻ thêm. Guồng nước rín rít và cọt kẹt, mỗi bánh răng kêu rầm rầm khi chạy lên bánh khác, sợi đai da bị gầu nước nặng đáy kéo căng cứ run lên từng hồi. Gầu nước chạy lên tới bên thành giếng, đổ vào máng tôn, rồi lại hạ xuống, thỉnh thoảng lại chạm vào thành giếng. Juba nhìn nước chảy từng đợt dọc theo máng tôn, ị ầm đổ vào mương, chảy đều đặn về những cánh đồng đất đỏ. Nước tuôn đi từng ngụm từng ngụm và đất khô ứng ực thêm thuồng. Đáy cánh đồng bắt đầu mềm nhão và nước cứ từ từ lan rộng, từng mét một. Juba ngồi trên tảng đá bên thành giếng nhìn chăm chăm dòng nước. Kể đó, guồng nước bằng gỗ xoay chậm chậm, kót kẹt, và tiếng rì rầm không ngớt

Minh họa của THÀNH CHƯƠNG



của sợi dây đai bay vào không khí, từng gấu nước lần lượt đánh vào máng tôn, nước tuôn chảy rì rào. Thứ âm nhạc chậm rãi và kọt kẹt đó giống như giọng người, nó lấp đầy bầu trời trống hoảnh và những cánh đồng. Nó là thứ âm nhạc mà Juba nghe đi nghe lại mỗi ngày. Mặt trời chậm chậm lên cao trên đường chân trời, ánh sáng ban ngày run rẩy trên các phiến đá, trên từng cọng cỏ, trên mặt nước đang chảy trong đường mương. Người ta đang đi lại ở đằng xa, trên những bờ ruộng, như những bóng đen trên nền trời nhàn nhạt. Không khí nóng dần lên, những tảng đá như căng phồng, đất đỏ rừng rực như da người. Những tiếng la, ở góc này góc khác, tiếng người gọi nhau í ới và tiếng chó sủa, tất cả nổi đuổi nhau vang vọng vào giữa bầu trời, trong khi bánh xe của guồng nước vẫn xoay và kọt kẹt. Juba không trông lũ bò nữa. Nó quay lưng lại nhưng vẫn nghe tiếng hơi thở cọ xát trong cổ họng chúng, tiếng thở khi gần khi xa. Lũ bò giậm đi giậm lại lên cùng một vài hòn sỏi, đi đúng theo một đường cánh cung duy nhất, dẫm vào mãi những dấu chân có sẵn.

Lúc đó Juba lấy một tấm khăn trắng trùm đầu và không di chuyển nữa. Có lẽ nó đang nhìn về phía xa lắm, bên kia những cánh đồng đất đỏ, bên kia dòng sông đang lấp lánh ánh kim. Nó không nghe tiếng bánh xe xoay vòng, nó không nghe tiếng phiến gỗ nặng nề quay quanh trục.

"Ê-ô!"

Rồi nó hát thầm trong cổ họng, cũng chậm chậm, đôi mắt nhắm lại.

"Êê-ôôô, ôô-ôô!"

Mặt và hai tay trùm kín trong khăn trắng, nó ngồi im hát trong khi bánh xe xoay vòng. Nó mấp máy môi, và tiếng hát buông dài từ trong cổ họng, như hơi thở của lũ bò, như tiếng rên rên không ngớt của sợi đai da.

"Ê-ô, ê-ya-ô!"

Hơi thở của lũ bò xa xa gần gần và xoay không ngừng theo đường cánh cung. Juba hát cho chính mình, và không ai khác nghe được, trong khi nước chảy từng ngụm từng ngụm dọc theo mương. Mưa, gió và con nước nặng nề của dòng sông lớn đổ về biển cả, tất cả đều trong cổ họng nó, trong thân hình bất động của nó. Mặt trời thông thả lên cao, cái nóng làm bánh xe và phiến gỗ run rẩy. Có lẽ cũng chính chuyển động này của bánh xe và phiến gỗ đang đẩy ngôi sao nọ vào giữa bầu trời, trong khi lũ bò vẫn đều đều cất bước nặng nề theo đường cánh cung.

"Êya-ô, êya-ô, ô-ô-ô-ô!"

Juba nghe tiếng hát vút lên qua thân thể, tràn qua tim phổi, tiếng hát đến từ đáy giếng sâu. Nước chảy từng đợt, nhuộm màu của đất, nước chảy vào những cánh đồng tràn trề. Nước cũng xoay xoay, chậm chậm, vòng tròn của sông, vòng tròn của những bức tường, vòng tròn của mây cũng xoay xoay quanh một trục nào không rõ. Nước chảy rã rã, nước chảy kọt kẹt, nước chảy tuôn, theo mạch ngầm về đáy giếng sâu để rồi những gấu rồng sẽ lại múc chúng lên.

Điệu nhạc đó không bao giờ kết thúc, bởi nó ở khắp nơi trên thế giới này, và trong bầu trời nữa, ở đó đĩa mặt trời đang lên chậm chậm theo một đường cong cong. Những âm thanh sâu thẳm, đều đều, đơn điệu của bánh xe gỗ lớn, của những bánh truyền kọt kẹt, của phiến gỗ quay quanh trục rên rĩ, của chiếc gấu kim loại đang hạ xuống giếng, của sợi dây đai rung rung như giọng người, và của nước không ngừng chảy trong máng, từng đợt, từng đợt, làm ngập kênh mương. Không ai nói, không ai nhúc nhích, và nước tuôn chảy, như thác, tràn qua các luống cây, trên những cánh đồng đất đỏ và sỏi đá.

Juba ngược nhìn bầu trời. Nó thấy một chuyển động cong cong chậm chậm tạo thành những rãnh sáng, nó thấy những mặt cầu trong suốt, những bánh truyền ánh sáng qua không gian. Tiếng bánh xe nước lấp đầy cả không gian, cũng đang xoay vòng không dứt cùng với mặt trời. Lũ bò cũng đi cùng một nhịp, đầu cúi về phía trước, cổ nhàn lại dưới sức nặng của cái ách. Juba nghe tiếng ầm ầm của đôi móng, nghe tiếng chúng thở xa xa gần gần, và nó nói chuyện với chúng nữa, nó nói với chúng những âm nhỏ xíu kéo dài, những âm hoà vào tiếng kọt kẹt của phiến gỗ, hoà vào tiếng những bánh truyền miệt mài, hoà vào tiếng lanh canh của những gấu nước đang lên không ngừng.

"Êya-ây-êya-ô! Êya-ô!"

Rồi, mặt trời chậm chậm lên cao, Juba đã mệt mỏi vì nhìn mãi bánh xe nước và những bước chân bò, nó nhắm mắt lại. Cái nóng và ánh sáng tạo ra một vòng xoáy dịu dàng mang Juba vào giữa dòng, để nó đi dọc theo cái vòng tròn khổng lồ, khổng lồ tới mức dường như chẳng bao giờ muốn khép lại. Juba đang ở trên đôi cánh



Jean Marie Gustave Le Clézio có cha người Anh, mẹ người Pháp, sinh năm 1940 tại Nice, cuộc đời du hành không ngừng, Nobel văn chương 2008. Năm 23 tuổi, tiểu thuyết đầu tay *Le procès verbal* (Cuộc thẩm vấn) đã lọt vào danh sách ứng viên giải Goncour, và cùng năm đoạt giải Renaudot. Là một tên tuổi lớn trong văn chương hậu hiện đại Pháp, ông được xem là một nhà "ảo thuật từ ngữ".

một con kền kền trắng, rất cao trong bầu trời không một gợn mây. Nó bay lướt qua lướt qua, qua những tầng trời, và mặt đất đỏ xoay tròn chậm chậm dưới đôi cánh của nó. Những cánh đồng tràn trề, những con đường, những mái nhà đầy lá rụng, dòng sông màu ánh kim, tất cả xoay quanh miệng giếng, tạo ra một thứ âm thanh lách cách và kọt kẹt. Âm nhạc đơn điệu của những bánh xe nước, hơi thở của lũ bò, tiếng động của nước trong kênh mương, tất cả xoay vòng, mang nó đi, thổi nó lên cao. Ánh sáng rực rỡ và bầu trời mở rộng. Giờ đây chẳng còn con người nữa, họ đã biến mất. Chỉ còn nước, đất, trời, những mảng nền di động trượt đi và gặp gỡ, mỗi yếu tố giống như một bánh răng đang cọ xát vào bánh răng khác trong guồng nước.

Juba không ngủ. Nó mở mắt ra, nhìn thẳng về phía trước, nhìn qua tận bên kia cánh đồng. Nó ngồi bất động. Mảnh vải trắng vẫn đang phủ kín đầu và toàn thân, nó thở nhẹ nhàng.

Ngay lúc đó Yol hiện ra. Yol là một thành phố lạ lùng, thành phố trắng ngay giữa lòng sa mạc và giữa rừng đá hồng ngọc. Những cung điện cao chót vót ở đó vẫn còn đang nhoè nhoè, mờ ảo, phi thực, như thể chúng vẫn chưa xây xong. Chúng giống như ánh mặt trời phản chiếu trên những hồ muối rộng.

Thành phố này quen thuộc với Juba lắm. Nó vẫn thường thấy thành phố từ xa, khi mặt trời rực lửa và đôi mắt bị cơn mồi mẹt che mờ. Nó vẫn thường thấy thành phố này, nhưng không có ai được đến gần đó, vì những âm hỗn. Có lần nó đã từng hỏi cha nó tên của thành phố đó là gì, cái thành phố thật đẹp và thật trắng ấy, và cha nó trả lời rằng đó là Yol, rằng đó không phải thành phố của con người mà chỉ là thành phố dành cho những âm hỗn mà thôi. Cha nó đã kể nó nghe rằng thuở xưa, xưa lắm rồi có một vị vua trẻ tuổi đến từ bờ bên kia của biển từng cai trị thành phố, vị vua đó cũng tên là Juba.

Giờ đây, giữa điệu nhạc chậm chậm của những bánh xe, trong cái ánh sáng chói lòa, khi mặt trời lên cao thật cao, Yol lại hiện ra, lần nữa. Thành phố càng lúc càng lớn ngay trước mắt Juba và nó thấy rõ ràng những toà nhà khổng lồ đang run run trong khi nóng hầm hập. Có những tháp cao không cửa sổ, những biệt thự trắng giữa vườn cọ, những cung điện, những đền thờ. Những khối cẩm thạch loé sáng như vừa bị đeo ra. Thành phố xoay tròn chậm chậm quanh Juba, và âm nhạc đơn điệu của bánh xe nước nghe như tiếng rì rầm của biển. Thành phố trôi đi trên những cánh đồng khô hạn, nhẹ nhàng như ánh mặt trời phản chiếu trên những hồ muối rộng, và trước mặt thành phố, dòng sông Azan chảy dài như một con đường ngập ánh sáng. Juba nghe tiếng rì rầm của biển, từ bên kia thành phố. Tiếng trầm trầm hoà vào tiếng trống bùng bùng, tiếng hú tù và và kèn tuba. Người Himyar đọc ngang ngoài phố. Những nô lệ da đen từ Nubie, những toán lính, những đoàn kỵ binh khoác áo choàng đỏ đầu đội mũ đồng, những đứa trẻ tóc đỏ miến núi, bụi tung lên trong không khí, trên những con đường và giữa những ngôi nhà, tạo thành một đám mây xám lớn xoay vòng xoay vòng ở các cửa thành.

"Eya! Eya!" đám đông tung hô Juba dọc theo con đường trắng. Người dân Himyar đang gọi nó, đang đưa tay về hướng nó. Nhưng nó cứ đi tới dọc theo con đường hoàng gia, mà không nhìn họ. Cao trên thành phố, cao hơn những biệt thự và cây cối, đến thần Diane thật rộng, những cột cẩm thạch giống như những thân cây hoá đá. Ánh sáng mặt trời chiếu sáng thân hình Juba và làm nó hoa mắt, nó nghe tiếng rì rầm của biển lớn dần lên. Thành phố bao quanh nó thật nhẹ, run rẩy và bồng bênh như ánh mặt trời phản chiếu trên những hồ muối rộng. Juba bước đi, và chân nó như không chạm đất, như thể những đám mây đang mang nó đi. Người dân Himyar đi cùng nó, đông lắm, âm nhạc huyền bí vang lên giữa những con đường và ở khắp các toà nhà, và

thỉnh thoảng tiếng rì rầm của biển bị tiếng tung hô át đi: Juba! Eya! Ju-uuu-baa!

Ánh sáng rực lên khi Juba đến đỉnh đền thờ. Biển rộng và xanh trải mãi đến chân trời. Chuyển động cong cong trên nền trời vẽ mở một nét dài liên tục từ đường chân trời, và giọng đều đều của sóng ầm ầm vỗ vào đá biển.

Juba! Juba!

Tiếng dân chúng Himyar tung hô, và tên nó vang vang khắp thành phố, bên trên các tường thành màu đất, trong vòm những đền thờ, trong sân những cung điện trắng. Tên nó phủ lên những cánh đồng đất đỏ, trải dài đến tận bờ sông Azan.

Lúc đó Juba bước lên những bậc thang cao nhất trên đền thờ thần Diane. Nó mặc đồ trắng, mái tóc đen quấn một dải khăn viền chỉ vàng. Khuôn mặt rạng ngời và ngăm ngăm của nó nhìn về phía thành phố, còn đôi mắt sâu nhìn lướt qua những bức tường trắng xoá của những toà nhà khổng lồ, nhưng giống như nó đang nhìn lướt qua những con người dưới kia.

Ánh mắt Juba lướt qua những tường thành của Yol, qua bên kia tường thành; nó nhìn theo từng khúc quanh của dòng Azan, băng qua những cánh đồng khô hạn, lên đến tận đỉnh núi Amour, tới thượng nguồn của dòng sông ở Sebgag. Nó thấy dòng nước trong suốt len ra giữa những tảng đá, nước quý giá và mát lạnh chảy rì rào không dứt.

Lúc này, khi đôi mắt sâu hút của Juba đang ngăm ngăm nhìn mọi thứ thì đám đông im lặng hoàn toàn. Khuôn mặt nó giống như khuôn mặt một vị thần trẻ tuổi, và ánh mặt trời như được khuếch đại nhiều lần trên bộ đồ trắng và trên làn da ngăm ngăm của nó.

Âm nhạc lại nổi lên, như tiếng hót lanh lốt của chim muông, vang vọng giữa những những ngôi nhà trong phố. Âm nhạc đó thổi phồng cả bầu trời và từng đợt sóng của biển cả bị kéo dần rời xa nhau.

Ta là Juba, vị vua trẻ ngời, rồi nó nói đồng dục mạnh mẽ:

"Ta là Juba, con trai Juba, cháu Hiempsal!"

"Juba! Juba! Eya-ô!" đám đông tung hô.

"Ta là Juba, vua của các người!"

"Juba! Ju-uuu-baa!"

"Hôm nay ta đã trở về, và Yol là kinh đô vương quốc của ta!"

Tiếng rì rầm của biển lớn dần. Lúc này, một cô gái trẻ bước lên những bậc thang của đền thờ. Nàng thật đẹp, bộ váy trắng muốt tung bay trong gió, và mái tóc vàng óng của nàng lấp lánh. Juba nắm tay nàng và sóng đôi cùng nàng đi lên bậc thờ.

Cléopâtre Sélénès, con gái Antoine và Cléopâtre, hoàng hậu của các người! Juba tuyên bố.

Tiếng đám đông tung hô bao phủ cả thành phố.

Cô gái trẻ đứng lặng nhìn những biệt thự trắng, những tường thành, và khoảng đất đỏ trải rộng dưới kia. Nàng mỉm cười.

Nhưng những bánh xe nước vẫn đều đều chậm chuyển động, và tiếng rì rầm của biển át đi tiếng người. Trên cao, mặt trời xuống từ từ theo lối đi cong cong của nó. Ánh sáng bắt đầu đổi màu trên những bức tường cẩm thạch, kéo dài bóng đổ của những cột trụ.

Lúc bấy giờ, dường như chỉ có riêng hai người đang ngồi trên những bậc thang cao nhất của đền thờ, kế bên những cột trụ cẩm thạch. Xung quanh họ, đất và biển xoay vần tạo thành âm thanh kọt kẹt đều đặn. Cléopâtre Sélénès nhìn Juba. Nàng đang ngăm ngăm nhìn vị vua trẻ, vầng trán cao, sống mũi cao, đôi mắt dài được hai hàng lông mi đen nhánh bao quanh. Nàng nghiêng người dựa vào nó và dịu dàng nói với nó, bằng một thứ ngôn ngữ mà Juba không hiểu gì cả. Giọng nàng dịu dàng và hơi thở nàng thơm tho. Rồi Juba nhìn nàng, và nói:

Ở đây tất cả đều đẹp, ta đã muốn trở lại đây từ lâu lắm rồi. Từ thuở ấu thơ, ngày nào ta cũng nghĩ đến thời

(Xem tiếp trang 22)

**Nếu chỉ căn cứ vào những mực thước lí luận thì văn học hậu hiện đại phải bị coi là nền văn học bí quan nhất xưa nay. Song Tự Nhiên - một thực tại minh triết, trong khuôn mặt trắng sao, luôn hiện diện đúng lúc, ánh trắng và những đối thoại gây cười giữa người và các loại ma làm cho cảnh gọi hồn bớt đi vẻ ảm đạm, bí hiểm.**

**Thực tại là đây chăng, hay vẫn chỉ là giấc mơ? Tác giả không và sẽ không bao giờ cho người đọc lời giải đáp. Ông để họ tiếp tục kiếm tìm cái thực tại cho mình.**

**Đó cũng chính là ý nghĩa tối cao của Tồn tại.**

ĐÀO TUẤN ANH

# CHIẾC TRỐNG THƯỢNG GIỚI

(Tiếp theo trang 9)

- Sao, lấy những người chết á? - Thiếu tá hỏi, vẻ không tin.

- Ô, vâng. Thì chủ yếu là cần cái quốc tịch. Chúng cháu đưa ra điều kiện như vậy mới làm cho họ sống lại để lấy vợ. Thường là người Đức. Chúng cháu lấy giá xác một đàn ông Đức bằng một tay da đen Dimbabue sống, hoặc một tay Do Thái không có thị thực nhập cảnh. Tất nhiên, tốt nhất vẫn là một ông Tây Ban Nha thuộc "Lữ đoàn xanh", nhưng mà xác ấy cao giá lắm. Vì hiếm mà. Ngoài ra còn có cả người Ýtalia, người Phần Lan nữa. Người Rumanii với lại Hungari chúng cháu chả động tới.

- Thì ra thế, - thiếu tá nói, - thế sau đó họ sống có được lâu không?

- Khoảng ba năm, - Tania đáp.

- Ít quá, - thiếu tá nói, - Không thương họ á?

Tania nghĩ một chút, khuôn mặt xinh đẹp của cô trở nên hoàn toàn nghiêm trang, giữa hai lông mày hằn rõ một nếp nhăn. Không khí trở nên im lặng, và sự im lặng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng còi nổ lốp bốp và tiếng lửa liếm vào những lá cây.

- Một câu hỏi khó đấy, - cuối cùng cô nói, - ông hỏi đúng đắn đấy chứ?

- Hoàn toàn đúng đắn.

Tania nghĩ thêm chút nữa.

- Cháu nghe thấy thế này, - cô bắt đầu giải thích, - có quy luật của đất và quy luật của trời. Nếu hiện thị được sức mạnh của trời thì tất cả mọi vật có thể chuyển động, còn những cái vô hình - sẽ hiện ra. Nhưng chúng không có cốt lõi, cơ sở bên trong, và trong tự nhiên chúng chỉ là sự cô đặc chắc lạt của bóng tối. Chính vì thế mà chúng tồn tại không lâu trong một vòng chuyển hoá. Theo bản chất sâu xa nhất của mình chúng đều là sự trống rỗng. Chính vì thế mà cháu thương xót chúng.

- Đúng vậy, - thiếu tá nói, - Cô hiểu sâu đấy.

Nếp nhăn giữa hai hàng lông mày Tania giãn ra.

- Nói thật, công việc nhiều tới mức chẳng có thời gian đâu mà nghĩ ngợi. Thường thì mỗi tháng chúng cháu cũng làm được mười vụ. Mùa đông ít hơn. Ở Moskva người ta đặt hàng bà Tưmư trước những hai năm cơ đấy.

- Thế còn những kẻ mà các cô làm cho sống lại thì sao? Bao giờ cũng thuận cả chứ?

- Gần như thế, - Tania nói, - dưới âm ỉ buồn khùng khiếp. Tối tăm, chật chội, lại chẳng có thứ gì. Cứ nghĩ rằng treo treo ấy. Không biết ở chỗ ông, trên Thượng giới ấy, như thế nào - chúng cháu chưa có khách hàng ở trên đó, chứ dưới này người chết cũng đủ hạng. Năm ngoái, ở Kharcov đấy - thật kinh khủng.

Chúng cháu vớ được một tên lính tăng thuộc lữ đoàn "Đầu lâu", cho nó ăn mặc, có nghĩa là tắm rửa, cao rầu, rồi giải thích hết cho nó hiểu. Có vẻ đồng ý. Mà cô vợ chưa cưới khá lắm nhà, cô Marina, tốt nghiệp khoa báo chí hần hoi. Bây giờ hình như người ta đã kiếm cho cô ấy một anh chàng thủy thủ người Nhật rồi... Trời đất, giá như bác nhìn thấy họ bơi mới khiếp chứ... Cứ nghĩ tới... Mà cháu đang nói về cái gì ấy nhỉ?

- Về lính tăng, - thiếu tá nhắc.

- À, vâng. Nói ngắn gọn, chúng cháu đưa cho tên lính này ít tiền, để nó cảm thấy mình là người. Thế là nó, cũng dễ hiểu thôi, lập tức uống rượu. Thoạt đầu bao giờ chúng cháu cũng uống rượu. Có lần, trong một quán rượu nào đó người ta không bán vớt ca cho nó. Họ đòi phải trả bằng tiền rúp. Mà nó thì chỉ có coupon<sup>(1)</sup> và tiền mặt thời chiếm đóng. Nó nổi sung lên đập phá cửa hiệu. Đến đêm nó lái "Con hổ"<sup>(2)</sup> tới húc đổ tất cả các quán hàng trước cửa ga. Từ bấy đến nay người ta vẫn thường nhìn thấy chiếc xe tăng đó vào ban đêm. Nó chạy khắp Kharcov, san bằng các cửa hiệu kinh doanh. Ban ngày lại biến mất. Đi đâu - không biết được.

- Những trường hợp như thế cũng có thể xảy ra, - thiếu tá nói, - trong thế giới có biết bao điều kì lạ.

- Từ đó chúng cháu chỉ làm việc với đám vermaxt<sup>(3)</sup> thôi. Tuyệt đối không dính dáng với bọn SS. Chúng cứ hay bị kích động thế nào ấy. Lúc thì phá uỷ ban xã, lúc thì hất rống lên. Còn lấy vợ thì lại chẳng muốn, bị cấm theo điều luật mà.

Trên bãi cỏ một cơn gió lạnh ập tới. Masa rời cái nhìn đăm đăm khỏi thiếu tá Zvaginsev và trông thấy bà bóng người không rõ hình dáng thấp thoáng trên khoảng trống giữa ba cái cây me bãi cỏ. Tưmư hốt hoảng kêu lên và lập tức chạy tới nấp sau lưng Tania.

- Đó, lại bắt đầu rồi, - Tania lẩm bẩm.

- Đừng có sợ cuống lên như thế, mẹ già ngốc nghếch, họ không động được tới mẹ đâu.

Cô đứng dậy tiến lại phía ba bóng người, và từ xa đã làm những điều bộ trần an, giống như lái xe phạm luật đang trình bày trước viên cảnh sát giao thông giữ mình lại. Tưmư cố thu mình, ép chặt đầu vào hai đầu gối và khẽ run rẩy. Để phòng rắc rối, Masa tiến lại gần đồng lứa và bỗng nhiên cả người cô cảm nhận được ánh mắt của thiếu tá đang dõi theo mình. Cô đưa mắt nhìn ông. Thiếu tá Zvaginsev nở một nụ cười buồn bã.

- Cô đẹp lắm, Masa ạ, - ông thăm thi. - Khi Tưmư của các cô gọi, tôi đang làm vườn. Bà ấy cứ gọi, cứ gọi mãi, làm tôi phát chán. Tôi đã định treo cho các cô một mẻ, nhưng khi nhìn xuống thì tôi thấy cô ở đây, Masa ạ. Và cô làm cho tôi ngạc nhiên quá đấy, ngạc nhiên tới mức không đủ lời để diễn tả. Cô rất giống cô bạn gái

Varia cùng trường phổ thông của tôi. Cô ấy hết như cô vậy, cũng có những nốt tàn nhang trên mũi. Chỉ có tóc cô ấy dài hơn. Tôi yêu cô ấy. Nếu không có cô, thì tôi xuống đây làm gì.

- Thế ở chỗ các ông cũng có vườn á? - Masa hỏi, thoáng đỏ mặt.

- Có.

- Thế chỗ đó tên là gì, ông sống ở đâu?

- Chỗ chúng tôi không có tên gọi. - thiếu tá nói. - Chính vì thế mà chúng tôi sống yên ổn và sung sướng.

- Nhìn chung thì ở chỗ các ông ra sao?

- Cũng bình thường, - thiếu tá nói, và lại mỉm cười.

- Sao, - Masa hỏi, - cũng có đồ đạc như mọi người á?

- Biết nói với cô như thế nào, Masa. Một mặt thì dường như là có hết, mặt khác - dường như chẳng có gì. Nói chung mọi thứ đều chỉ là tương đối, không xác định. Nhưng đó chỉ là lúc sự nghĩ ra thôi.

- Thế ông sống ở chỗ nào?

- Có vẻ như tôi cũng có một căn nhà nhỏ với một khu vườn. Thật yên tĩnh và dễ chịu.

- Thế ông có ô tô chứ? - Masa hỏi, nhưng ngay lập tức cảm thấy lúng túng vì nhận ra câu hỏi của mình thật ngốc nghếch.

- Nếu muốn thì cũng có thể có, sao lại không nhỉ.

- Loại xe nào vậy?

- Cũng còn tùy, - thiếu tá trả lời. - Cả lò nướng cũng là lò vì ba nhé, và có cả... máy giặt nữa, có điều chẳng có gì để mà giặt. Còn có cả ti vi màu cơ đấy. Thật ra thì chỉ có một kênh thôi, nhưng tất cả kênh ở chỗ các cô, chúng tôi đều bắt được hết.

- Ti vi cũng tùy lúc tùy loại á?

- Vâng, - thiếu tá đáp. - Khi thì "Panasonic", khi "Sivaki". Nhưng nếu chợt nhớ ra - nhìn lên, thì lại chẳng thấy gì hết cả. Chỉ có hơi nước bốc lên cuộn lên thôi... thì tôi đã nói, tất cả đều giống như chỗ các cô. Chỉ có duy nhất tên gọi là không có. Tất cả đều vô danh. Càng lên cao, càng vô danh.

Masa không còn gì để hỏi thêm nữa và im lặng, nghĩ tới những lời cuối cùng của thiếu tá. Trong lúc đó Tania đang soi nổi chứng minh điều gì đó cho ba bóng người.

- Tôi nhắc lại với các người lần nữa. Từ khi bị sét đánh bà ấy mới có phép thuật phù thủy đấy, - giọng cô vọng lại, - tất cả đều tuân theo luật định. Hồi nhỏ bà ấy bị sét đánh, sau đó thần sét tặng cho bà một mảnh sắt tây để bà ấy làm một cái lưới trai... Tại sao tôi lại phải trình các người? Tại sao bà ấy lại phải mang theo người? Không ở đâu lại gặp những chuyện như thế này... Các người phải thấy xấu hổ khi bắt nạt một bà già chứ. Tốt nhất là các người hãy giúp mấy vị

lãnh đạo ổn định trật tự ở Moskva đi. Thật kinh tởm - sống mà phát sợ, còn các người thì sao, chỉ được cái chèn ép những người già cả... Tôi sẽ kiện...

Masa cảm thấy thiếu tá chạm vào khuỷu tay cô

- Masa, - ông nói, - tôi phải đi bây giờ. Tôi muốn tặng em một vật để làm kỉ niệm.

Masa nhận thấy ông chuyển sang gọi cô bằng em, và điều này làm cô thấy dễ chịu.

- Vật gì thế ạ? - Cô hỏi.

- Một ống sáo nhỏ, - thiếu tá trả lời. - Làm từ cây sậy. Lúc nào em thấy mệt mỏi vì cuộc sống ấy, hãy tới chỗ máy bay của tôi. Em hãy thổi cây sáo này và tôi sẽ tới bên em.

- Có thể làm khách chỗ ông được không? - Masa hỏi.

- Có thể, - thiếu tá trả lời. - Hãy ném thử dầu đất, rồi em sẽ thấy dầu đất trong vườn của tôi ngon như thế nào.

Ông đứng dậy.

- Em đến chứ? - ông hỏi. - Tôi sẽ đợi em.

Masa khẽ gật đầu.

- Thế chả lẽ ông... ông chẳng đang là người sống đó thôi?

Thiếu tá nhún vai, rút từ túi áo da một khẩu "TT" gì xét và đưa lên mang tai.

Một tiếng súng vang lên.

Tania hoảng hốt quay lại, nhìn chăm chăm vào thiếu tá lúc đó đang loạng choạng, song vẫn còn đứng được. Tưmư ngẩng đầu và khúc khích cười. Gió lạnh lại nổi lên, và Masa nhìn thấy bên rìa bãi cỏ không còn một bóng người nào.

- Tôi sẽ đợi, - thiếu tá Zvaginsev nhắc lại và loạng choạng đi về phía hang, trên đó hiện mờ mờ một cầu vồng rất khó nhận ra. Đi được vài bước thân hình của ông tan biến trong đêm tối, giống như cục đường tan trong cốc trà nóng.

Masa nhìn qua kính cửa sổ những ngôi nhà nhỏ và những mảnh vườn đang vun vút lao qua. Cô lặng lẽ khóc.

- Sao thế Masa, sao thế? Tania hỏi và nhìn vào gương mặt đầm nước mắt của bạn. - Cho qua đi! Thịnh thoảng vẫn bị như thế đấy. Nếu cậu muốn, chúng mình cùng tới Arkhangensk. Ở đó, trong đầm lầy có chiếc B-29, " Pháo đài bay" của Mĩ. Có hẳn mười một đứa, đủ cho mọi người. Đi nhé?

- Khi nào các cậu đi? - Masa hỏi.

- Sau ngày mười lăm. À mà nhân thế, ngày mười lăm cậu tới dự ngày lễ xá tội với bọn tớ nhé. Đến không? Tưmư đã phơi khô nấm diệt ruồi. Bọn tớ sẽ gõ trống Thượng giới để cậu nghe, một khi cậu thích như vậy. Nghe thấy không, Tưmư, chúng mình sẽ mừng lắm, nếu Masa tới làm khách, nhỉ?

Tưmư ngẩng mặt, cười ngoác miệng thay câu trả lời, phỏ những mảnh răng màu nâu xỉn còn sót lại, nghiêng ngả từ phía trên hai cái lợi. Nụ cười nom rõ khiếp vì đôi mắt Tưmư giấu dưới những dải băng băng da rù từ trên mũ xuống, có cảm giác như bà cười chỉ độc bằng miệng, còn đôi mắt không nhìn thấy thì vẫn lạnh băng và chăm chú.

- Đừng sợ, - Tania nói, - bà ấy hiền lắm.

Nhưng Masa đã nhìn ra ngoài cửa sổ, tay nắm chặt chiếc sáo làm từ cây sậy để trong túi mà thiếu tá Zvaginsev đã tặng cô, và suy nghĩ rất lung về một điều gì đó.

ĐÀO TUẤN ANH

Dịch từ tập truyện ngắn của V. Pelevin  
Mũi tên màu vàng; M.1999)

(1) Am thanh trong ngôn ngữ Trung á

(2) (T.Đức) - Không, thưa ngài đại tướng. Cái đó thì tôi hoàn toàn không thể đáp ứng được cho ngài. Tôi đến đây vì một việc khác.

(3) Hôm nay muộn quá rồi, ngài đại tướng. Xin lỗi, tôi đang rất vội.

(4) Cái gì?

(5) Tiền Ucraina (ND)

(6) Một loại xe tăng của Đức thời kì chiến tranh thế giới lần thứ II (ND)

(7) tiếng Đức - Wehrmacht - quân đội Đức thành lập trên cơ sở nghĩa vụ quân sự chung (ND).

(Tiếp theo trang 12)

lướt là là trên mặt bể. Nhưng con chép trắng của tôi vẫn ẩn sâu dưới nước, không chịu nổi lên. Điều duy nhất tôi đoán là nó chắc đã nằm chết ở đáy bể.

Một tối nọ oi bức khó chịu, tôi nằm thức cho đến tận sáng. Rồi nghĩ mình cần hít thở ít không khí trong lành vào buổi sáng, tôi ra khỏi nhà đi dạo gần bể bơi. Vào những lúc như thế này, mọi người chúng ta thường có xu hướng chìm vào nỗi cô đơn của chính mình hoặc tự nhủ rằng chúng ta nên tìm một công việc nào đó hoặc đơn giản là chỉ dứt tay vào túi đựng yên một hồi lâu.

Và khi đó tôi thấy nó.

Ở đó, con chép trắng của tôi đang bơi lượn sung sức và vui vẻ gần sát mặt bể nước. Khẽ bước, tôi vượt qua lưới thép, bước lên tấm ván nhảy để có thể nhìn thấy rõ mọi chi tiết.

Con chép của tôi, chiếm gần hết không gian trong lúc say sưa bơi giống một vị vua. Và qua đường rẽ nước của

# CON CÁ CHÉP

*Con chép trắng là biểu tượng đa diện: tình bạn, tình yêu, tính dục, nghệ thuật, cái đẹp, sự hữu hạn của kiếp người, bản năng vô thức,... người đọc có thể khai thác tác phẩm dưới nhiều cấp độ khác nhau. Nhà văn kể câu chuyện đồng nghĩa với việc mở ra vô vàn cánh cửa để người đọc tự tri nhận những gì mình thấy cần thiết cho bản thân. Truyện không thể đọc một lần là hiểu hết và không thể chỉ cần cất nghĩa một lần là xong. Quá trình đọc đồng nghĩa với sáng tạo. Mỗi lần đó vẫn là một thách thức.*

LÊ HUY BẮC

nó, mọi nỗi lo âu đều bị bỏ lại phía sau, hàng đàn cá dầy, cá đực và cá tuế tụ tập cổ vũ bơi theo con chép, con cá của tôi luôn mang dáng vẻ quý phái hơn.

Mang dòng nước mắt cảm động dâng tràn trước cảnh tượng huy hoàng đó, tôi bước xuống ván nhảy, cẩn thận

để không phát lên tiếng động.

Mùa lạnh đến, mặt bể phủ đầy lá rụng. Cuối cùng nó đóng băng. Vì lý do đó, tôi đành phải từ bỏ ý định tìm kiếm con chép nhưng tôi vẫn không quên đến bể vào mỗi buổi sáng, biết đâu được. Và tôi tiêu khiển bằng cách ném vỏ sỏi viên đá nhỏ lên mặt băng bằng

phẳng. Khi tôi ném chéch, chúng lướt êm ru với âm thanh lạnh lẽo trên mặt băng. Khi tôi ném thẳng xuống, chúng găm vào mặt băng.

Sáng nọ, mặt băng được che phủ bởi lớp tuyết mỏng. Tôi đến và nhặt lên khúc gãy tre dài, dùng nó vẽ một bức tranh lên mặt băng. Đây là hình vẽ một con cá dài đến gần hai mươi mét. Trong tâm trí tôi, đây là con chép trắng của tôi.

Khi bức tranh hoàn thành, tôi nghĩ chuyện viết đôi dòng bên cạnh miệng con cá, nhưng lại từ bỏ ý định ấy và thay bằng một đàn cá đực và cá tuế đồng nghệt tụ tập bơi sau con chép trong nỗi sợ hãi bị bỏ lại đằng sau. Nhưng lũ cá đực và cá tuế trông mới thộn làm sao! Nhiều con thiếu vây; những con khác thậm chí chẳng có cá mồm lẫn mắt. Tôi hoàn toàn mãn nguyện. ■

LÊ HUY BẮC

(Dịch qua bản tiếng Anh của John Bester)

(Tiếp theo trang 13)

phúc trong một căn phòng đơn và rồi ngày nọ, nữ sĩ nói với nam thi sĩ, "Chúng ta sắp có một nhà thơ nữa trong nhà". Nhưng nhà thơ này không bao giờ được sinh ra, bởi vì cô gái đã chết, nhà thơ trẻ chết cùng nàng, trong bụng nàng. Chồng cô gái rất buồn và nói chàng sẽ không bao giờ chạm đến một thứ gì trong vườn của cô gái. Và thế là khu vườn vẫn nguyên như cũ, mọc cao và trở nên hoang dại".

Tôi nhìn B. Wordsworth và khi ông kể cho tôi nghe câu chuyện tình yêu này, ông dường như trở nên già hơn. Tôi hiểu câu chuyện của ông.

Chúng tôi cùng đi bộ trên quảng trường dài. Chúng tôi đến Vườn Thực vật và Vườn Đá. Chúng tôi leo lên Đồi Đại Pháp quan trong chiều muộn và ngắm màn đêm buông phủ lên Port of Spain và ngắm ánh đèn sáng lên trong thành phố và trên những con tàu trong cảng.

Ông làm mọi thứ như thể ông đang làm nó lần đầu tiên trong đời. Ông làm mọi thứ như thể ông đang tiến hành một nghi lễ nhà thờ nào đó.

Ông sẽ bảo tôi, "Bây giờ, ta ăn kem nhé?"

Và khi tôi đáp, vâng ạ, hẳn ông trở nên rất nghiêm trọng và nói, "Quán cà phê nào ta sẽ là khách quen đây?" Như thế đấy là điều rất quan trọng. Ông cân nhắc kĩ về điều đó rồi cuối cùng nói, "Ta nghĩ ta sẽ đến và thưởng thức để mua ở cái cửa hàng đó".

Thế giới trở thành một nơi náo nhiệt nhất.

Ngày nọ, khi tôi ở trong sân vườn ông, ông nói với tôi, "Ta có một điều bí mật vĩ đại mà bây giờ ta sẽ nói cho cháu hay".

Tôi nói, "Một bí mật thật sự chứ?"

"Ngay bây giờ, phải".

Tôi nhìn ông và ông nhìn tôi. Ông nói, "Điều này chỉ giữa ta và cháu, nhớ đấy. Ta đang viết một bài thơ".

"Ồ. Tôi bị thất vọng.

Ông nói, "Nhưng đây là một kiểu thơ khác. Đây là bài thơ vĩ đại nhất thế giới".

Tôi huýt sáo.

Ông nói, "Ta đã sáng tác nó hơn năm năm nay. Kể từ bây giờ, ta sẽ hoàn thành bài thơ trong khoảng hai mươi năm nữa", đấy là nếu ta tiếp tục viết với tốc độ hiện tại".

"Ông viết có nhiều không vậy?"

Ông nói, "Chẳng thêm nữa đâu. Ta chỉ viết mỗi tháng một dòng. Nhưng ta chắc đó là dòng trác tuyệt".

Tôi hỏi, "Thế cái dòng trác tuyệt tháng trước là gì vậy?"

Ông nhìn lên bầu trời và nói, "Quá khứ sâu thẳm".

Tôi nói, "Đấy là dòng thơ tuyệt vời".

B. Wordsworth nói, "Ta hi vọng chúng cất được những chiêm nghiệm của cả tháng thành một dòng thơ đó. Vậy nên, trong hai mươi hai năm, ta sẽ viết được một bài thơ và sẽ hát về toàn nhân loại. Hồn tôi ngập tràn hoài nghi (điều kì diệu).

# B. WORDSWORTH

*Câu chuyện đầy áp chất thơ. Một nghệ sĩ khao khát viết kiệt tác đời mình. Kiệt tác đó chính là cuộc đời. Bài thơ kết thúc khi cuộc đời kết thúc. Những giá trị tinh thần đang mai một dần trong sự xô bồ của thế giới chuộng vật chất. Nhưng thơ sẽ vẫn không mất đi bởi tâm hồn thơ sẽ luôn có trong mọi người. Cho dù những kẻ phàm trần thì rất nhiều, thì nhân là số ít và người dám sống hết mình cho thơ lại càng ít hơn. Thơ không thể bán, nhưng thơ vẫn cứ cần mãi cho cuộc đời. Bởi cuộc sống, ngắm cho cùng cũng chính là một bài thơ đang được con người vô thức sáng tạo ra mỗi ngày.*

LÊ HUY BẮC

Những cuộc đi dạo của chúng tôi vẫn tiếp tục. Ngày nọ chúng tôi đi học theo đề biển ở Docksite và tôi nói, "Thưa ông Wordsworth, nếu cháu thả cây kim này xuống nước thì ông có nghĩ là nó sẽ nổi không?"

Ông nói, "Đây là một thế giới kì lạ. Hãy thả cây kim của cháu rồi chúng ta cùng xem điều gì sẽ xảy ra".

Cây kim chìm xuống.

Tôi nói, "Bài thơ nay ra sao rồi ạ?"

Nhưng ông chẳng hề đọc cho tôi nghe bất kì một dòng thơ nào nữa. Ông chỉ nói, "Ồ, nó đến, cháu biết. Nó đến".

Nếu không đi thì chúng tôi ngồi xuống biển và ngắm nhìn những con tàu tiến vào cảng.

Nhưng về bài thơ vĩ đại nhất thế giới tôi chẳng bao giờ nghe đến nữa.

Tôi cảm thấy ông trở nên già hơn.

"Ông sống thế nào, thưa ông Wordsworth?" ngày nọ tôi hỏi ông.

Ông nói, "ý cháu là hỏi ta về cách kiếm tiền à?"

Khi tôi gật đầu, ông cười theo cách bí hiểm.

Ông nói, "ta hát rong trong mùa hát rong".

"Và chỗ đó đủ để ông sống suốt thời gian còn lại của năm".

"Đủ".

"Nhưng ông sẽ là người giàu có nhất thế giới nếu ông viết bài thơ vĩ đại nhất?"

"Ông không đáp".

Ngày nọ khi tôi đến thăm ông trong ngôi nhà nhỏ của ông, tôi thấy ông nằm trên cái giường nhỏ. Trông ông già và yếu đến nỗi tôi thấy mình muốn khóc.

Ông nói, "Bài thơ ấy không tiếp tục được nữa rồi".

Ông đang không nhìn tôi. Ông nhìn qua cửa sổ đến cây dừa và khi ông nói, như thể tôi không có ở đó. Ông nói, "Khi ta hai mươi, ta cảm nhận được một sức mạnh trong người". Rồi, hầu như diễn ra ngay trước mắt tôi, tôi có thể thấy mặt ông trở nên già hơn và mệt mỏi hơn. Ông nói, "Nhưng điều đó — điều đó đã lâu lắm rồi".

Và rồi — tôi cảm nhận điều đó rất rõ, giống như việc tôi đã bị mẹ nện trước đây. Tôi có thể thấy điều

đó rõ ràng trên mặt ông. Nó ở để mọi người đều thấy. Cái chết trên khuôn mặt nhúm nhó.

Ông nhìn tôi và khi thấy những giọt nước mắt của tôi, ông ngồi dậy.

Ông nói, "Lại đây nào". Tôi đến và ngồi lên đầu gối ông.

Ông nhìn vào mắt tôi và nói, "Ồ, cháu cũng có thể nhìn thấy nó. Ta luôn biết cháu có cái nhìn của một nhà thơ".

Thậm chí trông ông không có vẻ buồn và điều đó khiến tôi òa lên nước mắt.

Ông kéo tôi vào bộ ngực gầy và nói, "Cháu có muốn ta kể cho cháu một câu chuyện vui không?" rồi ông mỉm cười khích lệ tôi.

Nhưng tôi không trả lời.

Ông nói, "Khi ta kết thúc câu chuyện này, ta muốn cháu hứa là sẽ đi và không bao giờ quay lại gặp ta nữa. Cháu có hứa không?"

Tôi gật đầu.

Ông nói, "Tốt. Vậy thì hãy lắng nghe. Câu chuyện mà ta đã kể cho cháu là về một nhà thơ nam và một nhà thơ nữ, cháu nhớ chuyện đó chứ? Chuyện đó không có thật. Đây chỉ là chuyện ông bịa ra thôi. Kể cả việc nói về thơ và bài thơ vĩ đại nhất thế giới đều cũng không có thật. Đây chẳng phải là điều buồn cười nhất mà cháu từng được nghe thấy ư?"

Nhưng giọng ông đã ngừng.

Tôi rời ngôi nhà, vừa khóc vừa chạy về nhà, giống như một nhà thơ, vì mọi điều tôi đã nhìn thấy.

Tôi đi bộ dọc phố Albert một năm sau, nhưng tôi chẳng thể tìm thấy chút dấu vết vào từ ngôi nhà của nhà thơ ấy. Nó đã biến mất, hoặc gần như thế. Nó đã bị dỡ bỏ và một ngôi nhà hai tầng to đùng đã chiếm lấy chỗ của nó. Cây xoài, cây mận và cây dừa tất cả đều bị đốn hạ, gạch và bê tông ngổn ngang khắp nơi.

Cảnh đó như thể B. Wordsworth chưa từng tồn tại. ■

LÊ HUY BẮC Dịch

# MỐI LỬA

(Tiếp theo trang 3)

Anh thấy cách làm rồi đấy, Sol nói. Myers cầm lấy cửa và dí lưỡi cửa vào đoạn Sol để lại. Anh tìm được một nhịp thích hợp và giữ nhịp đó. Anh cứ ấn xuống, đè vào cửa. Trong vài phút anh đã cửa xong mấy cây gỗ thành từng khúc ngắn rơi xuống đất.

Đứng rồi đấy, Sol nói. Anh sẽ làm được. Anh ôm hai khúc củi lên và mang chúng lại xếp dọc theo ga-ra.

Không nhất thiết khúc nào cũng làm, nhưng cứ chừng khúc thứ năm hay thứ sáu, anh hãy dùng riu bổ ngay chính giữa, Sol nói. Anh không cần phải chẻ nhỏ ra để làm mối nhen lửa. Tôi sẽ chẻ sau. Cứ năm hay sáu khúc thì bổ một khúc. Tôi sẽ chỉ anh. Sol dựng khúc củi lên, và chỉ cần một nhát riu là khúc củi tách ra làm đôi. Anh thử làm đi, Sol nói.

Myers dựng một đầu khúc củi lên giống như Sol vừa làm, và anh bổ riu xuống tách khúc củi ra.

Tốt rồi, Sol nói. Anh sắp những thanh củi dọc theo ga-ra. Xếp chúng cao đến chừng này, và bề ngang chừng này. Khi nào xong hết tôi sẽ phủ vài tấm vải nhựa lên trên. Nhưng không ai bắt anh làm việc này đâu nhé.

Không sao, Myers nói. Tôi muốn làm, nếu không tôi đã không để nghị.

Sol nhún vai. Rồi anh quay vào nhà. Bonnie đứng ngay cửa, đang nhìn ra, và Sol cũng dừng ngay cửa, choàng tay ôm Bonnie, rồi cả hai đứng nhìn Myers.

Myers nhặt cửa lên và nhìn họ. Đột nhiên anh cảm thấy phấn khởi, và anh nhoẻn cười. Thoạt tiên Sol và Bonnie hơi ngạc nhiên. Sol cười đáp lại rồi Bonnie cũng vậy. Rồi hai người vào nhà.

Myers đặt một cây gỗ khác lên trên giá cửa và cửa liên tục cho đến khi mồ hôi trên trán bắt đầu hơi lạnh lạnh và mặt trời khuất hẳn. Đèn ở cổng được bật lên. Myers tiếp tục làm việc đến khi anh cửa xong cây gỗ đang cửa dở. Anh vác hai khúc gỗ vào ga-ra rồi vào nhà, tắm rửa, rồi ngồi vào bàn và viết vào sổ. *Đêm nay mặt cửa vương trên ống tay áo mình. Một mùi thơm ngọt ngào.*

Đêm hôm đó anh nằm thức một lúc lâu. Có lúc anh ra khỏi giường và nhìn ra cửa sổ, nhìn đồng hồ trong sân sau, rồi ánh mắt anh bị hút lên thung lũng về phía núi. Trăng bị mây che một phần, nhưng anh vẫn nhìn thấy những đỉnh núi và tuyết trắng, rồi khi anh đẩy cửa sổ lên, một luồng không khí ngọt và mát dịu tràn vào phòng, xa xa anh nghe thấy tiếng dòng sông chảy băng qua thung lũng.

Sáng hôm sau anh chỉ đợi đến lúc họ ra khỏi nhà là anh ra phía sau nhà và bắt đầu công việc. Anh thấy một đôi găng tay trên bậc thang phía sau hẳn là Sol để đấy cho anh. Anh khởi động máy cửa rồi đẩy tới đẩy lui, cửa và bổ củi cho đến khi mặt trời đứng bóng. Rồi anh vào nhà ăn một cái sandwich và uống một chút sữa.

Khi quay ra sân và tiếp tục làm việc, anh nhận thấy vai đau và ngón tay nhói nhói. Mặc dù đã đeo găng, anh vẫn bị mấy cái dằm găm vào tay và cảm thấy chúng bắt đầu sưng phồng lên, nhưng anh vẫn tiếp tục làm. Anh quyết cửa xong chỗ củi, bổ ra và xếp lại trước khi mặt trời lặn, và đó là vấn đề sinh tử của anh. Minh phải làm xong việc này, anh nghĩ, bằng không thì...Anh dừng lại lấy ống tay áo quệt mặt.

Tối hôm đó khi Sol và Bonnie về đến nhà - Bonnie về trước như thường lệ rồi Sol về sau - Myers đã làm gần xong. Một

đống mặt cửa cao nằm giữa hai giá cửa, và trừ hai, ba cây gỗ còn nằm trong sân, tất cả đã được xếp chồng ngay ngắn tựa vào ga-ra. Sol và Bonnie đứng ở cửa không nói gì. Myers ngẩng lên một lúc, gật đầu chào, và Sol gật đầu chào lại. Bonnie chỉ đứng đó nhìn, thở bằng miệng. Myers tiếp tục làm việc.

Sol và Bonnie quay vào nhà bắt đầu ăn tối. Sau đó, Sol bật đèn cổng như đêm hôm trước. Khi mặt trời vừa lặn và trăng nhô lên khỏi núi, Myers bổ xong thanh củi cuối cùng và gom hai mảnh lại mang vào ga-ra. Anh cất giá cửa, cửa máy, riu, cái nệm bằng thép và cái đục đi. Rồi anh đi vào.

Sol và Bonnie vẫn ngồi ngay bàn nhưng chưa bắt đầu ăn.

Anh ngồi xuống ăn với chúng tôi, Sol nói.

Ngồi xuống đi, Bonnie nói.

Tôi chưa đói, Myers nói.

Sol không nói gì. Anh gật đầu. Bonnie đợi một chút rồi với lấy đĩa.

Hình như anh làm xong cả rồi, Sol nói.

Myers nói, mai tôi sẽ thu dọn đống mặt cửa đó.

Sol đẩy dao tới lui trên đĩa như thể muốn nói, không cần đâu.

Một, hai ngày nữa tôi sẽ đi, Myers nói.

Tôi cũng lỡ mớ đoán như vậy, Sol nói.

Tôi không biết tại sao tôi cảm thấy như vậy, nhưng tôi lỡ mớ nghĩ từ khi anh mới đến rằng anh sẽ chẳng ở đây lâu.

Chúng tôi không trả lại tiền thuê đâu, Bonnie nói.

Thôi nào, Bonnie, Sol nói.

Không sao, Myers nói.

Không, không được, Sol nói.

Không sao mà, Myers nói. Anh mở cánh cửa vào buồng tắm, bước vào trong rồi đóng cửa lại. Khi anh mở cho nước chảy vào bồn, anh nghe tiếng họ nói chuyện ngoài kia, nhưng anh không nghe được họ nói gì.

Anh tắm, gội đầu, rồi mặc quần áo sạch vào. Anh nhìn đồ đạc của anh trong phòng mới lấy từ trong vali ra chỉ cách đây vài ngày hay một tuần, và nghĩ phải mất khoảng mười phút để xếp mọi thứ vào vali và ra đi. Anh nghe thấy tiếng tivi được bật lên phía bên kia nhà. Anh bước lại cửa sổ, chống cửa lên, rồi lại nhìn ra phía núi, trăng lơ lửng bên trên - bây giờ không có mây, chỉ có trăng và những ngọn núi tuyết phủ. Anh nhìn đồng hồ mặt cửa phía sau nhà và đồng hồ xếp ngay ngắn bên hốc tối của ga-ra. Anh lắng nghe tiếng dòng sông. Rồi anh bước lại bàn, ngồi xuống, mở sổ ra và bắt đầu viết.

*Vùng quê nơi mình đang ở thật lạ. Nó gọi cho mình về một nơi nào đó mà mình đã từng đọc trong sách nhưng trước đây chưa bao giờ đến. Phía ngoài cửa sổ mình có thể nghe tiếng một dòng sông nước cuốn nhanh, và trong thung lũng sau nhà có cả rừng, vách đá và những đỉnh núi tuyết phủ. Hôm nay mình thấy một con đại bàng hoang và một con hươu, và mình đã cửa và bổ xong hơn bảy mét khối củi.*

Anh bỏ bút xuống và lấy hai tay ôm đầu một lúc. Thoáng chốc anh đứng lên, cởi quần áo và tắt đèn. Khi đã nằm trong giường rồi anh mới nhận ra cửa sổ còn để mở. Nhưng anh không dậy, nghĩ thầm như thế cũng tốt. ■

LÂM VŨ THAO

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh Kindling theo bản đăng trên tạp chí Esquire, July 1999

Raymond Carver sinh ngày 25.5.1938 tại Oregon trong một gia đình nhập cư từ Arkansas đến. Ba năm sau gia đình ông chuyển đến Yakima (Washington) và tuy không còn bao giờ trở lại Oregon, nhưng khung cảnh vùng tây bắc Thái Bình Dương nơi đó mãi in đậm trong tâm hồn và văn chương của Carver. Năm 1983 trong một cuộc phỏng vấn cho tờ *Paris Review*, ông nói: "Nếu như tôi có ý thức lấy một nơi nào đó làm khung cảnh cho truyện... thì tôi muốn nơi đó là vùng tây bắc Thái Bình Dương".

Carver lấy vợ sớm khi ông mới 19 tuổi và vợ 16 tuổi. Để nuôi sống gia đình ông đã làm đủ mọi việc "tạp nham" như lời ông nói: hái hoa tuy líp, quét dọn bệnh viện, lao động ở nhà máy cửa. Năm 1963 ông lấy được tấm bằng cử nhân ở trường Humboldt. Giữa hoàn cảnh sống nghèo đói, lo nuôi nấng con cái, phải chuyển chỗ ở liên tục, Carver bắt đầu cầm bút viết truyện. Vừa xuất hiện cây bút trẻ đã được chú ý. Ngay cái truyện in thứ hai "Furious Seasons" đã được sơ tuyển vào tập Truyện ngắn Mỹ hay nhất năm 1964 (*Best American Short Stories*, 1964).

Từ đó tên tuổi Raymond Carver, nhà truyện ngắn, ngày càng nổi tiếng và có vị trí vững chắc trên văn đàn Mỹ. Các truyện của ông xuất hiện trong các tuyển tập quan trọng, trong đó có ba lần của *Best American Short Will You Please Be Quiet, Please* (1976) lọt vào chung kết giải thưởng sách quốc gia 1977. Ông là người được nhận giải Harold and Mildred Strauss trao cho nhà văn còn sống với điều kiện bắt buộc ông phải nghỉ dạy học để viết văn trong năm năm. Trước khi mất ít lâu, Carver đã được bổ vào Viện Hàn lâm văn chương và nghệ thuật Mỹ.

Danh tiếng đi kèm với tai tiếng: Carver ly hôn vợ sau 25 năm chung sống và nghiện rượu. Bệnh rượu của ông bắt đầu nghiêm trọng từ năm 1967, tới mức nặng nhất vào giữa những năm 1970, khi ông thường xuyên bị nhốt giữ, đưa vào bệnh viện và các trung tâm cai nghiện. Đến năm 39 tuổi ông bỏ rượu vĩnh viễn, quyết định này đã mở đầu một thời kỳ sáng tác mạnh mẽ và có nhiều thành tựu của ông. Truyện "Mối lửa" chính là phản ánh tâm trạng của ông trong thời kỳ cai nghiện. Câu chuyện kể về trải nghiệm hồi phục của một người nghiện rượu. Nhân vật Myers sau khi từ trại cai rượu về đã tìm đến một nơi xa lạ, thuê phòng ở, và đặt mình trong khung cảnh mới để tìm lại mình. Tiếng nước sôi róc ngày đêm của con sông chảy nơi vùng đất lạ đã tẩy rửa cơ thể và tâm hồn anh. Anh nhập mình vào dòng nước chỉ nghe mà không thấy để trôi đến những bến bờ mới, những cảnh giới khác. Anh nhận phần bổ củi cho chủ nhà trọ để được cái xác, cái hồn, trở thành một con người mới tinh khôi. Như củi để làm mối cho lửa. Tên truyện nguyên văn *Kindling* dịch "mối lửa" cần nên hiểu theo nghĩa bóng, nghĩa biểu tượng.

Văn Raymond Carver giản dị, tinh tế. Ông sửa chữa, gọt giũa các truyện không biết mệt mỏi, đôi khi một truyện ông viết đến hai chục bản nháp. "Nghệ thuật nhìn cứ tưởng dễ như không, kỳ thực nó đòi hỏi phải làm việc nhiều", ông nói năm 1982. Carver thường được gọi là nhà văn "tối giản" (minimalist). Với từ này, độc giả muốn nói tới sự ngắn gọn, súc tích của Carver khi ông tung ra quá đăm chiêu xúc mạnh mẽ trong truyện, còn giới phê bình muốn chỉ sự đơn giản hóa hết mức, không thể đơn giản hơn được nữa. Tuy nhiên, về phần mình, Carver, không thích được gọi là "nhà văn tối giản". Trong một cuộc phỏng vấn, khi được hỏi "Nhiều người thấy có dấu vết "chủ nghĩa tối giản" của ông trong phong cách của các nhà văn trẻ", Carver đáp: "Các nhà phê bình thường dùng thuật ngữ "nhà văn tối giản" khi bàn về văn của tôi. Nhưng nhân mác đó khiến tôi bức mình: nó gợi lên cái ý là tầm nhìn cuộc sống hạn hẹp, ham muốn thấp kém, chân trời văn hóa bị giới hạn. Nói thẳng ra, tôi nghĩ đó không phải là trường hợp của tôi. Hiên nhiên, văn tôi có độ nghiêm túc và có xu hướng tránh mọi sự thái quá. Có một câu nói của Hemingway đã trở thành phương châm của tôi: "Văn xuôi là kiến trúc. Với thời Baroque đã qua." Từ năm 1981, với truyện "Cathedral", ông bắt đầu chú trọng dành ngôn ngữ nhiều hơn cho cảm xúc.

Quả là học văn Raymond Carver người ta thường nghĩ tới văn phong của Ernest Hemingway. Ông giải thích điều này: "Tôi đọc Hemingway nhiều. Khi ở tuổi 19, 20 tôi đã đọc nhiều và Hemingway là một phần những cái tôi đã đọc. Hemingway hấp dẫn tôi hơn Faulkner chẳng hạn, người mà tôi cũng đọc vào lúc ấy. Tôi chắc chắn là mình đã học được nhiều từ Hemingway, đó là điều không còn gì phải nghi ngờ, đặc biệt là những tác phẩm hồi đầu của ông. Tôi thích tác phẩm của ông. Nếu tôi được so sánh với ông thì đó là một vinh dự cho tôi. Đối với tôi, câu văn của Hemingway là thơ. Chúng có nhịp, có phách. Tôi có thể đọc lại những truyện hồi đầu của ông mà vẫn thấy chúng mới mẻ, lạ lẫm như trước. Chúng vẫn đủ sức nóng khiến tôi bùng cả người lên như trước. Ông nói văn xuôi là kiến trúc và thời Baroque đã qua. Điều đó hợp với tôi. Flaubert cũng nói điều tương tự, rằng các từ giống như những hòn đá dùng để xây bức tường. Tôi tin điều này hoàn toàn. Tôi không thích những nhà văn cầu thả cứ thả rông từ ngữ chạy rông, không nắm bắt được."

Một trong những truyện ngắn cuối cùng ông đăng trên tờ *New Yorker* có tên "Errand" kể về những ngày quanh cái chết của nhà văn Nga Chekhov vì bệnh lao tại khách sạn Badenweiler. Truyện đăng ngày 1.6.1987, và ba tháng sau, Carver bị ho ra máu. Ngày 1.10.1987 ông bị chẩn đoán ung thư phổi, khi một thùy phổi trái đã bị mổ cắt đi. Ngày 2.8.1988 ông mất ở tuổi 50. Hai tháng trước khi mất, ông đã cưới vợ mới là người bạn gái đã quen biết mười năm. Raymond Carver được chôn tại nghĩa trang nhìn ra biển ở Port Angeles.

Trên bìa mộ có ghi bài thơ *Gravy* của ông và một đoạn sau:

## MẢNH VỠ MUỘN

*Và anh đã mang theo được cái mà anh muốn từ cuộc đời này chứ? Tôi đã mang theo được. Và anh còn muốn được gì nữa? Được gọi mình là người yêu dấu, cảm thấy mình là người được yêu dấu trên trái đất.*

Ở Việt Nam, truyện ngắn của Raymond Carver chưa được dịch nhiều. Thơ và tiểu luận của ông lại càng ít hơn. Tác phẩm gần đây nhất của ông ở nước ta là tập truyện *Mình nói chuyện gì khi mình nói chuyện tình* (Dương Tường - Nguyễn Hạnh Quyền dịch, Nhã Nam và nxb Văn Hóa Sài Gòn ấn hành, 2009). Những truyện ngắn ít chữ nhưng ý ngoài lời, ngoài văn bản. Đọc R. Carver để thấy truyện ngắn là thể loại còn nhiều khả năng mời gọi người viết khám phá, khai triển, dù ở bất cứ trường phái, trào lưu nào. Với chủ nghĩa hậu hiện đại, kiểu truyện thể này chừng như lại thích hợp.

NGÂN XUYẾN

# TRÒ CHƠI

(Tiếp theo trang 7)

điều khiển, nghiên cứu Nhập môn thị trường, đập đập quả bóng cao su xuống nền nhà một cách chăm chú, đều nhịp. Hẳn về như ít bị tác động bởi hoàn cảnh chúng tôi làm vào hơn tôi bị. Hẳn thần nhiên. Hẳn không nói gì. Nhưng hẳn đã đưa ra một số đề nghị, một số đề nghị đã được đưa ra. Tôi không chắc là tôi hiểu chúng. Chúng có điều gì đó phải làm với những chiếc chìa khóa, với những ổ khóa. Shotwell có điều gì đó trong đầu. Thần nhiên hẳn gỡ mảnh giấy bạc bọc món enchidallas đông lạnh, thần nhiên hẳn tống chúng vào lò điện. Nhưng hẳn có điều gì đó trong đầu. Nhưng chắc đó phải là một điều lẫn lộn. Tôi khẳng khẳng đó là một điều lẫn lộn. Tôi có điều gì đó trong đầu.

Tôi không khỏe. Tôi không biết mục tiêu của chúng tôi. Họ không nói cho chúng tôi biết thành phố nào chim được nhằm tới. Tôi không biết. Điều ấy đã được lên kế hoạch. Điều ấy không thuộc trách nhiệm của tôi. Trách nhiệm của tôi là theo dõi bảng điều khiển và khi có những sự kiện xảy ra phía trên bảng điều khiển thì vận chia trong khóa. Shotwell đập đập quả bóng cao su xuống nền nhà một cách chăm chú, đều nhịp. Tôi khao khát được động tay vào quả bóng, vào bộ jacks. Chúng tôi ở đây đã một trăm ba mươi ba ngày vì sự giám sát. Tôi viết lên những bức tường. Shotwell hát "một này, hai này, ba này, bốn này" bằng một giọng chính xác, ngân nga. Giờ hẳn khum tay lại dựng bộ đồ chơi đốt xương và quả bóng cao su rồi lắc lắc chúng một cách khêu gợi. Tôi không biết thành phố nào chim được nhằm tới. Shotwell bốn chốn.

Tôi dịch truyện ngắn này, đi theo lời kể của nhân vật xưng "tôi", thoát đầu chưa hiểu chuyện gì trong truyện. Nhất là đoạn này: "Shotwell và tôi theo dõi cái bảng điều khiển. Shotwell và tôi sống dưới đất và theo dõi cái bảng điều khiển. Nếu có sự kiện nào xảy ra ở phía trên cái bảng điều khiển, chúng tôi sẽ cho chia khóa vào những ổ khóa thích hợp và vận khóa. Shotwell có một chìa và tôi có một chìa. Nếu chúng tôi cùng vận khóa một lúc thì chim sẽ bay, một số công tắc sẽ hoạt động và chim sẽ bay. Nhưng chim chưa bao giờ bay. Trong một trăm ba mươi ba ngày chim đã không bay. Khoảng thời gian đó Shotwell và tôi quan sát nhau. Mỗi tháng tôi có một khẩu 45 và nếu Shotwell có hành động tỏ ra khác lạ tôi được phép bắn hắn. Còn nếu tôi có hành động khác lạ Shotwell được phép bắn tôi. Chúng tôi theo dõi cái bảng điều khiển và nghĩ về việc bắn nhau và nghĩ về chim." Sao lại "chim" gì ở đây khi hai người ở dưới mặt đất? Cái từ "chim" sẽ được lặp lại nhiều lần trong lời kể, cùng với điệp khúc tính thời gian "một trăm ba mươi ba ngày chim chưa bay". Tôi dịch, vừa cố bám sát nguyên văn câu chữ vừa cố hiểu truyện. Và rồi khi dịch xong thì cái đoạn dẫn ra ở trên là mấu chốt để hiểu. Hai người trong truyện là hai người lính. Họ ở dưới mặt đất, trong một căn cứ quân sự, với nhiệm vụ sẽ mở khóa bảng điều khiển để cho "chim bay" khi có chuyện gì xảy ra ở phía trên. Như thế, "chim" nghĩa là "tên lửa". Nhà văn dùng từ "chim" thay cho cái từ vũ khí và mô tả tâm trạng của hai người lính căng thẳng trong "một trăm ba mươi ba ngày chim chưa bay" và thực ra họ không muốn "chim bay", để thể hiện một thực tế thời kỳ chiến tranh lạnh. "Trò chơi" xuất bản năm 1965, khi chiến tranh lạnh đang ở đỉnh điểm. Nhưng vượt thoát khỏi hoàn cảnh lịch sử đó, truyện còn là để nói cái tình cảnh phi lý, mất tự do của con người trong thế giới hiện đại. Lo âu, sợ hãi trước đoạt tự do của con người. Nhà văn sử dụng nhiều câu lặp đi lặp lại trong lời kể của nhân vật để nói cái sự bế tắc, rối trí của con người muốn tìm cách thoát khỏi tình thế hiện hữu bị lâm vào.

NGÂN XUYỀN

Thỉnh thoảng tôi không thể ngủ. Thỉnh thoảng Shotwell không thể ngủ. Thỉnh thoảng khi Shotwell bế tôi trong tay hắn và đưa cho tôi ngủ với bài hát của Brahms "Guten abend, gut Nacht.", hoặc khi tôi bế Shotwell trên tay mình và cũng đưa hát ru hắn ngủ, tôi hiểu điều Shotwell muốn tôi làm. Những lúc như

thế chúng tôi rất gần nhau. Nhưng chỉ nếu là hẳn sẽ đưa cho tôi bộ đồ chơi đốt xương. Thế mới là hay. Có điều gì đó hẳn muốn tôi làm với chiếc chìa khóa của tôi, trong khi hẳn làm điều gì đó với chiếc chìa khóa của hẳn. Nhưng chỉ nếu là hẳn sẽ cho tôi vận khóa của tôi. Thế mới là hay. Tôi không khỏe. ■

NGÂN XUYỀN

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh

## CÓ MỘT ÔNG LÃO SỐNG VỚI VỢ CỦA MÌNH(\*)

(Tiếp theo trang 6)

được đi trên con đường ấy mà lên thiên đường không cơ đấy. Có những tội lỗi...

- Tôi biết tội của bác rồi, - bà lão không chấp thuận. Nhưng mà bác thấy đấy, ông lão nhà tôi cũng mắc cái tội y như của bác, vậy mà vẫn được lên thiên đường. Còn về chuyện đuổi kịp, thì bác đừng nói, kéo người ta cười cho. Ông lão nhà tôi có một chân, chưa ló cò xa được đâu. Giả thử bác chết vào ngày mai, ấy là tôi chỉ giả thử thôi, chứ không dám giục bác, thì ngày kia là bác đuổi kịp ông ấy rồi. Ông ấy chẳng đi đâu mất đâu...

Ông già tiếp tục nghĩ ngợi. Nhưng lúc đó cô con dâu đã xen vào câu chuyện. Nãy giờ cô chỉ ngồi nghe.

- Nếu như ở đây quả thật có cái gì đó, - cô mím môi, nói, - chúng con xin bố để một bao hạt dẻ vào quan tài. Ông anh tội nghiệp của con lúc còn sống thích hạt dẻ lắm...

Tất cả các cô con dâu đều giống nhau, lúc nào cũng chen ngang, - bà lão nghĩ bụng.

- Này, các người, tôi thấy hình như các người muốn biến cỗ quan tài của tôi thành cái xe chở hàng đấy! - ông già kêu lên, rồi quay sang bà lão, nói thêm: - Tuần sau bà tới đây, lúc ấy tôi sẽ trả lời dứt khoát.

- Liệu có muốn không bác? - Bà lão hỏi, rõ là cố khắc phục sự tế nhị của mình, - Là tôi hỏi vậy, chứ không có ý

giục bác.

- Không muốn, - ông lão trả lời chắc chắn rồi làm một hơi thuốc.

Chuyện chỉ tới thế, bà lão ra về. Khi về tới nhà, vừa bước chân vào bếp, bà nhìn thấy một cảnh tượng hoàn toàn bất ngờ. Thằng cháu hay riêu cột của bà cùng với cái chân băng bó, chống đôi nạng của ông nội đứng giữa bếp.

- Chuyện gì thế này, mày bị làm sao thế hả cháu? Bà lão hốt hoảng, cuống lên.

Hoá ra, khi bà đi tới nhà ông lão sắp chết, thì cậu quý tử trèo lên cây để hái những quả óc chó, thế nào đạp phải một cành khô, cành gãy, cu cậu rơi từ trên cây xuống, chân bị gãy khá nặng.

- Nặng bị dùng rồi, - thằng cháu nói,

**Nhại cốt truyện Ông lão đánh cá..., song với một cốt truyện trái chiều. Trong truyện của Puskin, mẹ vợ ông lão đánh cá là một bà già tham lam, bướng bỉnh và ích kỷ vô độ. Ngược lại, bà già trong truyện của Iskander là người nhân hậu, thương yêu chồng con, gia đình nhất mực, cũng bướng bỉnh, song sự bướng bỉnh rất dễ thương vì nó xuất phát từ tình yêu thương và đức hy sinh vì người khác.**

**Lời kể truyện của truyện ngắn cũng đầy hơi hường của kể chuyện cổ tích: ngôn ngữ giản dị giàu biểu tượng, sự hóm hỉnh dân giã cùng kết cấu, nhịp điệu hài hòa.**

**Nhại cốt tích dân gian, lấy chuyện xưa nói đời nay, nằm trong hệ thống những riêu nhại phong phú của văn học hậu hiện đại và nó được sử dụng thành công ở truyện ngắn này.**

- cảm phiền ông nội đợi cho một tháng.

Bà lão yêu ông lão của mình, nhưng bà cũng rất yêu thằng cháu hay cột nhà này. Hiện giờ cháu bà cần nạng hơn. Ông nó có phải đợi một tháng cũng chẳng sao, bà nghĩ, đường tới thiên đàng thời tiết đâu có xấu như ở ta. Và lại, ông lão mà bà vừa tới thăm, cứ theo như bà đã quan sát, thì có thể giữ được một tháng nữa, có khi còn hơn thế. Nhìn khó bay từ chiếc tàu của ông ấy thì biết.

Nhưng có một chuyện thật đáng ngạc nhiên - ông lão của bà không thấy hiện về trong giấc ngủ để đòi nạng nữa. Hoàn toàn không thấy hiện về. Chắc hẳn ẩn đâu đó để chờ thằng cháu lành chân. Mỗi sáng nằm nhớ lại những giấc mơ cũ, bà lão lại thương chồng. Thế rồi thằng

cháu bỏ nạng, vậy mà ông nó vẫn không thấy về trong giấc ngủ của bà. Không khéo cứ nhảy lò cò thế mà cũng tới được thiên đường rồi cũng nên, chắc là phải bám vào những bụi cây ven đường. Bà lão nghĩ vậy thấy yên tâm hẳn.

Còn ông lão sắp chết, sau chuyến tới thăm của bà, bỗng nhiên khoẻ hẳn, trở nên nhanh nhẹn lạ thường, tới mức không được lịch thiệp lắm đối với một cụ già. Quả là ông rất không muốn mang theo vào quan tài mình nạng của người khác. Thì tự ái chứ: cả đời đi đứng bình thường, tự dưng lại để nạng trong quan tài bao giờ. Ông lão ấy sống cho tới tận giờ, mặc dù từ đó tới nay đã năm năm trôi qua. Ông chân dề trong rừng, ngày ngày chặt những cành dẻ tơ cho chúng ăn, cả những lúc đó cũng không rời cái tàu khỏi miệng.

Chát một nhát ri! Khả một hơi thuốc! Chát một nhát ri! Khả một hơi thuốc! Chát một nhát ri! Khả một hơi thuốc! Thần chết nhìn từ xa nghiêng răng trèo tre: cái thế giới này giá có nổ tung thì lão già đáng nguyên rủa kia cũng chẳng thêm để ý! Đành phải đợi dẻ của lão ăn no đã.

Và tất cả chúng ta cũng sẽ sống, một khi ông lão vẫn: "Chát một nhát ri! Khả một hơi thuốc!" Còn đàn dẻ thì chẳng bao giờ biết đến thế nào là no. ■

ĐÀO TUẤN ANH

Dịch từ nguyên bản tiếng Nga

(\*) Ở đây tác giả mượn môtip truyện cổ tích "Ông lão đánh cá và con cá vàng" của A. Puskin: "Ngày xưa ngày xưa có một ông lão sống với mẹ vợ của mình...". Tuy nhiên diễn biến câu chuyện theo hướng ngược lại với truyện cổ tích. Tác giả đã mượn hơi cổ tích để nói về ngày hôm nay (ND).

# GUỒNG NƯỚC

(Tiếp theo trang 17)

khắc ta được nhìn lại tất cả những thứ này. Ta muốn trở thành bất tử, để không bao giờ phải rời xa thành phố này, mảnh đất này, để được ngắm nhìn nó mãi mãi.

Đôi mắt sâu hút của nó phản chiếu khung cảnh rực rỡ xung quanh họ. Juba nhìn ngắm mãi thành phố, những ngôi nhà trắng, những vườn thượng uyển, những vườn cọ. Yol chấp chớn trong ánh mặt trời đứng bóng, nhẹ nhàng và phi thực như ánh nắng phản chiếu trên những hồ muối rộng. Gió thoảng qua khẽ rung mái tóc nàng Cléopâtre Séléné, gió mang tiếng rì rầm đơn điệu của biển lên tận đỉnh đến thờ.

Cô gái trẻ khẽ gọi tên nó:

Juba...Juba ?

Cha ta đã thất bại và chết ngay tại nơi này Juba nói.

Người ta dẫn ta về Rome như một kẻ nô lệ. Nhưng hôm nay thành phố thật đẹp, và ta muốn nó đẹp như vậy vĩnh viễn. Ta không muốn thành phố nào đẹp hơn thành phố này nữa. Người ta sẽ dạy triết học, khoa học về các vì tinh tú, khoa học về các con số và con người từ khắp thế giới sẽ về đây học hỏi.

Cléopâtre Séléné nghe vị vua trẻ nói mà không hiểu gì cả. Nhưng nàng cùng nhìn về thành phố, nàng nghe tiếng rì rầm của điệu nhạc đang xoay quanh đường chân trời. Nàng gọi tên Juba như đang khẽ hát :

Juba ! Eyaaa-ô!

Ở đây, ngay giữa thành phố này, những ông thầy sẽ dạy ngôn ngữ của các vị thần. Những đứa trẻ sẽ học cách tiếp nhận tri thức, những nhà thơ sẽ ngâm tác phẩm của họ, những nhà thiên văn học sẽ dự đoán tương lai. Sẽ không có vùng đất nào giàu có hơn, không có dân tộc nào an bình hơn. Thành phố sẽ rực rỡ những báu vật của tinh thần, của thứ ánh sáng này.

Khuôn mặt của vị vua trẻ rạng ngời giữa ánh sáng rực rỡ quanh đến Diane. Đôi mắt nó nhìn xa xăm, qua bên kia những tường thành, qua bên kia những quả đồi, đến tận cái rốn của biển.

"Những người thông thái nhất của vương quốc ta sẽ đến đây, trong đến thờ này, cùng với thư lại, và ta sẽ cùng họ thiết lập lịch sử của vùng đất này, lịch sử của những con người, những cuộc chiến, những đỉnh cao của nền văn minh, cùng lịch sử của những thành phố, của những vương quốc núi đồi, của những bờ biển, từ Ai Cập đến tận xứ Cerné."

Juba nhìn người dân Himyar đang qua lại trong những con đường đi quanh đến thờ, nhưng nó không nghe những gì họ nói, nó chỉ lắng nghe tiếng rì rầm đơn điệu của biển.

"Ta đến đây không phải để trả thù." Juba nói.

Nó nhìn vị hoàng hậu trẻ tuổi đang ngồi kế bên nó.

"Con trai Ptolémé của ta sẽ ra đời", nó nói tiếp. "Nó sẽ trị vì tại đây, ở Yol, và hậu duệ của nó sẽ tiếp tục trị vì ở đây sau nó, vĩnh viễn."

Rồi nó đứng dậy, trên bệ thờ, đối diện với biển. Ánh sáng chói lòa phủ lên nó, ánh sáng đến từ trời cao làm những bức tường cẩm thạch, những ngôi nhà, những cánh đồng, những quả đồi đều rực rỡ. Ánh sáng đến từ trung tâm của bầu trời, bất động trên mặt biển.

Juba không nói nữa. Khuôn mặt của nó giống như một lớp mặt nạ bằng đồng, và ánh sáng chiếu rực vầng trán của nó, trên sống mũi cong cong của nó, trên đôi má của nó. Đôi mắt sâu hút của nó long lanh cảnh biển

cả ngoài kia. Quanh nó, những bức tường trắng và những phiến đá tổ ong run rẩy và chấp chớn, như ánh mặt trời phản chiếu trên hồ muối rộng. Khuôn mặt Cléopâtre Séléné cũng bất động, sáng ngời, bình thản như mặt một bức tượng.

Đứng bên nhau, vị vua trẻ và hoàng hậu của mình ở ngay giữa bệ thờ, và thành phố xoay vần chậm chậm quanh họ. Điệu nhạc đều đều của những bánh xe bí ẩn lấp đầy đôi tai họ, hoà vào âm thanh của sóng biển đang vỗ vào bờ đá. Dường như có một điệu hát, một giọng người vọng lại từ xa, đang gọi :

"Juba ! Ju-uuu-baa!"

Bóng tối lan rộng trên mặt đất, khi mặt trời đi dần về phương tây, bên trái ngôi đền. Juba thấy những toà nhà khổng lồ run rẩy và tan biến dần. Chúng trôi đi như mây trời, và âm nhạc của những bánh xe, trên trời và trên biển, càng lúc càng lớn lên, tiếng kết kết càng rõ hơn. Có những đường tròn trắng trong bầu trời, những ngọn sóng dâng lên hạ xuống. Những tiếng người nhỏ dần, lùi ra xa, biến mất không còn vết dấu. Thỉnh thoảng người ta lại nghe nhịp điệu của một bài ca, tiếng kèn tuba, tiếng sáo lạnh lốt và tiếng trống. Hay tiếng lạc đà ậm ừ sâu trong cổ họng, gần những cửa thành. Bóng tối xám xịt lan rộng trên những ngọn đồi, tiến về thung lũng hạ nguồn của dòng sông. Duy đến thờ vẫn đang được mặt trời chiếu sáng, đến thờ đứng sừng sững giữa thành phố như một con tàu đá.

Giờ đây Juba đứng một mình giữa đồng đồ nát của Yol. Những ngọn sóng chậm chậm tràn qua những khối đá cẩm thạch đã vỡ vụn, làm đục ngầu mặt biển. Những cột trụ nằm yên dưới nước sâu, những thân cây lớn đã hoá thạch vùi sâu giữa đám rong rêu, những bậc thang chìm ngấm. Chẳng còn đàn ông đàn bà, cũng chẳng còn bọn trẻ. Thành phố giống như một nghĩa địa run rẩy trong lòng biển, và những đợt sóng cứ lên ập vào những bậc thang cuối cùng của đến thờ Diane, như một bãi ngấm ngôn ngữ. Vẫn còn đó cái âm thanh đơn điệu, tiếng rì rầm của biển. Những bánh xe răng cưa lớn vẫn đang kết kết vẫn đang rì rì khi đôi bò bị móc vào phiến gỗ bước đi ngày càng chậm trên lối đi hình cánh cung. Trên bầu trời xanh thẳm, nét thon thon của mặt trăng đã lấp ló và chiếu sáng mát dịu.

Lúc đó Juba tháo tấm khăn trắng đang trùm đầu. Nó run run vì cái lạnh của đêm đến rất nhanh. Tay chân nó cứng đờ, và miệng nó rất bỏng. Nó khum bàn tay lại, vốc một vốc nước trong chiếc gầu giờ đã đứng yên. Khuôn mặt nó đã sạm lại, thậm chí là cháy đen dưới cái nóng hầm hập của mặt trời. Đôi mắt nó nhìn những cánh đồng đất đỏ trải rộng, ở đó lúc này chẳng còn ai nữa. Lũ bò đã dừng lại ngay giữa lối đi hình cánh cung của chúng. Những bánh xe lớn bằng gỗ không xoay nữa, nhưng vẫn còn kêu răng rắc và kẹt kẹt, và sợi dây đai dài bằng da thuộc vẫn còn run run.

Juba thả tháo sợi dây cột bò, đỡ phiến gỗ nặng ra. Đêm đã bắt đầu tràn lên mặt đất, bên kia dòng Azan. Cạnh các ngôi nhà, than hồng đã nhóm, và những người phụ nữ đang đứng bên bếp lò.

"Ju-uuu-baa ! Ju-uuu-baa !"

Cũng cái giọng thanh thanh như đang hát đó gọi nó từ một nơi nào bên kia những cánh đồng khô hạn. Juba quay lại nhìn một chốc rồi nó dắt bò xuống ngọn đồi đá. Đến chân ngọn đồi, Juba cột xích vào khoeo chân bò.

**Dưới sức nóng sa mạc và cái buồn tẻ của guồng nước kết kết và rì rít, Juba này thấy Juba khác, mà hai Juba không hề phân biệt nhau. "Một" Juba ấy kinh nghiệm liên tục về cuộc sống từ sáng sớm đến chiều tối, trong một không gian duy nhất: sa mạc. Tất cả xoay tròn xoay tròn trong tiếng rì rầm của biển. Để rồi từ đó độc giả thoả thích lựa chọn khởi đi từ một chi tiết nào đó: hình ảnh cái giếng, cái gầu, cái thử sinh nháo nháo trong ruộng... Tất cả đều có thể là một biểu tượng-chìa khoá, mỗi biểu tượng-chìa khoá lại giải mã những hệ thống biểu tượng khác nhau, tạo ra các tầng ngữ nghĩa khác nhau. Đó chính là lời mời đầy cảm dỗ viết lại tác phẩm. Độc giả mới là tác giả (hay đồng tác giả, không chỉ cùng Le Clézio, mà còn với những độc giả khác) của tác phẩm. Văn bản như là cái guồng nước kết kết và rì rít xoay vòng xuất hiện ở khắp nơi trong không gian và thời gian trong những biểu hiện khác nhau. Đó là bản tính về khả năng được khai triển vô tận của một tác phẩm hậu hiện đại.**

**Nhưng hãy khoan, trước khi bước vào trò chơi diễn dịch vô tận, xin độc giả hãy ngắm nhìn cái văn bản "tình xáo cũ rích tình xáo" của J.M.G. Le Clézio.**

## 10 Truyện ngắn hậu hiện đại thế giới

Trong thung lũng hạ nguồn con sông chỉ còn im lặng mênh mông, cái im lặng bao phủ trời và đất như một mặt nước bình lặng không một gợn sóng nào. Đó là im lặng của đá.

Juba nhìn quanh mình, thật lâu, nó nghe tiếng lũ bò đang thở. Nước đã ngừng chảy trong kênh mương, đất đã uống sạch những giọt cuối cùng, qua vết rạn nứt của những rãnh cây. Bóng tối xám xịt đã che lấp cái thành phố trắng của những đến đài bóng bệ, của những tường thành, của những vườn cọ. Phải chăng vẫn còn lại ở đâu đó một toà nhà giống như một ngôi mộ, một mái vòm đá đã vỡ nát lún phún cỏ cây, không xa ngoài biển ? Phải chăng ngày mai, khi những bánh xe lớn bằng gỗ lại tiếp tục xoay vòng, khi lũ bò lại bước đi chậm chậm, vừa đi vừa thở, trên lối đi hình cánh cung, có lẽ lúc đó thành phố lại hiện ra , rất trắng, run rẩy và phi thực như ánh mặt trời phản chiếu? Juba ngoài nhìn lại một chút, nó chỉ nhìn những cánh đồng khô hạn trải dài, những cánh đồng đã thời không còn bị cái nắng thiêu đốt và đã đắm hơi nước của dòng sông. Nó dần đi xa, bước nhanh thật nhanh trên đường về, về phía những ngôi nhà và những con người đang chờ đợi nó.■

NGUYỄN VŨ HUNG

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp.

Rút từ J.M.G. LE CLÉZIO, *Mondo et autres histoires*, Gallimard, coll. Folio Plus, Paris, 1996. *La roue d'eau*, tr.155-172.

## BẢNG SO SÁNH GIỮA CHỦ NGHĨA HIỆN ĐẠI VÀ CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI CỦA IHAB HASSAN

(Rút từ *Toward a Concept of Postmodernism*, Ibid, p.591 - Lê Huy Bắc)

| Chủ nghĩa hiện đại                           | Chủ nghĩa hậu hiện đại                   |
|----------------------------------------------|------------------------------------------|
| Chủ nghĩa lãng mạn,<br>Chủ nghĩa tượng trưng | Pataphysics /<br>Chủ nghĩa Đa đo         |
| Hình thức (liên kết, đóng)                   | Phản hình thức<br>(Không liên kết, mở)   |
| Mục đích                                     | Trò chơi                                 |
| Sắp đặt                                      | Ngẫu nhiên                               |
| Tôn ti trật tự                               | Hỗn loạn vô chính phủ                    |
| Quyền chỉ phối / biểu tượng                  | Sự cạn kiệt / im lặng                    |
| Mục đích nghệ thuật /<br>Tác phẩm hoàn thành | Tiến triển / trình diễn /<br>đang xảy ra |
| Khoảng cách                                  | Tham dự                                  |
| Sáng tạo / toàn thể /<br>tổng hợp            | Không sáng tạo / bộ phận /<br>phản đề    |
| Hiện diện                                    | Vắng mặt                                 |
| Trung tâm                                    | Phân tán                                 |
| Thể loại / ranh giới                         | Văn bản / liên văn bản                   |
| Ngữ nghĩa học                                | Tu từ học                                |
| Mẫu (hệ biến hoá)                            | Cú pháp                                  |
| Câu phụ thuộc                                | Câu đẳng lập                             |
| Ẩn dụ                                        | Hoán dụ                                  |
| Tuyển chọn                                   | Kết hợp                                  |
| Gốc / sâu                                    | Rề / bề mặt                              |
| Giải thích / hiểu                            | Phản giải thích / khó hiểu               |
| Ý nghĩa                                      | Vật mang nghĩa                           |
| Văn bản độc giả                              | Văn bản nhà văn                          |
| Tự sự / Đại tự sự                            | Phản tự sự / Tiểu tự sự                  |
| Mã vận năng                                  | Vốn từ riêng                             |
| Triệu chứng                                  | Khát vọng                                |
| Cố định                                      | Không bền vững                           |
| Sinh sản / dương tính                        | Nhiều giai đoạn sinh sản /<br>lưỡng tính |
| Hoang tưởng                                  | Tâm thần phân liệt                       |
| Bản gốc / nguyên nhân                        | Bản sao / dấu vết                        |
| Đức chúa Cha                                 | Chúa Thánh thần                          |
| Lập luận thái quá                            | Mỉa mai                                  |
| Xác định rõ                                  | Không xác định rõ                        |
| Tính siêu việt                               | Phẩm chất vốn có                         |

C UỐI thế kỉ mười chín, nhân loại từng sống khi Friedrich Nietzsche (1844-1900) tuyên bố "Chúa đã chết". Đến khoảng giữa thế kỉ hai mươi, nhân loại lại bàng hoàng khi các nhà nghiên cứu cho rằng "Con người đã chết". Thế giới trở nên hư vô đến rợn ngợp. Chỗ dựa về tinh thần (Chúa) và chỗ dựa về lí trí (con người) đều không tồn tại, loài người rơi vào cơn hoang mang tột độ. Trên nền tảng của hai cái chết này, chiếu vào văn học, người ta tuyên bố thêm hàng loạt cái chết nữa: cái chết của chủ thể (M. Foucault), cái chết của tác giả (R. Barthes), cái chết của người đọc, cái chết của ngôn từ, cái chết của tiểu thuyết... Nhìn đầu chúng ta cũng bắt gặp những cái chết đầy rẫy theo kiểu đó.

Thế nhưng rốt cuộc chẳng có ai chết. Chúa vẫn sống và đương nhiên con người cũng vẫn sống, vẫn lạc quan hát bài ca tự do, hạnh phúc,.... như bao đời. Bằng chứng là chuông nhà thờ vẫn không ngừng vang trên Vatican cũng như khắp châu Âu và các

nhận thức lí tính đưa con người tiến sâu hơn vào vũ trụ, vào bản chất của sự sống, tồn tại. Chuyện tốt xấu bây giờ hầu như chỉ là quan niệm của một cá nhân, một cộng đồng. Chỉ có *Chúa với hư vô* mới là chuyện của toàn cầu, của những nhận thức lí tính và cảm tính.

Bản chất của câu chuyện hư vô này chính là sự phản đối độc tài, phản đối nguyên lí trung tâm luận, phản đối sự ngự tạo và cả một thiết chế ngôn ngữ đầy quyền uy bị lạm dụng bao đời... Hư vô chính là *cái sinh ra vạn vật* (gắn với triết học của Lão Tử) và nó sẽ dẫn được tri thức con người khám phá trong một ngày không xa.

Chủ nghĩa hậu hiện đại đề xuất nhiệm vụ đi tìm bản nguyên của con người và vũ trụ, đi tìm nền tảng của nhận thức và của cả cách thức tri nhận thế giới, qua đó hồng cất nghĩa đầu là tự do, hạnh phúc đích thực của con người. Mục đích tối hậu của nó một mặt thúc đẩy tri thức nhân loại tiến thêm, dùng khoa học, kĩ thuật làm nền tảng cho hành động, một mặt khách quan hóa cái nhìn về

giờ cũng hoành tráng, đầy tự tin và rất mạch lạc, logic... Đại tự sự cổ súy cho tính đại toàn. Trong khi đó diễn ngôn tiểu tự sự thì rụt rè, đầy hoài nghi, luôn đứt gãy và chẳng có chút nào là lên gân hay khoe mẽ... Tiểu tự sự khuyến khích tính dị biệt.

Nếu đại tự sự chấp nhận tính trung tâm, tuyệt đối hóa vai trò của một cá nhân hoặc một tín hiệu nào đó, thì tiểu tự sự lại phi trung tâm tất cả trung tâm, chấp nhận vai trò quan trọng của cái ngoại biên, xây dựng nhiều ngoại biên để cùng hướng đến trung tâm. Nếu đại tự sự thừa nhận tính tất nhiên và cho mọi thứ có thể lí giải bằng lí tính thì hậu hiện đại phủ nhận tất nhiên, bởi xem đó là *sản phẩm ngẫu tạo* (simulacra, chữ dùng của Baudrillard) do con người làm ra nhằm mục đích trục lợi nào đó. Vì vậy, tiểu tự sự tôn sùng tính ngẫu nhiên, đã phá sự sắp xếp theo những định hướng chủ đề nhất định...

*Hoàn cảnh hậu hiện đại* theo Lyotard là "sự hoài nghi đối với mọi đại tự sự". Từ quan niệm này, các nhà hậu hiện đại tránh lập

phụ thuộc vào ý đồ chủ quan của mỗi một nhà nghiên cứu. Nơi khởi xuất và phát triển mạnh của chủ nghĩa hậu hiện đại là ở Mỹ. Nhưng lí thuyết cơ bản về chủ nghĩa hậu hiện đại thì lại được các học giả Pháp dựng nên. Sau đó, không chỉ các nước Tây Âu sử dụng mà cả Nga, Trung Quốc, Nhật Bản,... những trung tâm kinh tế, xã hội lớn cũng sử dụng thuật ngữ này. Điều đó cho thấy, bất kì một quốc gia có nền kinh tế, nền khoa học kĩ thuật phát triển nào cũng đều không xa lạ với chủ nghĩa hậu hiện đại. Trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, dấu những nước có nền kinh tế, khoa học kĩ thuật chưa cao nhưng vẫn phải chịu sự tác động, vẫn chấp nhận sự xuất hiện và tồn tại của nó. Nhưng tùy vào đặc điểm riêng của từng quốc gia mà chủ nghĩa hậu hiện đại có những sắc thái khác nhau.

Tương ứng với thời hậu hiện đại thì khuynh hướng văn học hậu hiện đại ra đời.

Quan niệm về thời điểm ra đời và nội hàm khái niệm hậu hiện đại vẫn đang là vấn đề gây nhiều tranh cãi. Như chúng ta

# KHÁI NIỆM CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI VÀ TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI

PGS.TS LÊ HUY BẮC



Isaac Bashevis Singer (Mỹ)



Gunter Grass (Đức)



Gabriel Garcia Marquez (Colombia)



Doris Lessing (Anh)



Italo Calvino (Italia)

nhà khoa học, đứng đầu là nhà vật lí nổi tiếng người Anh Stephen Hawking vào đầu thế kỉ hai mốt quả quyết "Chúa không tạo nên vũ trụ". Nhận định này tạo nên một phản đề rằng trong nhận thức, tư duy của con người hậu hiện đại Chúa vẫn còn hiện diện và chỉ phối đến đời sống và nỗ lực của con người là dùng lí trí để xác quyết những vấn đề trước đây do ngu muội họ đã đặt vào tay Chúa.

Đối nghịch lại với Chúa là *hư vô*. Đây cũng chính là một trong những phạm trù triết học được Friedrich Nietzsche ưa chuộng. Đến nay, hư vô lại được Stephen Hawking sử dụng để giải thích nguồn gốc vũ trụ. Ông khẳng định trong cuốn sách *Thiết kế vĩ đại* (The Grand Design) vừa được xuất bản vào tháng 9 năm 2010 rằng nhờ lực hấp dẫn, "bản thân vũ trụ có thể được tạo nên từ hư vô". Từ đó nhà vật lí kết luận "Không nhất thiết phải cần đến Chúa để giải thích cho sự hình thành vũ trụ đang tồn tại này".

Xem ra thì mỗi bận tâm lớn nhất của nhà vật lí đang sắp bước qua độ tuổi "thất thập" (năm nay Stephen Hawking 68 tuổi) vẫn là chuyện trí tuệ con người phát triển đến đâu và có thể thay thế cho những nhận thức cảm tính kia không? Và khi nào là điểm dừng của lí tính?

Thời trung cổ và nhiều thời đại sau đó, Chúa không đối nghịch với hư vô mà đối nghịch với Quỷ sứ. Điều này đồng nghĩa với việc thiện đối nghịch với ác, tốt đối nghịch với xấu... nhân loại vẫn tin vào Chúa và lấy Chúa làm điểm tựa cho tư duy, hành động của mình. Sang thời hậu hiện đại, những

cuộc đời, giải phóng con người ra khỏi những định chế đã trở nên lỗi thời, kìm hãm bước tiến của nhân loại. Vì lẽ đó, không ít nhà nghiên cứu cho rằng, chủ nghĩa hậu hiện đại ra đời vào những giai đoạn khủng hoảng của lịch sử loài người và tất nhiên nó không phải là sản phẩm của thế kỉ hai mươi mà là của nhiều thế kỉ trước...

Đây là chuyện đáng bàn. Tuy nhiên, theo thủy tổ của chủ nghĩa hậu hiện đại Francois Lyotard (1924-1998) thì hậu hiện đại có *mối quan hệ mật thiết* với chủ nghĩa hiện đại thế kỉ hai mươi. Theo đó, ông không xem chủ nghĩa hậu hiện đại là kết quả, là con đẻ hay là sự phủ nhận chủ nghĩa hiện đại mà là "xử lí lại một số đặc điểm của hiện đại, nhất là tham vọng của nó trong việc đặt cơ sở cho để án giải phóng toàn bộ nhân loại bằng khoa học và kĩ thuật".

Đến đây chúng ta phần nào tiếp cận với cặp đôi khái niệm *Đại tự sự* (Grand Narrative) và *Tiểu tự sự* (Petit Narrative) của triết gia Francois Lyotard. Hiểu một cách giản đơn, đại tự sự là những gì đã được định hình, đúc kết thành nguyên lí, có tính chỉ đường, định hướng cho hành động con người, có khả năng "hợp thức hóa" một tư tưởng hay một quan điểm xã hội, hay quan điểm sống nào đó... Ngược lại, tiểu tự sự là những gì đang trên quá trình hình thành, chưa thành khuôn mẫu, chỉ đề xuất hoặc gợi mở một khả năng chân lí, một nguyên tắc hành động nào đó mà thôi... Đại tự sự thuộc về chủ nghĩa hiện đại và các thời trước đó. Tiểu tự sự thuộc về chủ nghĩa hậu hiện đại. Diễn ngôn đại tự sự bao

thuyết bởi nếu lập thuyết thì bản thân họ lại rơi vào đại tự sự. Do vậy, để nhận thấy mỗi lí thuyết gia chỉ chọn cho mình một lĩnh vực, họ đề xuất một hoặc vài khái niệm nào đó. Nếu muốn hiểu hậu hiện đại thì người đọc phải ghép nối các mảng tri thức của các triết gia (Francois Lyotard, 1924 - 1998, Jacques Derrida, 1930-2004...), các nhà xã hội học (Jean Baudrillard, 1929 - 2007...), các nhà sử học (Michel Foucault, 1926 - 1984), các nhà phê bình văn học (Roland Barthes, 1915-1980; Julia Kristeva, 1941-)... để tự mình đưa ra cách hiểu riêng về chủ nghĩa này.

*Hậu hiện đại*<sup>20</sup> (Postmodern) là khái niệm được dùng để chỉ một giai đoạn phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật, nghệ thuật cao của nhân loại. Nó ra đời khi mà các chủ thuyết hiện đại đã trở nên già cỗi, đã trở thành những đại tự sự. Lyotard xác định: "Hậu hiện đại là sự hoài nghi đối với các siêu tự sự. Nó hiển nhiên là kết quả của sự tiến bộ của các khoa học; nhưng sự tiến bộ này đến lượt nó lại tiến giả định sự hoài nghi đó. Tương ứng với sự già cỗi của cơ chế siêu tự sự trong việc hợp thức hóa là sự khủng hoảng của nền triết học siêu hình học, cũng như sự khủng hoảng của thiết chế đại học phụ thuộc vào nó".

Thời hậu hiện đại sản sinh ra *Chủ nghĩa hậu hiện đại* (Postmodernism). Đây là một *khái niệm mở* bởi việc xác định nội hàm và thời điểm ra đời của nó thì dường như luôn

đã biết, một hiện tượng văn học muốn trở thành khuynh hướng, muốn được định danh thì phải đáp ứng được hai tiêu chí cơ bản sau: *tính lịch sử* và *nội hàm khái niệm*.

Chúng tôi đề xuất cách hiểu khái niệm *Chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học* như sau: Bắt đầu từ thơ Đa đa (1916), truyện của Franz Kafka (1883-1924) và kịch Phi lí từ những năm 1950, chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học thực sự phát triển mạnh vào những năm 1960. Đây là khuynh hướng tiếp nối chủ nghĩa hiện đại hồng giải quyết những vướng mắc của chủ nghĩa hiện đại với tham vọng dùng khoa học để giải phóng thực sự con người thoát khỏi cuộc sống và những tín hiệu tăm tối. Chủ nghĩa hậu hiện đại gắn với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghệ thông tin, của sự phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật vượt bậc, của thành tựu đô thị hoá,... được thể hiện ở cả ba phương diện thơ, kịch, văn xuôi với các đặc điểm chính: đa trị, huyền ảo, lắp ghép, mảnh vỡ, cực hạn, phi trung tâm, phi mạch lạc; hạn chế tối đa vai trò thống trị của người kể chuyện, không quan tâm đến cốt truyện, kịch và văn xuôi mang nhiều đặc điểm của thơ.

Chủ nghĩa hậu hiện đại chấp nhận tính dị biệt. Có thể nói đây chính là khuynh hướng dung nạp một *tổ hợp dị biệt*, nhưng không với ý đồ nhất thể hóa chúng mà chỉ để dị biệt hóa chúng hơn.

*Tính tổ hợp* được nhìn thấy trước tiên qua vấn đề *hỗn dung thể loại*. Chẳng hạn ở truyện ngắn, do đặc trưng cơ bản của thể

(Xem tiếp trang 24)

# KHÁI NIỆM CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI VÀ TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI



Leslie Marmon Silko (Mỹ)



Ben Okri (Nigeria)



Mario Vargas Llosa (Peru)



John Maxwell Coetzee (Nam Phi)



Tim O'Brien (Mỹ)

(Tiếp theo trang 23)

loại (ngắn) nên giống thơ là đặc điểm dễ nhận thấy nhất. Mặc dù đây cũng là thuộc tính chung của văn xuôi hiện đại thế kỷ hai mươi. Điều đó có lý do lịch sử. Kể từ khi Aristotle phân chia văn học thành thơ, kịch, tự sự thì ngay lúc ấy, đường biên của các thể loại cũng chỉ mang tính tương đối bởi đã có sự vi phạm ranh giới qua lại giữa chúng. Chẳng hạn *Iliad*, *Odyssey*, là các tác phẩm tự sự được viết bằng thơ... Song thời ấy, sự giao thoa thể loại chỉ mang tính vay mượn chứ không phải *thẩm thấu* như sau này.

Cứ thế, quá trình vay mượn hình thức thể loại diễn ra trong suốt hàng bao thế kỷ tiếp nối. Shakespeare viết kịch vừa bằng văn xuôi vừa bằng thơ. Balzac, Hugo viết tiểu thuyết theo kiểu cốt truyện kịch nằm thành phần: trình bày, khai đoạn, phát triển, đỉnh điểm, kết thúc... Nếu thế kỷ mười chín là thời lên ngôi của văn xuôi mang đặc điểm kịch thì sang thế kỷ hai mươi, thống trị văn đàn lại là kiểu văn xuôi thẩm thấu chất thơ ở các phương diện: không còn kịch tính, đứt quãng để tạo nên các khoảng lặng giữa các câu chữ; hoặc trình bày dưới hình thức một bài thơ hoặc kết hợp ngôn từ theo kiểu ngôn ngữ thơ... Sáng tác *Dòng ý thức* của những nhà hiện đại bậc thầy như Virginia Woolf, James Joyce, William Faulkner... đầu thế kỷ hai mươi cho chúng ta thấy rõ điều này.

Sang thời Hậu hiện đại, đặc tính ấy được phát triển thêm. Những sáng tác huyền thoại của Marquez thẩm thấu chất thơ, đầy hoài niệm, tiếc nuối nhưng cũng nhiều mỉa mai, châm biếm sâu sắc. Tính chất thơ ở tác phẩm Marquez không chỉ được thể hiện qua các motif thơ như hạnh phúc và ngọt ngào của *hoa hồng*, xơ xác và khô kiệt của vùng đất *không đàn bà*... mà còn được thể hiện ngay trong cách xây dựng hình tượng trung tâm bay bổng kì vĩ: chẳng hạn như một ông già với đôi cánh khổng lồ, đến trong gió bão, mang lại hạnh phúc cho đôi vợ chồng nghèo rồi bị đem ra làm trò đùa, bị nghi kị, bị hắt hủi, đối xử bạc bẽo nên nhân một ngày đẹp trời ông lão lại bay đi.

Jacques Derrida, người khởi xướng "Giải cấu trúc" (Deconstruction), một phân nhánh của hậu hiện đại, đã đề xuất định đề nổi tiếng "chẳng có gì là ngoài văn bản" (there is no outside-the-text), ghi nhận sự *tổ hợp những dị biệt liên văn bản* trong sáng tác hậu hiện đại. Tuy nhiên, nền tảng của những liên kết dị biệt đó đã được các nhà Đa đa thực hiện từ lâu.

Tristan Tzara tuyên bố trong *Cách sáng tác một bài thơ Đa đa* (How to Make a Dadaist Poem) rằng người sáng tác chỉ việc cắt rời những từ ngẫu nhiên từ bất kì văn bản nào bỏ vào mũ sau đó nhặt ngẫu nhiên ra bất kì từ nào xếp lại thành câu thơ và bài thơ cứ thế ra đời. Khi được hỏi về nghĩa của bài thơ, các nhà Đa đa đáp đầy không phải

việc của họ, bởi nhiệm vụ của thi sĩ không phải tạo ra nghĩa cho thơ, công việc đó thuộc về độc giả. Quan điểm *đa nghĩa* này được thể hiện ngay chính cái tên của trường phái: *Đa đa* chẳng hề có nghĩa gì to tát, trong tiếng Pháp ngoài nghĩa đen *con ngựa gỗ* còn có nghĩa bóng *tiếng nói bị bỏ của trẻ*. Đó là cái tên chỉ được nhặt một cách vu vơ. Thế nhưng, chính *kỹ thuật sắp xếp ngẫu nhiên* của Đa đa lại là tư tưởng cách tân sáng tạo văn chương và nghệ thuật mạnh mẽ nhất trong suốt thế kỷ hai mươi.

Kỉ nguyên hậu hiện đại, nhân danh sự sống mà rất nhiều nhà triết học kiêm phê bình văn học hùng hồn tuyên bố hàng loạt cái chết: *Chủ thể đã chết, tác giả đã chết* (Roland Barthes) và thậm chí cả *người đọc cũng chết*... Những cái chết ở đây chỉ được hiểu theo nghĩa ẩn dụ. Có nghĩa những kẻ chết đó chỉ là những cái lỗi thời nay không còn phù hợp với xu thế hậu hiện đại nữa. Thời nay, xã hội cần một loại *người mới* thay thế. Và thế là câu chuyện văn chương cứ mãi không bao giờ được kể hết.

Dẫu sao thì chủ nghĩa hậu hiện đại rồi cũng đến lúc trở thành đại tự sự cho dù các nhà lập thuyết không hề muốn. Tự nhiên và cả xã hội đều có những vận động bất ngờ, theo cách *quy luật ngẫu nhiên* mà cứ tại một ngẫu nhiên nào đó sẽ có một sự "hợp thức hóa" cũng ngẫu nhiên tương ứng và thế là mọi chuyện dường như quay lại điểm xuất phát ban đầu. Một đại tự sự mới ra đời và đương nhiên đến lượt nó, sẽ bị "giải cấu trúc".

Vậy khái niệm hậu hiện đại có mất đi không?

Không ai có thể biết chắc. Nhưng có cơ sở để chúng ta tin rằng khái niệm sẽ luôn tồn tại. Bởi lẽ trước đó, khái niệm *hiện đại* được sử dụng phổ biến kể từ thời phục hưng mà đến nay đâu đã bị khai tử? Nội hàm của *hiện đại* thay đổi qua thời gian nhưng khái niệm vẫn luôn đứng vững. Nếu thế, chúng ta hoàn toàn tin rằng sau hậu hiện đại này sẽ có hậu hiện đại khác và cứ thế cho đến khi nào *Chúa và hư vô* thôi không còn tranh chấp nhau.

Thế giới truyện ngắn hậu hiện đại đa dạng hơn bất cứ một biểu hiện đa dạng nào khác. Có bao nhiêu kiểu dạng sáng tạo nghệ thuật ngôn từ văn xuôi được con người biết đến thì đều lộ diện trong kho tàng truyện hậu hiện đại.

Khó có thể khuôn truyện ngắn hậu hiện đại thành các kiểu loại. Bởi chừng mỗi phạm vi khu biệt đó đều chứa đựng những bất cập khó có thể khắc phục. Một truyện ngắn huyền ảo hậu hiện đại tiêu biểu nhất, chẳng hạn *Cụ già với đôi cánh khổng lồ* của G.G. Marquez cũng mang trong nó những kĩ thuật khác như mảnh vỡ, nhại, thậm chí phỏng...  
Có thể thấy trên tiến trình hậu hiện đại văn chương, truyện ngắn là thể loại thể hiện

sự năng động nhất trong việc trình làng những cách tân. Với lợi thế ngắn của mình, truyện ngắn dễ xâm nhập bất cứ một hình thức in ấn phát hành nào.

Nếu trong truyện ngắn hiện đại, mỗi nhà văn đều có xu hướng quy tụ phong cách của mình và một nét đặc thù nào đó, chẳng hạn *truyện ngắn đốn ngộ* của J. Joyce, *truyện ngắn đối thoại* của E. Hemingway, *truyện ngắn dòng ý thức* của W. Faulkner... thì sang thời hậu hiện đại, các tiêu chí dùng để phân định đều trở nên thiếu rạch ròi. Mỗi nhà văn có xu hướng quy tụ trong mình một tổ hợp những phong cách.

Nguyên do xuất phát từ nguyên tắc trò chơi trong sáng tạo. Nhà văn hậu hiện đại không tuyệt đối xem văn chương là thể loại thuần nghiêm túc, mà xen vào đó là quan niệm trộn lẫn cái cao cả với thấp hèn, cái thực với cái hoang đường... Mục đích là đưa văn chương đến sát hơn với đời thực, nơi các sự vật hiện tượng xảy ra chủ yếu theo quy luật ngẫu nhiên, các nhà hậu hiện đại không cố cắt nghĩa những ngẫu nhiên đó.

Cần hiểu thêm về nguyên tắc trò chơi trong tư duy hậu hiện đại. Chơi ở đây không có nghĩa là thích gì chơi đó và hoàn toàn không có đối diện là biến những cái nghiêm túc thành khôi hài... mà chơi là sự chấp nhận nhiều biến thái mang tính luật của một dạng thức hoạt động. Phải có luật cho mỗi trò chơi, nếu không thì sẽ chẳng trò chơi nào có thể tồn tại. Vậy nên nguyên tắc trò chơi chính là chấp nhận nhiều biến thái của một tồn tại, một hoạt động nào đó của con người.

Tính chất chơi hạ bệ những gì là độc tôn, là đại tự sự, là nhất thành bất biến trong xã hội người. Chơi tạo điều kiện cho con người đối diện với nguy cơ trở thành chủ nhân của chính những nguyên tắc do mình đặt ra, trở thành người đưa ra tiếng nói riêng biệt về những vấn đề cần giải quyết. Trò chơi tạo nên sự đa dạng và phức tạp trong những nhận thức và chiêm nghiệm cuộc đời.

Như thế mỗi truyện ngắn hậu hiện đại có thể xem là một trò chơi. Vậy nên sẽ không có cách tiếp cận hoặc cắt nghĩa chung cho khuynh hướng truyện này. Mỗi truyện sẽ có một hoặc nhiều tiêu chí riêng để khai quật các vỉa tầng ngữ nghĩa. Truyện của Beckett khai thác sự hư vô của tồn tại thông qua một thế giới ngôn ngữ xô bồ đầy ắp những tiếng nói. Trong khi đó truyện của Carver lại có xu thế nói ít hơn những gì con người thực sự trải nghiệm. Truyện của Naipaul thì thẩm thấu chất thơ minh triết từ chuyện vật ngày thường. Truyện của Barthelme lại đầy ắp sự kiện lộn xộn như chính sự hỗn tạp của cuộc đời...

Tác giả truyện ngắn hậu hiện đại không đặt trọng tâm vào tính giáo huấn của văn bản, không biến nhà văn thành nhà chính trị hay đạo đức. Thay vào đó, họ đề cao năng lực khách quan hóa chủ thể, đề cao vai trò của cá nhân người thưởng thức. Viết

đối với họ là liên tục để xuất những đối thoại. Sẽ không có cái kết cho bất cứ một câu chuyện hậu hiện đại nào. Nơi cái kết của văn bản sẽ mở ra vô vàn những văn bản mới. Tiếp tục, những văn bản này lại tái sinh, tái hợp tạo thành vô số văn bản tương tác khác...

Để làm được điều này, tính trí tuệ được đẩy cao trong sáng tạo. Mặc dù các nhà hậu hiện đại luôn làm ra vẻ mình không vận dụng lí thuyết hoặc nguyên tắc sáng tác nào, nhưng thực chất việc viết lách của họ luôn tuân thủ một quy trình nghiêm ngặt. Đây là sẽ không có một nguyên tắc sáng tạo cố định nào chi phối hết thảy quá trình viết một tác phẩm. Đang kể từ ngôi thứ nhất, họ có thể chuyển sang ngôi thứ ba. Đang nói về ai đó, họ có thể vận vào mình một cách ngon đ, không thêm đếm xỉa đến các quy tắc mạch lạc trong kể chuyện...

Cách làm đó khiến người đọc không thể thụ động tiếp nhận. Đọc hậu hiện đại phải thỏa mãn khẩu hiệu: viết lại nó. Nếu người đọc không tìm được sự đồng điệu, không lẫn ra mỗi dây nào đó trong truyện thì kể như việc đọc đã thất bại hoàn toàn. Bản thân việc đọc biến người đọc thành nghệ sĩ, thành tri kỉ của người sáng tạo. Không có người đọc - nghệ sĩ thì chẳng thể nào có văn chương hậu hiện đại.

Trong lúc cuộc sống đang không ngừng loăng tan, không ngừng vẩn xoay với vũ điệu nhảy cóc bất tận với vô vàn giá trị xuất hiện thay thế, thì việc lặp đi lặp lại một mô hình nào đó không ngoài mục đích định danh, định hình lại sự vật hiện tượng. Ta thấy trong nhiều truyện ngắn hậu hiện đại, nhà văn ra sức diễn đi diễn lại cùng một mô hình ngôn ngữ, mô hình nhân vật, mô hình trần thuật nào đó. Nhưng mô hình này đương nhiên là xa lạ với chúng ta, nhưng nhờ cách làm đó mà chúng ta dần quen và sẽ hiểu chúng.

Kiểu truyện *siêu văn bản* (hypertext) được đánh số và được đề nghị các cách đọc theo các con số là một trong những bằng chứng của ý đồ "chơi" của văn chương hậu hiện đại. Trong lúc một số nhà văn đề xuất lối viết *tối giản*, thì một nhóm khác lại chủ trương *tối đa*. Bằng cách đưa vào văn bản đủ dạng thức nghệ thuật có thể, "nói nhiều" bằng đủ kiểu giọng điệu... Như thế, các nhà hậu hiện đại là những người tự do nhất trong số các nghệ sĩ trên hành trình sáng tạo. ■

(1) Jean-Francois Lyotard, *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, Ngân Xuyên dịch, NXB Tri thức, 2007, tr. 15.

(2) Nhiều nhà nghiên cứu vẫn dùng lẫn lộn giữa thời (giai đoạn) và chủ nghĩa Hậu hiện đại. Có nghĩa họ đồng nhất giai đoạn (chỉ thời gian) và khuynh hướng (chỉ tính chất). Họ xem giai đoạn đó chỉ có một khuynh hướng. Nhưng thực tế, trong bất kì giai đoạn phát triển nào của nhân loại, văn học vẫn có nhiều khuynh hướng cùng tồn tại.

(3) Jean-Francois Lyotard, *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, Sđd, tr. 54.